



NGUYỄN VĂN XUÂN
VICKI BAUM - BỬU Ý
DƯƠNG NGHIÊM MẬU
ĐỖ TÂN - MAI TRUNG
TÌNH - TRẦN HOÀI THƯ

chính văn

4

31 / Aug / 92

tập san của những suy

THƯ QUÁN BẢN THẢO



Chinh văn

Bán nguyệt san của những suy tư và xúc động trẻ

Chủ nhiệm

NGUYỄN MẠNH - CÔN

Chủ bút

TRẦN PHONG - GIAO

Thư ký Tòa soạn

NGUYỄN KIÊN - TRUNG

Quản trị viên

NGUYỄN ĐỨC - NHUẬN

Quản lý

ĐỖ - THỊ HẢI

○

Tòa soạn

215-B/34 Đường Chi Lăng
Phước-nhượng — Đ.t. 41723
Hộp thư 2498 Sài-gòn.

☆

Trị sự và Ấn loát

133, Võ Tánh — Sài-gòn-2
Điện thoại 25644

○

Biên lai chính thức số
394 / BTT - NBC - HCBC
ngày 25 tháng 3 năm 1971

Ngô-dinh Diệm, ông là ai ? *Sử liệu*

NGUYỄN VĂN XUÂN 2

Thơ chọn lọc : Phạm Phú Ba, Vũ Hữu Định,
Võ Chân Cứu, Hoàng-dinh Huy Quan, Yên
Băng, Hà Vũ Giang Châu. 9

Án tử hình, *Sách rút gọn*

Vicki BAUM — Bửu Ý 17

Tiếng động buổi trưa, *truyện ngắn*

DƯƠNG NGHIỆM MẬU 37

Rất gần, *thơ* **VŨ HOÀNG CHƯƠNG** 45

Rừng lúc nửa đêm, *Mây trời về ngàn, thơ*

HẠC-THÀNH HOA 48

Bên ngoài thành phố, *truyện ngắn,*

ĐỖ TẤN 49

Ly nước lọc, *truyện ngắn* **MƯỜNG-MÃN** 57

Gió nổi, *truyện ngắn* **TRẦN HOÀI THU** 63

Chém treo ngành, *thơ trào phúng* **TỬ KẾU** 74

Thương nhớ chiến tranh, *truyện dài*

NHÃ CA 75

Vài lời thương xác với Bình-nguyên Lộc,

NGUYỄN MẠNH-CÔN 85

Giải đáp thắc mắc **THU-TRUNG** 91

● Tranh bìa : R.BEZOMBES (tranh sơn dầu).

★ Bìa : **VĂN-THANH** — Tranh vẽ : **DUY-THANH, NGỌC-DŨNG, RỪNG, NGUYỄN TRUNG, NGUYỄN CAO UYÊN, ĐẶNG-GIAO, HỒ ĐẮC NGỌC, NAM-TIẾN, THẾ-DŨNG.**

Số 4 — Tập III — Ngày 31-8-1972 — Giá 90 đồng.

NGUYỄN VĂN XUÂN

NGÔ ĐÌNH DIỆM, ông là ai?

CHƯƠNG HAI

TẠI SAO TÔI ĐỀ Ý ĐẾN NGÔ ĐÌNH KHÔI?

Năm tôi lên mười lăm tuổi, tôi phải đi học tư dịp hè để chuẩn bị vào lớp nhất trường tỉnh. Mỗi sáng tôi thường gặp ở gần trường một cái xe do một người lính mặc thường phục kéo (1), và phía sau, thỉnh thoảng có một người lính khác lon ton chạy theo hầu. Xe một màu đen bóng, loáng thoáng những mảnh đồng sáng choang. Trên xe, chễm chệ một người to lớn, mập mạp thường mặc áo the hay loại hàng tau màu tía sẫm, trước ngực đeo cái thẻ bài lớn. Trên đầu ông ta, bao giờ cũng đội khăn đóng nghiêm trang. Đôi mắt ông hơi lé (lé kim) thường nhìn trực thị như mắt Quan Công trong tuồng. Trông qua từ xa ai cũng biết đó là người quan trọng, một vị quan lớn; càng dễ dàng nhận biết điều ấy khi cứ nhìn những người đàn ông và lũ học sinh đi đường cung kính đỡ nón chào. Ông ta có cặp mắt tỏa ra uy quyền

hay chỉ vì địa vị chủ tỉnh của ông khiến cho nhiều người phải nể sợ? Chính tôi rất lười chào ông mà nhiều khi cũng nao núng trước cái nhìn trịch thượng và xoi bói của ông. Vị quan lớn nọ — ông Ngô Đình Khôi — đối với những ai chào thì khề gật đầu để khỏi vô lễ, nhưng không bao giờ gật kỹ quá để mắt về đường bộ, oai nghiêm.

Người ta nói vị Hiệp tá Đại học sĩ, Nam Ngãi Tổng đốc này, không thêm đề ý tới ai trong vùng quyền hạn của ông ở Quảng-nam (vì tuy kiêm Quảng-ngãi nhưng chỉ là hư vị) dù là người Nam hay người Pháp. Không phải vì ông coi một tỉnh quá rộng lớn, chỉ một bước nữa

(1) Nếu tôi chỉ người lính và bảo là mấy chục năm sau, không cần học hành gì, anh cũng sẽ có văn bằng tú tài do chính bộ trưởng giáo dục cấp, và anh là một sĩ quan quân lực VNCH, có ai tin không? Nhưng đó là sự thật.

lên Thượng thư quyền uy bao trùm cả nước (Trung Việt) mà ông có đáng kèn kiệu tự đắc và coi thường thiên hạ. Mà chỉ vì ông có thế rất lớn. Ông là con một Thị vệ Đại thần : Ngô Đình Khả, rề một Quận công lừng danh : Nguyễn Hữu Bài. Cả cha ông và nhạc phụ ông đều lưu danh với đời trong câu danh ngôn «*Đầy vua không Khả, đầy mả không Bài*». Ông Ngô Đình Khả nhất định không chịu ký tên truất phế và đầy vua Thành Thái theo lệnh của Pháp. Còn khi Khâm sứ Pháp Mahé dự định đào lăng vua Tự Đức để lấy châu báu thì Cơ mật Viện trưởng Đại thần Nguyễn Hữu Bài không ký tên. Nhiều người rất khâm phục hai vị này, xem như đóm lư, c, khi phách hơn người, và họ thông gia với nhau thực xứng đáng. Châu Trần còn có Châu Trần nào hơn Danh thơm ấy qua nhiều năm tháng chưa phai. Trái lại những người đứng đắn có kiến thức thì tỏ ra rất nghi ngờ. Họ cho là hai ông quan theo Ki-tô giáo này chỉ làm trò đánh lộn con đen.. Và chẳng cùng một việc ấy, khi một ông quan theo lương (cúng ông bà) hay khác đạo mà làm thì lập tức đi tù hay ít ra cũng bị giáng chức, cách chức mà hai đại thần kia làm thì cứ phăng phăng lên chức là nghĩa lý gì ? Người Pháp và các lực lượng có uy quyền của thực dân hay Giáo quyền Hải ngoại thường có lối dùng người khác xa lối quan niệm của đồng bào ta; hình như họ muốn dùng dưỡng một số người để gây thiện cảm với trí thức, với nhân dân rồi tùy đó lái vào những mục tiêu của họ... Pa-ri

hay Va-ti-căng ? Vì sự thật, dù đưa đao vào cổ một nhà viết sử trung thực mà bảo họ nói ông Khả, ông Bài là nhà ái quốc thì họ đành chịu... mất đầu; rồi ra, đầu còn mọc lại, chắc họ sẽ vơ một tài liệu nào đó, chẳng hạn một tài liệu của Tây thực dân chính cống đã viết về ông Bài với lời tán thưởng (của Tây) như sau để thấy rõ tâm tư thâm kín nhất của ông đối với thực dân Pháp ra sao : trong «*Mấy điều chính xác về một thời hỗn loạn trong lịch sử Việt Nam*», A. Delvaux (2) đã viết : Ông Nguyễn Hữu Bài, cựu Cơ mật Viện trưởng Đại thần suốt mười năm, đã tuyên bố với tác giả (Delaux) : Sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng những tài liệu liên hệ tới Pháp Việt bang giao, tôi xác tín nước Pháp chỉ khai triển cuộc bảo hộ vì «*cực chẳng đã*» (3) mặc dù nước ấy (Pháp) không muốn tí nào và còn bị thôi thúc bởi những vi phạm hiệp ước không dứt do triều Tự Đức gây ra (tr.4).



Tôi sở dĩ biết ít nhiều chuyện về ông Bài, ông Khả, là vì tôi đang ở vào thế giới của họ. Nguyên do thế này : anh Ba Nhơn sau khi bỏ nghề tài xế cho cậu tôi, đầu đơn vào lính để thoát cảnh bắt bớ oan ức. Quả thật, anh đã thoát được nhẹ nhàng. Về sau khi viên Tổng đốc cử một người lính làm tài xế thì người ta nhớ đến anh. Như thế

(2) *Bulletin des amis du vieux Huế*.

(3) Nguyễn văn viết 3 tiếng này bằng quốc ngữ để nhấn mạnh.

có thể là viên Tổng đốc được hưởng trọn lương nhân viên tài xế của anh và anh cứ tiếp tục được hưởng lương lính chẳng? Tôi ở tỉnh, không quen ai, được anh Ba dẫn theo ăn cơm ở nhà sau Đốc bộ đường với anh. Ở tại Đốc bộ đường, tức là văn phòng của Tổng đốc, tôi có quen với ông Quyền P., vì là người cùng quê, nên tôi tự do vào ra lúc bải hầu. Thật ra, chỉ trừ buya-rô của Tổng đốc là tôi không dám vào, còn các phòng khác, nơi nào cũng có dấu chân của tôi: tôi lục giấy tờ coi trộm, tập đánh máy chữ...

Tôi bữa ăn, trên một cái sập lớn đặt giữa nhà cầu, chỉ có bốn người được ngồi. Phía ngoài là anh Ba Nhơn, ông Quyền. Phía trong là ông T.V.H. và tôi. L.V.H. sau này là Bộ trưởng của chính phủ cách mạng sau chính biến năm 1945, bấy giờ là một người tù Cộng sản. Ông sở dĩ được ngồi ngang hàng... với tôi, vì ông được ông Ngô Đình Khôi che chở. Cho đến nay, tôi vẫn chưa hiểu rõ uẩn khúc của thái độ ông Khôi, song tôi có thể hiểu đại khái như sau: hoặc anh em Ngô Đình Khôi, Ngô Đình Diệm dù ra làm quan cho Pháp song lòng ái quốc chưa chết hẳn. Ta sẽ không ngạc nhiên khi biết các ông, nhất là ông Diệm, vẫn có liên lạc với Cường Để ở Nhật-bản và Phan Bội Châu đang bị giam lỏng ở Huế, với Huỳnh Thúc Kháng lúc ấy đang chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *Tiếng Dân*. Như thế, có thể là đối với các nhà cách mạng, dù thuộc xu hướng nào, các ông cũng nói tay. Hoặc nếu không phải do lòng ái quốc tiềm tàng, cũng có thể là các ông không

muốn mang tiếng đã làm tay sai đặc lực cho thực dân, triệt hạ những nhà cách mạng trong khi thế lực trong tay các ông còn rất mạnh. Hoặc sau hết, cũng có thể, như ta vẫn thường thấy, các quan lại, các chức việc Việt-nam đối với những nhà chính trị, nhà cách mạng chân chính, trừ bọn chó săn, bọn đề tiện mất hết lương tri, còn thì vẫn có chút biệt nhỡn. Sau khi tra hỏi xong, họ thường dành những tự do trong quyền hạn tối thiểu của mình mà quan Tây còn giao cho, để đối đãi với tù nhân. Riêng trường hợp ông L.V.H., tôi đoán là ông Khôi đã chịu ít nhiều ảnh hưởng của ông Diệm nên mới nói rộng cảm tình như thế.

Thời kỳ này, ông H. được sung làm thư ký đánh máy chữ giúp cho một Ty. Tôi chỉ biết qua loa ông ta là một người tù, giỏi đánh máy chữ, đánh bằng cả mười ngón, nấu ăn rất khéo. Trông ông, người ta biết ngay là người ở thành thị, có học thức với đa dề trắng trẻo, thân hình mập mạp, mặt mũi dễ coi, cầm bành, đặc biệt hai bàn tay với mười ngón no tròn chứ không xương xẩu, như hầu hết người quanh ông. Trong bữa ăn, ông ít khi nói chuyện. Mọi người cũng không nói gì ngoài mưa nắng. Đối với ông, ông Quyền và anh Ba xem như một vị khách quý tuy vị khách đó bao giờ cũng phải ngồi... phía trong. Sau này, năm 1945, khi cao trào cách mạng lên mạnh, tôi gặp lại ông H. đang hăng hái trên đường hoạt động. Ông đã lớn tuổi, mập thêm ra, chống ba-tông hồi đi làm tôi đường về nhà một đồng chi. Tôi

nhận ra ông, nhưng ông không thề nào còn nhớ nổi vị thực khách mình được hân hạnh ngồi... ngang hàng một độ nào.

①

Nhưng có người bảo là ông Khôi chỉ cư xử tử tế với riêng ông H. mà thôi. Vì thời kỳ này, tù chính trị mỗi ngày một đông, lao nào cũng lao nhao lúc nhúc những người. Những kẻ nặng **thà** bị tra tấn kềm kẹp gắt. Người ta nói là ông Khôi vì theo một tôn giáo rất "kỳ". Cọng sản nên ông ít khi nói tay với một người nào một khi lọt vào quỹ đạo của ông. Cho tới nay tôi vẫn chưa kiếm lại được dư luận này. Nhưng điều tôi biết chắc là đối với những người bị bắt về tội chính trị thuộc phe phái quốc gia — cụ thể là Cao-dài giáo — thì ông lại đối xử tử tế. Sự kiện này chính một chức sắc Cao-dài đã bảo cho biết như thế sau này.

CHƯƠNG BA

NHÀ MÁT

Cách Vinh-diện, theo đường dẫn lên tháp Bửu-ngân chừng một độ đường ngắn, người ta thấy sừng sừng cạnh đường, soi bóng xuống mặt sông, một dãy nhà có vườn rộng. Nhà này nguyên là của một thân hào quyền thế địa phương; có lẽ tay chánh tổng nhiều mưu trí xảo quyết này đã khôn khéo dành cho viên Tổng đốc khu nhà rộng lớn với

những toan tính thâm kín khôn ngoan mà ai có chút kinh nghiệm sống đều đoán biết: nhờ khu nhà ấy, nhờ hơi hám của viên Tổng đốc, y sẽ tăng cường thế lực đủ để cho quan dân địa phương kính nể, để yên cho y tự do tung hoành tác oai, tác quái. Viên Tổng đốc tất nhiên biết, nhưng cái đó chỉ ảnh hưởng ngăn ngầm, không bộc lộ thì có can gì; trong khi đó ông ta hưởng cả một ngôi "nhà mát" khang trang trên bờ sông hời còn gì thú hơn? Thứ nhất là khỏi trả một xu nào và thứ hai thì hiển nhiên các quan khác chưa ai được hưởng: thoát ly nhiệm sở tuy nguy nga, bề thế song uất giữa bốn bức thành kiên cố, tối tăm.

Thời ấy, thành tỉnh Quảng-nam cũng như tất cả các thành khác trong nước, sau Gia Long, Minh Mạng đều canh tân theo kiểu thành Vauban bên Pháp. Bên ngoài thành có hồ sen, dựa hồ sen là bờ thành gạch, chứa nhiều khoảng trống để đặt đại bác. Trong thành gạch có thành đất thấp hơn để bố trí chiến đấu. Đối với chúng ta sau này, trông cái thành quen mắt, không còn cảm xúc, nhưng giá ta sống vào thời Minh Mạng nhìn thấy mỗi ngày ngôi thành một sừng sừng mọc lên, kiên cố, nguy nga, uy nghi, và rộng lớn như chưa từng thấy trong lịch sử thì bảo làm sao không phát khởi một niềm tin vào chế độ. Sau này, xét thơ văn của Nguyễn Công Trứ, của các tác giả tuồng hát. Trung hiếu lòng lầy mà không đặt nó trên bối cảnh những thành quách trùng trùng, những con kênh dài cả trăm cây số, những đội hải

thuyền canh tân theo Âu châu thì làm sao thấu hiểu được niềm tin tuyệt vời của những đứa con thời đại? Trong thành, nhà cửa san sát, có những Đốc bộ đường, Ty phiên (bổ chánh), Ty niết (án sát) và nhà cửa các viên chức; tuyệt đối không có trộm, cướp. Ngày lụt, lính canh liền đóng cửa thành, tấn những phiến gỗ xếp sẵn bên cạnh khiến cho nước muốn tràn vào cũng phải vất vả, nhọc nhằn. Nhưng từng ấy tiện nghi, từng ấy biệt đãi không sánh nổi với hai điều bất tiện: một là thiếu gió vì bốn hướng gió đều bị thành cao ngăn đón; hai là dễ bị bệnh sốt rét vì muỗi trong thành thôi thì hăng hả sa số và không hiểu tại sao có cả muỗi độc khiến những người rét đều mê mị li bì. Bởi lẽ đó, tuy được thừa hưởng cả một ngôi lầu cao chót vót, ở vào địa thế thuận lợi nhất, nhưng viên Tổng đốc gần như không bao giờ lưu lại biệt dinh ở Đốc bộ đường. Hễ làm việc xong là ông ta lên xe kéo ra nhà mát và tuy gọi "nhà mát, nhưng ông ở đủ bốn mùa, với tất cả vợ con, gia nhân; những thuộc quan khách khứa muốn tiếp xúc riêng với ông đều phải đến đó.

Khu nhà này gồm ba phần, tọa lạc trên một cái vườn rộng chừng 500 mét vuông. Từ dưới lên là dãy nhà phụ, dành cho bọn con cháu, con nuôi; giữa là một cái vườn hoa muôn hồng, nghìn tía; cuối cùng là ngôi nhà mát rộng lớn, luôn luôn được che khuất bởi những bức sáo, tấm màn hay cây cảnh và rất ít khi thấy thấp thoáng bóng người. Nhà

mát ấy sẽ là bản doanh của "chính trị gia" Ngô Đình Diệm sau này.

Làm thế nào tôi vào được nhà mát?

Nguyên do trong lớp học tôi có tuồng con nuôi của ông Ngô Đình Khôi. Nó tên Kim (1), ăn nói liến thoắng như một con sáo, và học giỏi hơn... tôi. Thấy giáo tôi nề mặt lắm, không phải vì nó học giỏi mà vì nó có mang trong người hơi hám của viên Tổng đốc kia. Kề ra trong lớp tôi, thầy giáo còn phải nề nang nhiều đũa vì chả thiếu gì bọn con quan ở trong ngôi thành đồ sộ này. Đây cũng là nơi sẽ đào tạo nhiều nhân viên cao cấp và cả những tay sai đắc lực nhất để làm thành một cái đại vững vàng cho Dinh Độc lập sau này. Trước tôi một năm bọn anh em VVH, VVL, người sẽ là bí thư của ông Diệm, người là cố vấn cho Đặc sứ Luyện; sau tôi một năm thì anh em N.V. H. cũng đều góp phần quan trọng mà H. giữ vai trò Thống đốc Ngân hàng rồi bây giờ hình như lý thuyết gia của các biến chuyển lớn kinh tế, kể cả kinh tế gia nhân, những kẻ thân cận đắc lực nhất cũng phần lớn bắt nguồn từ đây. Như vị trung-ủy-kéo-xe tôi giới thiệu ngay từ đoạn mở đầu tập sách này chẳng hạn!

Tôi đã theo Kim để tôi chơi nhà mát. Tôi tìm cách len lỏi vào sâu, nhưng mặc dầu Kim thả lỏng thế mà có

(4) Vì lý do riêng, tôi dời những tên người trong tập này.

một sức mạnh vô hình nào luôn luôn ngăn cản, không cho tôi tự do tung tăng như ở nhà viên An sát mà tôi thường tới chơi. Dưới con mắt quê mùa ngơ ngác nhưng cũng tinh ma của tôi thì một cụ An sát có khác gì một cụ Tổng đốc và một đứa con nuôi có khác gì đứa con ruột khi chúng là bạn học của tôi ? Vậy mà lạ thay, tôi thấy Kim hình như không hoàn toàn tự do như những đứa con nuôi của ông An — ông này cũng có con nuôi — chứ đừng nói con thật của ông. Tôi có cảm tưởng rõ rệt là Kim cũng không được tự do gì lắm trong khuôn viên này. Tuy nhiên, cũng nhờ qua lại chơi với Kim lâu ngày mà tôi biết gần hết những người — có thể gọi là gia nhân — trong nhà mát. Ông Khôi có ba, bốn người con theo lối «nuôi làm phước» chứ không phải nuôi thật lòng như các gia đình ta. Những người này về sau có một người làm linh mục, còn tất cả — lạ lùng thay — khi ông Diệm lên làm Tổng thống, không một kẻ nào theo ông, không kẻ có người ở bên kia chiến tuyến ! Phần Kim, khi tôi gặp lại, giữa lúc ông Diệm uy quyền lừng lẫy, tôi suýt tưởng nó đã làm ông lớn, vì bọn lính hầu nó cũng đã có địa vị cả rồi — thì nó vẫn liến thoắng cười bảo tôi :

— Tao mới ở tù ra.

Di nhiên, nó bị tù chính trị của ông Diệm ! Sau 1945, tất cả đều thay đổi. Không biết ông Diệm có thấy rõ điều đó một cách thấm thía hay không ?

Trở lại thời kỳ này, trong nhà mát, ngoài các bộ mặt con nuôi hạng nhì, còn

một thứ con nuôi ngoại hạng nữa. Ấy là một thằng bé trắng trẻo, bao giờ cũng tươm tất trong áo quần sang trọng bảnh bao, chuyên môn gọi tất cả gia nhân dù bằng tuổi cha chú nó là «mì». Người ta gọi nó là cậu «bé Ti». Bé Ti đi đâu, hoặc bằng ô tô, xe kéo đều do quân nhân hướng dẫn. Bé Ti được tất cả mọi người có biệt nhơn. Dù tôi còn nhỏ, tôi đã thấy ngay bé Ti không thuộc vào lũ con nuôi làm phúc kia mà thuộc loại riêng. Tôi đem điều đó hỏi, thì một gia nhân cười và bảo nhỏ :

— Bề ngoài thì nó là con nuôi, chứ trong thì nó là con ruột của cụ. Cụ theo đạo, không có quyền cưới hai vợ ; nhưng vì cụ có lấy một cô giáo có thai rồi đẻ ra Bé Ti. Theo phép đạo, phải gọi nó là con nuôi, nhưng trong nhà không ai xem nó như con nuôi.

Không ai xem nó như con nuôi nhưng éo le, cũng không ai dám xem nó như con đẻ. Con đẻ thật, ông bà Khôi chỉ có một người đang tông học ở Pháp: Ngô Đình Huân. Huân sẽ đóng một vai trò dưới thời Nhật thuộc. Và nếu Huân không chết một cách thảm khốc thì chế độ gia đình trị của họ Ngô trong thời hoàng kim đã vang danh thêm một thứ Cổ vấn, Đặc sứ lấy lòng khác bở tức cho tập đoàn Diệm, Nhu, Thục, Cần Luyện và bà Nhu... Độ ấy, Huân còn ở ngoại quốc chưa về. Những gia nhân thì không có bộ mặt nào đáng kể ngoại trừ vợ chồng anh bếp Sa. Anh và chị đều người Bình-định. Trông anh gầy gò, bao giờ cũng có vẻ như đau bao tử. Nhưng chị thì tươi tắn hồng hào, mơn

môn. Không ai dám nghĩ chị là vợ anh bép. Cũng không ai thấy chị thấp thoáng phía sau mà không tưởng chị phải ở trên hàng tôi tớ trong nhà. Tôi đã từng nhìn chị lâu lâu dù chị lớn hơn tôi những năm, bảy tuổi. Mỗi chúa nhật, chị vào nhà thờ Phước-kieu — cách Vinh diện ba cây số — để xem lễ; trên đường đi, trong bộ đồ lãnh Bình-dịnh lằng mướt, tôi thấy chị nổi bật giữa đám người đơn sơ chất phác kia. Chị không đẹp, nhưng trông chị có vẻ lắm và những ai thích một thứ hoa đồng cỏ nội mùa xuân, chắc khi nhìn chị sẽ cảm thấy thích thú. So chị với anh Sa, tôi có cảm tưởng một thế giới đang khép và một thế giới sắp mở ra.

Nhưng tất cả những nhân vật này sẽ phai mờ hết trong một ngày kia, khi tôi thấy xuất hiện một người lạ trong vườn hoa, đang cắt tỉa một chậu hoa hồng. Cái vườn hoa này, như tôi giới thiệu qua, có nhiều kỳ hoa, dĩ thảo xếp đặt khắp nơi do các thuộc cấp bốn phương đóng góp. Giữa sân, có một bục gỗ, trên bục gỗ, ngôi hoa còn treo lủng lẳng nhiều cành lan mà tôi chưa biết tên và giá trị ra sao. Trong vườn, trừ một đôi gia nhân chuyên việc tưới nước bất sâu, tôi ít khi thấy có ai đến thưởng ngoạn. Đây là lần đầu, người này ngang

nhiên tới đây, xem tự do như ở trong nhà, không một chút bỡ ngỡ. Tôi tưởng cũng nên nhắc lại là tôi chưa hề thấy ai vào ra đây với vẻ ung dung tự tại. Có lần, tôi đã thấy viên lãnh binh, chức võ quan cao cấp nhất ở tỉnh vào châu cù. Thực tế, ông ta phải ngang cấp bậc một đại tá (tuy dưới thời Pháp thuộc, ông bị xem như một chuẩn úy, thiếu úy), tư lệnh quân đội Nam triều. Thế mà tôi thấy ông đứng khúm núm mãi cho tới khi cụ cho phép, mới dám rón rén tới ngồi ở một cái ghế xa xa, chờ nghe lời cụ dạy. Xem ra còn xa cách hơn là lũ trẻ con chúng tôi vào chơi, nói chuyện với cụ Án. Vậy mà người đàn ông này tới đây, ngang nhiên như thế, hẳn phải là một nhân vật đặc biệt. Ông ta hơi thô. Người tròn trịa. Mặt ông cũng mập và hao hao giống các ông Khôi, ông Thục tuy nhìn rõ không biết giống ở điểm nào. Trông mặt ông có vẻ quan dạng, dù ông chỉ đội nón trắng, mặc bộ đồ lụa "mã hờ" cao cổ, như một người trưởng giả thường.

Tôi cảm thấy nghi hoặc trong lòng và nghiêm cần hỏi nhỏ Kim :

— Ông nào đó mi ?

Kim nhìn ra, cười bảo :

— A, cụ Ngô Đình Diệm đó.

NGUYỄN VĂN XUÂN



(Còn tiếp)

những bài thơ chọn lọc

PHẠM PHÚ BA. VŨ HỮU ĐỊNH. HOÀNG ĐÌNH
HUY QUAN. YÊN BẰNG. HÀ VŨ GIANG CHAU

Những ngày tan rã

ta từng đêm nằm nghe tiếng gọi thân yêu từ cõi chết
hồn buốt căng trên ngọn khói sương
ta từng đêm nằm nghe tiếng còi tàu buồn bã
rã lòng mong những chuyến lên đường

ta cũng một con tàu với chiếc neo kỳ dị
ngày thêm chết cứng dòng nước đen
dòng nước đen ta soi mình tàn tạ
một bóng đời chết sững đáy sâu căm

hỡi ơi ta vẫn mong một ngày bứt neo tan xác
ta con tàu mơ cơn bão cuồng
lòng đá ngăm và cơn động biển
một ngày nào thân nát gửi đại dương

ta bây giờ ra vào như cái bóng
cạn lòng yêu cái chết đến điên cuồng
hãy đổ rượu vào máu ta cho ập
và đốt lên cho đến giọt cuối cùng

ta bây giờ nghĩ về một trái nỏ
một ngày nào rút kíp đề trên tay
nâng niu như trái tim mình thể thắm
nỏ tan tành như vỡ một cơn say

cảm ơn đời đã cho ta những ân huệ thừa
con dao cùn trên tri nhớ hoang vu
chém hoài một vết thương quá khứ
ta cảm ơn đời bằng máu lưỡi, môi ta

ta bây giờ tuyệt cùng con đường sống
đốt trái tim soi bóng tối ngục tù
sinh lực ta tuôn hoài như băng huyết
như người đàn bà hấp hối với con so

ôi đêm của ta một thiên thu khủng khiếp
một rừng chông rì sét áp trên hồn
ôi ta mong hoài cạn đời tàn kiếp
ngày ta một mình ôm trái nỏ tan hoang.
(mười hai bảy mốt)

PHẠM PHÚ BA

Phơi áo

Em phơi áo, phơi cả hồn trinh bạch
Tà xuân xanh giọt nước xuống lòng anh
Một thoáng gió đã làm cảm động
Tình chao theo hồn áo mỏng mong manh

Em phơi áo phơi tuổi ngà mười sáu
Phơi thơ ngây, mắt ngược đắm màu hanh
Một chút nắng làm phẫn hồng đôi má
Hồn anh phơi bên hàng dậu liền thành

Chiều nắng mơ bên khu vườn yêu dấu
 Có em phơi tình của gã lảng giềng
 Anh đứng lắng nghe chim gù hạnh phúc
 Nghe mơ hồ gió tạt chút tình riêng.
 VŨ HỮU ĐỊNH

Ngày xuân ở quán

Con gái ngày xuân như mới tắm
 Buổi mai sương ướt cỏ hoa ngời
 Lòng đá chợt mềm chào rất nhẹ
 Nhớ mình vừa vượt tuổi ba mươi

Năm nay ăn tết cùng ông quán
 Mông một đời cay miến mút gừng
 Chén rượu ngày xuân sao đắng miệng
 Giang hồ nghe cũng đã đau lưng

Vẫn đi như một anh hành khất
 Đuối sức nhưng quê đâu mà về
 Ta sống một đời mây nhuộm bệnh
 Bồng bênh sâu đụn màu sơn khê

Sáng nay nghe pháo ran ngoài phố
 Ngồi pháo đời ta cũng cháy ngăm
 Thấy gái xuân tươi lòng cũng thẹn
 Chuồn chuồn xếp cánh đậu băng khuâng.

VŨ HỮU ĐỊNH

Miền lục trúc

Đi qua miền lục trúc
Trời im vờn mây đục
Mấy túp lều con con

Tiếng chim trong lá rúc
Gió lao xao dậy vờn
Âm thanh ngắt từng khúc

Muốn vô hồi rõ nguồn
Bóng tà dương đã giục.

VỖ CHÂN CỬU

Vợ hiền

Ngồi đây trời đất buồn hiu
Hoa hoàng lan nở giữa chiều nhớ nhau
Đất trời qua một cơn đau
Thương em hiền thực trước sau ngậm ngùi.

HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN

Chuyện mười năm

Em còn nhớ năm mười sáu tuổi
 Nhã Hoàng Lan ơi, anh có một nỗi buồn
 Nỗi buồn đó trong hồn anh quanh quẩn
 Đã cay lòng xé ruột suốt mười năm

Mười sáu tuổi anh sống thời lãng mạn
 Sống tận cùng cho một trái tim
 Nên dù biết yêu em là vụng dại
 Mà tâm hồn anh không lúc nào quên

Thời đó em như con chim nhỏ
 Còn chuyền cành có biết gì đâu
 Thời đó nhắc làm gì buồn lắm
 Nhã Hoàng Lan ơi đã đủ mười năm sầu

Ngon gió đó từ lâu anh tưởng tắt
 Tưởng đã tàn như một cơn mơ
 Ngon gió đó, Nhã Hoàng Lan em hỡi
 Đã mười năm anh thôi thóp đợi chờ

Đã mười năm, trời hỡi, đã mười năm
 Anh lay lắt mà em còn lạnh lẽo
 Đã mười năm, buồn lắm, Nhã Hoàng Lan
 Anh đứng mãi như ngọn đèn hiu hắt.

HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN

Một đôi điều không thể nói

I.

Trong ghềnh thác có nhiều đá ngầm
trong mồm ta có nhiều gai nhọn
nên dù chí lớn như cá ông
ta vẫn có đôi điều cảm nín

Chê thiền sư dưới cội tùng già
khi giữa khu rừng có nhiều trái độc
đang gọi mời ta.

II.

Ngày em trao ta một đóa hoa vàng
là vá giùm ta trái tim rỉ máu
bởi không thể nói lời yêu em
khi gia sản ta là giày đinh mũ sắt
bạn đời ta là bóng tử vong.

III.

Đêm một mình ngồi trên chòi gác
ta chán đời cắt giọng cười khan.

IV.

Dù muốn nói nhưng lưỡi mòn răng lạnh
môi đã khô theo trái tim chì
thì người yêu lẫn bạn bè ta hỏi
hãy thương xót cho một tên cuồng si
đã bán nụ cười mua chung rượu để
uống giữa rừng dưới ánh trăng tẻ.

YÊN BẢNG

Cho Võ Sinh, căn cứ Ái Tử

Mây đã về rồi đó hả Sinh
sao mây về chỉ có một mình
tao nghe mây đóng ngoài Ái Tử
mây có về thật đó hả Sinh

cám ơn mây cho tao phút gặp
tao tưởng rồi mây cũng quên tao
quên tao như bao thằng bạn khác
chúng không về ngôi mộ đã xanh

mây đã về rồi đó hả Sinh
sao mây không chiến đấu tới cùng
hay mây sợ đạn bom vùi dập
như thằng Khoa thịt óc vỡ tung

mây về đó chừng nào đi lại
tao ở đây ngày tháng lêu lêu
lũ học trò nhìn tao thất thểu
cuộc đời mình chẳng khác rong rêu

từ mấy bữa thấy ngoài Quảng Trị
đồng bào ta đầm dất tản cư
trên khuôn mặt xám đen ngơ ngác
hỏi thăm sao họ cũng ừ ừ

từ mấy bữa nghe ngoài Quảng Trị
giặc tràn về pháo kích bom rơi
ở ngoài đó tao còn người chị
chắc bây giờ cũng bỏ cuộc đời

từ mấy bữa tao lo quyền gạo
lũ học trò nhốn nháo xin đi
trên khuôn mặt tao cười gượng gạo
các em về sắp đặt chia ly

mày có thấy bây giờ tao như thế
sống âu lo sống phút sống giờ
tao chẳng biết mai này còn gặp
hãy cho tao một phút không ngờ.
HÀ VŨ GIANG CHÂU

Sắp phát hành :

Chuyện hai người

truyện của HOÀNG NGỌC TUẤN

*tiếng nói của tình yêu trong văn chương ; tiếng gọi
thanh bình cất lên từ một thời đại hoang tàn vì súng đạn*

AN TIÊM xuất bản
176 trang — giá 280 đồng

Án tử hình

Truyện của Vicki BAUM
Bản rút gọn của Bửu Ý

Nguyên tác Đức ngữ : «Feme».
Rút gọn theo bản Pháp ngữ
«Arrêt de Mort» của Gaston và
Raymond Baccara.

*Câu chuyện xảy ra
giữa hai trận đại thể chiến.*



Hắn đến bên cửa sổ, nhìn xuống đường, trông ngóng.

Đại lộ dài, thẳng tắp : hai dãy cột đèn lồng kính đứng sấp hàng như hai hàng âm binh dàn chào, cụt đầu. Một người đàn bà lặng lẽ bước, tay cắp chiếc giỏ. Viên bưu tá băng qua dãy mặt tiền phố xá, không dừng lại, chẳng đưa thư. Dăm đứa bé nghịch ngợm, một đứa khóc lên eo éo. Ở góc đường có chiếc xe hơi ló ra, kéo còi rồi đâm đầu chạy thẳng.

Hôm nay, vẫn không có chuyện gì xảy ra. Từ ngăn nhà sát vách vọng qua đều đều một điệu hát mà hắn đã nghe nhàm phát gãy. Gia đình hắn sa sút, đành phải cho mượn bớt một ngăn cho một gia đình « vô sản », theo cách gọi của ông tư vấn, cha hắn.

Hắn nằm xuống giường. Có tiếng động khẽ sau lưng. Hắn đảo mắt rồi thốt gọn :

— Tưởng ai !

Giọng lộ vẻ thất vọng, chán nản.
Charlotte, chị hẳn, bước tới :

— Cậu chờ Gregor chứ gì ?

Rồi Charlotte lên tiếng trách móc em họ này hút thuốc nhiều, không lo học hành, ăn ở lười nhai.

— Cậu chờ Gregor đề cùng đi đến «đường ấy» ?

Hắn gật đầu.

— Nguy hiểm không ? Mà chắc hẳn là nguy hiểm. Gregor đi đến đâu là nguy hiểm theo đến đó. Tình hình sẽ sáng sủa hơn chẳng, nếu các cậu đạt được mục tiêu ?

Hắn đáp :

— Dĩ nhiên là sáng sủa hơn.

Charlotte đứng lên :

— Thôi đi ăn, tối rồi.

Hắn bước ngang qua phòng làm bếp của gia đình «vô sản», phòng này trước đây vốn dùng làm phòng tắm; mùi dầu, hành, tỏi, hắt xông lên mũi. Hắn bước qua phòng làm bếp của gia đình hẳn. Cũng cùng một mùi y như thế, và mẹ hắn đang lui cui soạn sửa. Gia đình hẳn sa sút thấy rõ. Ông tư vấn hừ trệ như già thêm, ngày ngày đọc báo đứng tựa lưng vào lò sưởi không đốt lửa từ lâu như tờ tường tới cái ấm áp ngày nào. Bà vợ thì dù đã lẩm nhép nhăn trên mặt và sớm tối làm việc bếp núc vẫn cố gắng săn sóc mái tóc hai bên tay và chải chuốt móng tóc của mình. Mỗi bữa ăn là mỗi bữa làm hắn ghen hòng vị diên tiết, vì sầu não, trước cảnh thiếu thốn và gượng gạo của gia đình. Ông tư vấn vừa ăn vừa bảo :

— Đọc báo chán ngắt, không còn tin tưởng gì được nữa. Thằng đó mà tổng trưởng cái gì ! Hà lạm, thói nát, dơ dáy ! Xứ sở gì mà khốn khổ, khốn khổ... Bây giờ mọi sự đều do nó định đoạt.

— Còn bao lâu nữa đây ? hẳn lên tiếng hỏi.

— Mấy bảo sao ? ông tư vấn hỏi lại.

Con hỏi : Còn bao lâu nữa ? Tại sao mình biết rằng nó hà lạm, nó gieo rắc thói nát, dơ dáy mà vẫn đề cho nó tung hoành ? Có một điều chắc chắn : phải trừ khử nó. Rồi mọi sự sẽ đổi thay.

Trong khi hắn nói, Charlotte đắm đắm nhìn hắn, cười thầm trong bụng : «Ông nhỏ lớn lối thế !. Ông tư vấn cũng tỏ ra sốt ruột :

— Thôi mày ơi ! Nó được tám chục phần trăm phiếu thuận thì trừ khử là trừ khử làm sao ?

— Trừ khử làm sao ? Được, rồi bố coi. Dân chúng sẵn sàng đầu vào đó cả rồi, thiếu gì sự phối hợp, hợp lực. Một kẻ đã quyết tâm, súng trong tay, thì buộc nó phải đi chỗ khác chơi chứ khó gì. Có thể đầu độc nó, vì nó là kẻ đầu độc thiên hạ. Nó đi tàu thì cho tàu trật đường rầy, nó đi xe thì húc nó xuống hố. Nó ở nhà thì cho nhà nổ bùng.

Ông tư vấn bật đứng lên :

— Nổi nghe dễ ! Cứ tiểu thuyết trình thám cho lắm vào rồi tha hồ nói, nói. Tao xin mày lo giúp tao cái kỳ thi luật của mày còn hơn là bông lông lắm lợi !

Bà vợ nói lảng sang chuyện khác. chuyện gia đình ở trọ bên kia vách. Nhưng, đúng lúc này, có tiếng huýt gió theo một điệu kèn nhà binh vẳng lên từ dưới đường. Charlotte đưa mắt ra hiệu cho em, hần lạt đặt đứng lên, xin lỗi bố mẹ rồi bước nhanh ra ngoài.

Người mà hần trông ngóng : Gregor Askanius, người cao lớn, trung niên. Sau vài câu thăm dò, hần tinh ý chỉ vào tay trái dút vào túi của người đàn ông :

— Bị thương chắc ?

Gregor gật :

— Xoàng thôi. Lỗi tự anh. Anh bị lộ tẩy giữa lúc chiếc tàu chạy quá nhanh. Không thể lựa chọn, đành nhắm mắt nhảy liều. Thất bại lần nữa, lần này là lần thứ ba. Tên tổng trưởng tốt số quá. Nhưng anh bảo cho cậu biết, có điều này là chắc chắn : một kẻ đã quyết tâm hy sinh mạng sống của mình từng phút từng giây, kẻ đó có thể làm mọi người đứng lên.

Hần cao hứng phụ họa :

— Phải, anh nói đúng. Mà tại sao mình không làm mọi người đứng lên ? Trong chúng ta, có ai là kẻ không sẵn sàng hy sinh từng phút từng giây vì đại cuộc ? Mình ham sống lắm chẳng ? Chính trong những giờ phút ưu tư vì đại cuộc chúng ta mới sống thật. Nếu không có đại cuộc thì không khí ngột ngạt biết chừng nào, mình sẽ vô vọng mà chết. Nay mình đã quyết tâm, thế mà chẳng nên công cán gì. Xứ sở mình như một con tàu vụng lái, mỗi giờ trôi qua mình càng xa con đường phải đến. Hôm nay, thất

bại này; ngày mai, thất bại khác. Cả bọn lần hồi bị tóm bị tĩa. Bây giờ thêm anh bị thương. Ngay cả anh cũng thất bại, ai thành công bây giờ đây ?

Gregor Askanius bỗng đổi giọng :

— Dù sao, Hội đã quyết định : tên tổng trưởng phải chết. Kỳ hạn là ba tháng phải xử nó. Hội cũng đã thảo luận và đề ra tám phương cách để đạt mục tiêu này : phương cách thứ tư vừa mới thất bại hôm qua đây. Anh sẵn sàng nhận tội, anh sẵn sàng chịu chết. Nay, Joachim, anh bảo cho cậu biết : mười bảy tuổi như các cậu, các cậu hăng máu, các cậu sốt ruột, nhưng các cậu phải tập kín đáo và kín miệng. Chương trình chúng ta thất bại, một phần cũng vì các cậu đấy.

Joachim trở nên nghiêm trọng :

— Anh nói đúng ! Nhưng một phần cũng vì chương trình của anh, hoặc là chương trình của thủ lãnh, quá phức tạp. Thất bại, là vì các anh lệ thuộc vào sự ngẫu nhiên và vì các anh huy động nhân số quá lớn, và nhất là vì các anh còn trù tính chuyện thoát thân. Theo ý em, một người thôi là đủ, không cần chương trình, không cần thoát thân. Theo ý em, một người nếu đã nhất quyết thì đơn giản vô cùng : tìm tên tổng trưởng, giết hần, rồi tự sát. Nếu cần, người đó là một người hoàn toàn vô danh để tránh mọi điều tra liên hệ với hội. Ý em như thế đó.

—Ừ, ý của cậu. Nhưng thử hỏi, làm sao tôi gần hần mà giết, còn bao nhiêu tên hộ vệ chung quanh ?

— Vẫn được như thường. Chẳng hạn kiểm thẻ nhà báo đến phòng văn, hoặc cắt đứt đường điện thoại, giả dạng làm một tên thợ, mặc áo choàng xanh dăng hoàng, vào phòng làm việc sửa chữa...

Gregor cười nhẹ :

— Cũng được đấy... Làm sao nghĩ ra những điều liêu linh như thế ?

— Nghĩ ra là một chuyện, nghĩ ra rồi mà sau đó quên mất mới là chuyện khó. Lâu nay em chỉ nghĩ có chừng đó. Ý nghĩ đó cũng thức cùng ngủ với em, khi nào cũng vắt vương trước mắt, nhảy múa trong sách học...

Gregor lắng tai nghe, dẫn lòng một hồi, rồi hỏi :

— Một người cỡ đó, tìm đâu ra ? Câu tin tìm được một người vừa vô danh vừa đơn thân độc mã hy sinh, liêu giết rồi liêu chết sau đó ?

— Em tin.

Hai người bước đi, rẽ vào một cổng tối, leo lên cầu thang, dừng trước một căn phòng có tấm biển đề tên một hội bảo hiểm tư, gõ cửa rồi bước vào. Một bọn người lố nhố bên trong chờ giờ họp.



Xưởng cung cấp khí đốt đang gặp khó khăn về vấn đề yêu sách tăng thù lao của bọn thợ. Gia đình bọn người ở trọ tại nhà ông tư vấn Burthe chịu ảnh hưởng đậm đà. Bọn vô sản này gồm

hai vợ chồng Schliepke vô công rồi nghề. Schliepke mới chưa đầy ba chục tuổi nhưng rụng rỗng gần hết. Vợ lo việc nội trợ, nhưng dạo sau này hay bị ê ẩm vì có hôm đi mua chắt bị người ta chen lấn thúc cùi tay vào bụng chửa, cho nên thường nằm lên nằm xuống, đồng thời quay máy hát nghe đỡ buồn. Sinh kế trong nhà đều do người anh, Pachulke, làm nghề thợ điện, ráp sửa máy móc, lo liệu, nhưng Pachulke mới đây khạc ra máu, phải vào bệnh viện điều trị.

Cảnh sinh sống trong thành phố đại khái là như thế. Ngoại trừ Thelmann, viên luật sư, là người giàu có, và càng giàu thì càng mập ra. Thelmann người đôn hậu, có theo dõi tình hình, chịu giúp đỡ một số cựu sĩ quan thất thế, giao công việc cho người này người kia, thỉnh thoảng tổ chức cuộc vui chung. Ý thường lui tới nàng Ielena, một danh ca người Nga di cư, dòng danh gia, ba mươi lăm tuổi, nhan sắc. Chính Charlotte, chị của Joachim, có lên đến đây học hát. Joachim cũng nhờ Thelmann mà lui tới đây và hẳn cũng đem lòng ngưỡng mộ Ielena một cách đặc biệt. Ielena hầu như là tình nhân của người này rồi đến người kia, nàng chỉ kiêng dè một mình Gregor Askanius.

Một bữa kia, Ielena tiết lộ rằng chính nàng, trước đây, khi chạy trốn, đã bắn gục năm tên bọn-sơ-vích. Nghe thế, mọi người giật mình, nhón nhác. Chỉ có Joachim, hẳn, có ý kiến như thế này :

— Tôi nghĩ rằng một vụ sát nhân, sát nhân có đam mê kèm theo, giữa một

trận chiến xà lảng hoặc là trong trường hợp tự vệ chính đáng, đều ban cho con người một nỗi hoan lạc giống y như một vài điều gì đó trong tình yêu. Nhưng kể khi nào mình trừ khử một cá nhân, một cách lạnh lùng, và có thể nói là... một cách khách quan, hay vì bốn phần nghề nghiệp sao đó, thì thiết tưởng chẳng có gì đáng làm cho mình xúc động chùn tay. Cứ xem bọn đao phủ thì thấy...

Hắn nói say sưa, nhưng không ai coi nặng lời nó. Ielena vẫn xem hắn là "cừ non". Sau đó mọi người đi ăn. Đến tàn bữa, chia tay nhau, Joachim về lui thúi, nhìn theo Gregor thì thấy anh chàng gọi taxi, nhưng khi taxi chạy thì có thêm một bóng đàn bà từ trong bóng tối vọt ra và lên theo trong xe : Charlotte.

Đêm xuống dày đặc cùng với sương mù. Hắn đã quyết : giết viên tổng trưởng, ngay đêm nay.

Về đến nhà, việc duy nhất mà hắn nghĩ đến là mượn đồ nghề thợ điện cùng với chiếc áo choàng xanh. Bà Schliepke sẵn lòng cho hắn mượn.

Tại sao cái ý nghĩ này dai dẳng gặm nhấm hắn ? Những vụ ám sát chính trị thì thời nào chẳng có, nước nào chẳng chứng kiến, nay đây mai đó, được tô điểm bằng một ý nghĩa cao quý làm hấp dẫn lực, được tiểu thuyết hóa ít nhiều thêm. Những định tâm, những ý cao đẹp chung quy chỉ là những yếm huê dạng, trò chơi cùng ảo ảnh hay sao ? Hay là hạt mầm này, Joachim đã thu nhận từ bầu không khí của thời buổi nhiễu nhương, bại hoại, tuyệt vô hy vọng này ? Hay là chính Askanius đã mớm mẫm cho

hắn... rồi sau đó buông thả hắn cho hắn mặc tình tự tác ? Askanius đã bỏ rơi hắn thật sự rồi. Hội kín, tức là hội "bảo hiểm" tư, tan rã dần. Bàn án tử hình, vốn được dùng làm la bàn cho hành động, trở nên kịch cộm đề rồi rơi dần vào quên lãng, họa hoằn chỉ còn sót lại trong đầu hắn mà thôi...

Giữa lúc hắn nghiền ngẫm thì Charlotte bước vào phòng và cho hắn biết một vài điều : Askanius đã vượt qua bên kia biên giới, gửi lời tạm biệt hắn và không quên ngợi khen hắn. Thì ra lâu nay vẫn kín đáo qua lại một mối thân tình giữa Askanius và chị hắn, mà hắn không hay. Hắn tiếp tục nghĩ thầm : "Em sẽ hành động, Askanius ạ. Ý em đã quyết. Vinh biệt nhé, ngày mai em sẽ đi vào nẻo chết. Hãy trao gửi sự giải thoát của em lại cho bạn bè, cho thế hệ mai sau, thế hệ đẹp đẽ sẽ đem bông trên ngôi mộ của em. Em không phải là thằng hèn nhát, em sẵn sàng hy sinh mạng sống... Askanius ơi và tổ quốc ơi, hãy hãnh diện vì ta..." Nghĩ đến đây, mắt hắn bỗng dưng trào nước mắt, hắn úp mặt xuống gối và ngủ thiếp đi lúc nào không hay.

Thật tình mà nói, hắn không phải là một mẫu người đặc biệt hay ngoại hạng gì hết : hắn chỉ là một tên thiếu niên như bao nhiêu tên khác, rêu rao những lời của kẻ khác, tư tưởng theo những tư tưởng không phải của mình. Hắn không có năng khiếu gì đặc biệt và không có gì phi phạm trong thể chất, hắn sống cuộc đời của thời đại, của đẳng cấp. Hắn hơi hợm hình, hơi dễ giận, như bao nhiêu bọn trẻ khác; hắn dễ bị ảnh

hường, thích những cái nổi bật, chói lóa; hẳn không nhìn ra căn đề của vấn đề, điều này là lẽ tự nhiên ở lứa tuổi hẳn. Hẳn khát khao điều chính trực và cao quý, cố gắng rút mình ra khỏi dây oan của một đam mê đòi truy nã đó và cố vươn mình lên những thương tầng, nơi đây tất cả đều là giới luật và tự trọng.

Có cả một thế giới chia cách tư tưởng và hành động. Tư tưởng là vạm vỡ : tư tưởng là nội lực, vừa nâng cao vừa triệt hạ, vừa tạo thương vừa điều trị, vừa thiết lập vừa hủy diệt, nó nối kết thế kỷ này với thế kỷ kia, tinh tú này với tinh tú nọ, nó nối liền con người với Thượng đế. Nhưng tư tưởng cũng hàm hồ thâm mật như vực sâu, nó là một lớp vồng mờ ảo thuật mà một làn gió thoảng có thể xuyên tạc. Hãy tư tưởng một điều gì tận triệt... là ta có thể biến cải cả thế giới. Nhưng đem tư tưởng đó ra xét lại, thì thấy nó chẳng có đời sống trước đây, nó còn thua cả bóng mờ mộng mị.

Ngược lại, hành động là một cái gì rõ nét, chính xác, nhưng bất khả vãn hồi. Sánh với tư tưởng, hành động có tính cách hồn nhiên và vô âm hưởng, như thế hòn đá ném xuống biển.

Joachim Burthe nằm suy nghĩ miên man, nhưng cuối cùng dứt khoát : hành động.



Hai ngày sau vụ ám sát vị tổng trưởng, dư luận xôn xao bàn tán và chia phe kết nhóm. Vị tổng trưởng chết ngay tại Công viên thị xã, gục sắp mặt xuống

đất, bên cạnh một chiếc áo choàng xanh, đồ mặc ngoài của thợ điện mà sát nhân để lại. Joachim Burthe vẫn còn sống. Gregor Askanius vẫn thất tung. Mọi nghi ngờ đều đổ lên đầu vị cựu sĩ quan này.

Loại «bảo hiểm» tái nhóm. Bàn bạc. Theo dõi báo chí. Askanius biến đi đâu ? Joachim hiện diện, mờ nhạt giữa đám đông như bao giờ. Nhưng đột nhiên mọi người nháy thót : Askanius xuất hiện ở cửa ra vào. Thì ra Askanius đã vượt qua biên giới, nhập cảnh Hung-gia-lợi để tìm việc, nhưng bây giờ phải trở về trình diện cơ quan hữu trách để chứng minh rằng mình vô can trong vụ mưu sát. Giữa câu chuyện, Askanius nhòai người sang Joachim :

— Charlotte vẫn bình thường ?

— Thường, Joachim đáp.

— Trường hợp anh không có thì giờ, thì nhờ cậu chuyển lời hộ.

— Vâng.

Joachim không thể đáp nhiều hơn. Tim hẳn đập thình thịch. Điều bí ẩn của riêng nó khiến nó hồi hộp, khiến nó ngột ngạt, khiến nó cảm lời. Cả hai kéo nhau ra ngoài. Vào phòng vệ sinh, Askanius nhích sát tới hẳn, hỏi :

— Chính cậu phải không ?

Nhanh như cắt, hắn đáp gọn :

— Không.

Đáp xong, hắn sững sờ. Chính hắn muốn trả lời « phải » thì lại buột miệng nói « không », và chính hắn muốn tự sát ngay sau khi hành động thì bây giờ hắn vẫn đứng đây.

Sau khi chia tay người bạn vong niên, Joachim thẳng đường đến nhà nàng ca sĩ. Ielena niềm nở đón tiếp. Joachim chưa hết bàng hoàng thì nàng đã lên tiếng trách nhẹ sao quá hững hờ. Không dẫn được bao mối xung đột trong lòng, hắn ôm chăm lấy nàng, gục đầu vào ngực nàng, thồn thức. Hắn yêu cầu nàng hát. Nàng chiu lòng, cất tiếng, vừa đóng cửa đôi chân, vừa đưa tay vỗ nhịp. Khúc tình ca Nga đơn sơ mà não nuột, hắn van nàng đừng hát nữa. Hắn muốn nói, nói điều sâu kín trong tâm can ra cho nàng rõ nhưng nàng đã xua tay, nàng vuốt ve mái tóc hắn trong đôi tay, nhìn chăm chú vào mắt hắn rồi bỗng phá lên cười sắc súa, trong khi nước mắt tuôn trào trên má nàng :

— Không, anh đừng nói, tôi đã đoán biết. Người ta nghi ngờ cho Askanius, nhưng tôi hiểu Askanius không phải là con người sinh ra để làm tử đạo. Joachim, anh phải trốn ngay thì mới kịp. Tôi sẽ tìm cách cầm chân bọn nó. Joachim, tôi yêu anh, nhưng anh phải trốn ngay, nhé ?

Những lời khuyên can của người đàn bà còn văng vẳng bên tai hắn trên đường về. Về đến nhà, hắn đã nghe bà thuê nhà tru tréo bảo không tìm đâu ra cái áo choàng xanh của người anh làm thơ điện. Hắn hỏi thăm qua sức khoẻ của ông này, thì bà cho biết là ông vừa mới chết trong bệnh viện.

Giới chức trách điều tra về vụ ám sát tổng trưởng đã bắt đầu tìm đến lần lượt những người lui tới với Askanius.

Joachim Burthe là một trong những người đầu tiên được gọi đến thẩm vấn. Hắn bình tĩnh lạ lùng. Và không ai ngờ vực may mắn gì hắn. Chiều đến, một thằng bạn đến đón hắn, đeo hắn trên chiếc xe mô tô rồi cả hai nhắm hướng rừng lao thẳng tới. Tại đây, hắn bảo thằng bạn về, rồi một mình lần theo nẻo thuộc tiến tới chiếc nhà dù sẵn sẵn, chỗ nghỉ chân do ông Thelmann xây cất.

Tại đây, hắn ước độ chân trời tương lai của đời mình, nhìn lại ngay ngắn cái số phận mình, tự vạch lấy con đường sẽ đi và khám phá con người mình phải ra sao trong tương lai. Hắn một mình thân trụ, chẳng có được gì ngoài chính tấm thân, hắn chỉ là một kẻ hại người, bị hất ra ngoài lề xã hội và bị pháp luật săn đuổi. Phải, hắn sẽ gánh lãnh trách nhiệm đời hắn và, một lần nữa, phải quyết tâm.

Hắn bình tĩnh, chỉ thoáng ngạc nhiên vì bao nhiêu sự việc xảy ra trong một thời gian ngắn, và chuyện tày trời thì lại do hắn làm ra. Hắn chấp chôn chop mắt và trong giấc ngủ chợt thấy lơ nhố những đầu người, những tay súng xây thành vòng tròn tiến lại vây chiếc nhà dù. Hắn đâm hoảng kinh, giật vội cây súng ở giá súng, vừa bắn loạn xạ về phía trước, vừa chạy như bay ra khỏi nhà dù.

Hỡi tên đào tẩu, hỡi thằng chạy tội, hỡi thằng bị tróc nã, rồi đời mày sẽ ra sao ? Mày không còn chỗ nương thân, sẽ không được yên ổn, sẽ phải sống bên lề xã hội, tuyệt đối đơn độc. Bây giờ mày bắt đầu nếm mùi sợ hãi. Mày sẽ

kéo lê lét đôi giày cũ mềm của mày rồi đến khi tiêu hết món tiền do Ielena tặng, mày sẽ phải xin xỏ từng miếng ăn chỗ ngủ.

Hắn đã cảm thấy đôi chân phồng rất khó chịu, như có vô số kiến bò nhọt nhọt nơi ống quyển, rồi bắt đầu húng hắng ho. Đã làm một tháng thất thểu thì đâu có quyền đau ốm? Hắn nhất định lướt thẳng bao nhiêu đòi hỏi bỏ cuộc của cơ thể. Hắn lê lét khắp cùng, tập đánh bài, tập hát, tập chửi thề. Vài ngày sau, hắn đánh cắp một đôi giày, lán la đến sở tìm việc. Không ai nhận diện ra hắn. Hắn bắt đầu làm nghề khuôn vác. Những bao xi măng năm chục kí nặng nề bụi bặm bắt hắn ho liên miên, nhưng đêm xuống hắn đã có giường sạch để đặt lưng xuống. Giấc ngủ đối với hắn là người bạn quý, là quê hương, là nơi nương gùi. Tuy nhiên, hắn không dừng chân được lâu. Hắn nhắm hướng tây bắc mà tiến, hắn muốn đi theo dòng sông Rhin qua tận Hòa-lan.

Trên một con tàu nhỏ đang băng qua đồng bằng từ sớm tinh sương, có một thanh niên là mặt đang ngủ gật gù. Nhưng đến khi nghe sắp sửa tới một trạm kiểm soát, thanh niên choàng mở mắt, đứng lên, bước ra mở cửa tàu nhảy xuống đường.

Hắn lê chân đi tìm quán ăn. Cô gái chạy bàn bảo hắn trả tiền trước khi ăn. Hắn vui vẻ vâng lời. Đã lâu, bây giờ hắn mới bước chân vào một ngôi nhà có thức ăn, chỗ ngủ. Mọi thứ vô vẻ hắn phần nào.

Tức ăn đã dọn ra, nghi ngút khói. Nhưng hắn chưa kịp thưởng thức món nào thì đã nhận ra một người có vẻ mặt quen quen vừa từ cầu thang bước xuống. Không kịp nghi ngại, hắn phóng ra ngoài.

Nhưng lần này hắn cảm thấy không còn đi được xa. Lần nhảy tàu đã làm đầu gối của hắn dập. Hắn tìm tới thầy thuốc đề nhờ băng bó. Vị hương y bảo hắn cần tĩnh dưỡng, không nên đi lại. Ông vừa nói vừa nhìn hắn. Hắn bỗng động tâm, chờ đến khi ông quay lưng ra ngoài lấy thuốc men, hắn phóng nhanh ra cửa sổ.

Như thế này là hắn đã đi liên miên, hầu như không ngừng nghỉ, suốt bốn mươi tám tiếng đồng hồ. Bây giờ hắn tiến lại gần một thị trấn nhỏ, sửa soạn bước vào một quán cà phê thì bỗng dừng khựng lại ngay ở cửa ra vào. Ngay tầm mắt hắn là một tấm bích chương: *Lệnh cấm nã tên sát nhân dưới đây. Giải thưởng là 30.000 đồng tiền Đức cho người nào bắt được.* Dưới đó là một hình vẽ chân dung, chân dung hắn.



Cuối cùng, vào tháng ba, hắn tìm được việc làm trong hầm mỏ. Hắn lấy tên là Jan Broemmel, tự nhận là mình đã đánh lộn với lính Pháp, rồi chạy trốn, mất sạch giấy tờ. Bây giờ hắn đẩy xe than tới cảnh đời đã và đang diễn ra phía bên trên mặt đất. Mùa này chắc hoa tím nở đầy bờ dậu, tuyết cũng đã tan và làm sinh sôi trăm ngàn ngọn tiểu khê...hắn cảm thấy

tận rã yêu đời và bỗng dưng cất giọng hát. Bọn thợ chung quanh đều cho hắn là thắng kỳ dị và lắm khi bực mình. Hắn làm lụng ở đây cùng với năm người thợ nữa. Hắn làm thân với một đứa tên là Hille. Hille rủ hắn về ở chung, ngủ chung trên một cái gác trọ. Dưới nhà là gia đình vợ chồng người thợ máy với ba đứa con cùng ở chung một buồng, nhà bếp thì thuộc phần 2 người đập than. Người thợ máy có đứa con gái đầu lòng, mười hai tuổi, bị bại. Thắng Hille thương đứa con gái này lắm, và iu hường cho nó quà, hoặc thăm hỏi đùa nghịch với nó.

Đề hưởng ứng phong trào đòi quyền sống của thợ thuyền, nghiệp đoàn phu mỏ cũng yêu sách đòi tăng lương. Một ủy ban điều tra từ trung ương Bá Linh được phái đến nơi hắn làm việc. Trưởng phái đoàn là ông Timmermanns, một người đàn ông to lớn, nói năng cộc cằn nhưng nổi tiếng tổ chức giỏi. Hille tiết lộ cùng hắn :

— Tao biết rõ điều này, nói cho mày đề phòng : trong nửa tháng sắp đến đây, bọn chúng nó sẽ sa thải bọn thợ mới và sa thải luôn cả bọn thợ dưới hai mươi tuổi. Mày nghĩ sao ?

— Chịu chứ biết sao, hắn đáp.

— Chịu thì mày sẽ làm trò trống gì ? Đã sa thải ở đây thì ở đâu cũng sa thải. Mày sẽ không tìm đâu ra việc.

Hắn nhún nhọc :

— Thong thả rồi tính. Mày biết, đây đâu phải là lần đầu tiên tao thất nghiệp ? Và lại, tao chẳng có giấy tờ,

không thể yêu sách, không thể giờ trở lại được với ai.

Hille hét lớn :

— Không thể ! không thể ! Nếu cứ nhượng bộ mãi thì chúng nó tha hồ hành động, tha hồ bắt nạt thợ thuyền. Phải chơi lại chúng nó, phải cho chúng nó banh xác mới được !

Hắn nghiêm nghị nói :

— Không được đâu. Chết nỗi, súng ống, bạo động không cải thiện được gì đâu. Mày tin tao đi. Không thay đổi được gì, không thay đổi may mảy, tao dám chắc với mày như thế.

Nhìn nét mặt của Hille, hắn biết thằng này đang quyết tâm âm mưu điều gì mà chẳng nói ra, một điều gì đó mà hắn đoán là chẳng lành. Hille vừa được tin đứa con sơ sinh đầu lòng của mình chết trong bệnh viện. Mấy hôm nay Hille nghĩ toàn những điều lẩn quẩn, u ám.

Đúng như hắn lo sợ : một hôm hắn cùng với Hille xách bộ thì gặp chiếc xe của ông Timmermanns từ đằng xa đi tới. Hille, mặt mày đánh lại, nhặt vội một hòn đá. Hắn không kịp ngăn cản : hòn đá lao tới chiếc xe hơi, xoảng vào mặt kính, đánh đổ vỡ ngay mặt người vợ ngồi trong xe. Chuyển biến này lôi kéo theo những hậu quả trầm trọng. Hille bị đánh ngã rơi xuống hố, sau đó được chở đến bệnh viện và chết ở đây cùng ngày hôm đó. Cảnh sát điều tra và tìm nhân chứng, nhưng hắn, một lần nữa, đã xa bay.

Bây giờ là mùa hè, hân đi về hướng Nam, dọc theo sông Mein, lòng bất định. Hân đã gầy được một số tiền, bỏ ra một ít để mua sắm áo quần sạch sẽ. Đến một thành phố nhỏ, nhìn quang cảnh chung quanh, hân cảm thấy thanh thản được phần nào trong lòng. Kiến trúc cổ sơ, người thưa thớt, giáo đường nhã nhac. Hân mở lời xin ở tạm trong một lữ quán. Lần này hân được đón tiếp một cách hồn nhiên. Chủ quán là một thiếu nữ nhã nhặn, cho hân biết đây là thành phố được du khách đến hành hương đạo sau này vì có Đức Mẹ xuất hiện, và nghiêm nhiên hân cũng được đãi ngộ như một du khách mộ đạo. Hân cảm thấy mình vô tình tham dự vào đời sống nơi đây một cách không thẳng thắn. Hân thăm oăm tạ nữ chủ rồi, một sáng sớm kia, vọt cửa sổ ra đi.

①

Bà Schliepke đang ngồi cho con bú bên cạnh chiếc máy hát thì bỗng nghe tiếng chuông reo. Bà đứng dậy đi ra mở cửa. Khi trở vào, chồng hỏi, tại bà run giọng đáp :

— Người ăn xin. Nhưng sao giống thẳng Joachim quá chừng !

— Nếu đúng là hân thì mình giàu to !

— Không, nếu đúng là hân đi nữa, em cũng chẳng lòng nào đi tố cáo...

Quả đúng là Joachim Burthe đã trở về. Đạo sau này, trong đầu óc hân có

nhiều khoảng trống, nhiều hăm hồ nguy hiem, nhiều sự thiếu vắng xảy đến từng hồi. Chính cái đói sinh ra bao nhiêu có sự. Cầm miếng bánh trong tay, hân bước xuống cầu thang, ra ngoài, băng qua bên kia đường, ngồi bệt xuống. Một lát sau hân trông thấy cặp vợ chồng Schliepke ra đi. Joachim nặng nề đứng lên, chống chọi lại với cơn đói và buồn ngủ đang làm rã rời châu thân. Hân bước qua đường. Cũng vừa lúc đó, một thiếu nữ ăn mặc sang trọng, vận toàn đen, găng tay đen, tiếp về phía nhà hân, lấy chìa khóa ra mở cửa. Joachim không nhận ra ngay nhưng đến khi thiếu nữ bước lên cầu thang được vài bậc cấp thì hân sẵn tới :

— Charlotte, chị đừng giết mình...

Hai bàn tay găng đen khê động, nhưng nàng trấn tĩnh hoàn toàn, không phải buột miệng thành tiếng. Nàng trầm giọng :

— Cậu đấy phải không, Joachim?... (Nàng nhìn hân, và khi nhận ra dáng hành khất thiếu não của hân, nàng nhìn lảng đi chỗ khác). Cậu cần gì ? nàng hỏi.

— Đừng đứng đây. Hân nói nhỏ. Hân muốn bước lên nhưng chị hân đưa tay ngăn lại :

— Cậu không thể bước vào nhà, nàng nghiêm giọng.

— Chị nữ nào đuổi tôi ! Tôi mệt quá. Chị giúp tôi với. Cho tôi ở lại. Nhà không có ai, chị đừng sợ. Không nên đứng đây, nguy hiểm.

Khi nói, hắn chấp hai tay lại với nhau, hai bàn tay xanh, đầy vết chai vì việc nặng.

Có lẽ chỉ tiết này làm Charlotte xúc động. Nàng ra dấu bước kè kè rồi lên trước.

Nàng dọn cho hắn ăn xong, đưa cho hắn chiếc khăn, hắn nhìn rồi mỉm cười. Hắn dò hỏi tin tức nhà cửa thì Charlotte đáp :

— Mẹ mất rồi, cậu ạ. (Joachim cúi đầu im lặng, hắn cảm thấy nghèn nghẹn gay gắt ở cổ họng). Mẹ đau tim đã lâu, nàng dạo bàn tay tuyệt đẹp của mình trên bàn, và như cề an ủi hắn, đặt tay mình bên cạnh tay em nhưng tránh không chạm vào.

— Còn bố ?

— Bố vào nhà dưỡng lão. bố bị bại. Trước đây bị bắt giữ ba tuần lễ vì vấn đề an ninh điều tra... Phòng của cậu bây giờ cho người ta ở mất rồi..

Hỏi han thêm thì hắn biết rằng Askanius vẫn liên lạc thỉnh thoảng với chị hắn, nhưng bây giờ ở Dresde, và là một nhà kỹ nghệ lớn.

— Này, Joachim, cậu không thể ở đây lâu, phải đi trước khi vợ chồng Schiepke trở về. Cậu muốn gì thì cậu bảo. Nhưng tại sao cậu vẫn lẩn quẩn ở Âu châu, sao không qua Mỹ, hay một nơi nào khác ?

Hắn thuật lại cho chị nghe một năm trời điêu đứng của mình... Rốt cuộc, sau khi chạy vòng quanh, trở về lại nhà cũng vẫn thất bại.

— Thế bây giờ cậu muốn gì ở đây ?

— Em muốn ngủ...

— Không được đâu, không thể có chuyện đó. Nàng nói, giọng lạnh lùng, không nhìn hắn.

— Tại sao em không được ngủ ở đây ? Tại sao, Charlotte ? Em kiệt sức rồi. Em đâu phải thiếu can đảm, nhưng thật tình em mệt là chịu hết nổi. Em phải nghỉ ngơi hai hôm...Charlotte... Charlotte ! Hay chị cho em ngủ dưới hầm vậy... Một đêm thôi !

— Không được. Dưới hầm, vợ chồng Schiepke đã chất than với lương thực cả rồi.

— Thế thì trên gác ?

— Không, chị giúp việc ở trên gác. Vợ chồng Schiepke mới mượn một đứa giúp việc. Tôi đã bảo là không được. Và lại cậu đã gây ra quá nhiều rắc rối...

Hắn nói lại, cách đây ba tuần lễ, trong khi thất thủ ngoài đường rồi mệt là hắn được một người con gái ẩn dật thương tình đưa về nhà rồi cho hắn ăn, ngủ... Giờ đây trước mặt hắn, Charlotte, chị, sau mấy năm xa cách, dăm ra cứng rắn vô tình với hắn tới độ này. Hắn hỏi thăm nàng ca sĩ Ielena Maikova thì biết nàng cũng đã bỏ đi rồi.

— Thôi, chào chị vậy. Cảm ơn chị đã cho ăn.

— Hãy khoan. Tôi cho cậu thêm tí tiền với áo xống.

— Chị còn tập hát nữa không ?

— Hết rồi. Tôi mất giọng từ khi sinh xong.

Hắn trở mặt, hỏi ngay :

— Sao, chị có con ? Chị lấy chồng bởi nào ?

— Không, cũng chẳng lấy chồng.

Hắn liên tưởng đến Askanius rồi hạ giọng :

— Em thăm cháu được không ?

Nàng nhìn hắn, ngần ngừ rồi gật đầu. Hắn bước theo qua phòng bên, nhưng đến khi hắn đưa tay định nựng thằng bé thì Charlotte không cho hắn chạm vào. Biết mình quá khắt khe, nàng quay lại nhìn hắn và trong thoáng chốc, nàng nhận ra tất cả khổ cực mà em mình đã trải qua. Dịu giọng hơn, nàng bảo :

— Tại sao cậu không chịu nộp mình ?

— Đó là quyền chị nghĩ ; và hình như có một thoáng cười làm hắn nhếch môi. Tôi vẫn mơ hồ nghe giọng chị hỏi thường xuyên : sao cậu không trau dồi ? sao cậu không đi học ? sao cậu không chịu dạy ? sao cậu không để cho người ta bắt rồi ép cậu khổ sai chung thân ? Sao thế ?... Để tôi nói cho chị nghe tại sao... (Hắn trở lại giọng nghiêm nghị, chừng chặc như ngày xưa.) Vì tôi không thể làm như thế, chị nghe không. Vì tôi phải sống ! không biết nói gì hơn là : phải sống. Đó là điều cốt yếu. Nếu phải đền tội — theo như chị nghĩ — thì tôi phải đền tội bằng những khổ cực của đời sống tôi, đời sống của chính tôi, cái đời sống tràn đầy thanh xuân sinh lực mà trời đã ban cho, mà

tôi đã phá hỏng, mà tôi cần phải chuộc lại, để giữ cho nó còn nguyên vẹn... chừng nào tôi nhắm mắt buông tay. Lý do là thế đấy, tôi không thể diễn tả rõ ràng hơn được. Biết bao nhiêu là ngày, là đêm đã trôi qua, biết bao nhiêu nghĩ ngợi, thần thờ, vật lộn, để đi đến kết luận như thế đó !... Nhưng bây giờ thì tôi yên tâm ; phải như thế, không cách nào khác. Chị hãy tin tôi ; chốn lao tù với nước là chán cơm, không hẳn đó mới là nơi hồi cải. Chính năm này là năm tôi sống bị tróc nã, là năm đã góp phần giúp tôi chuộc tội, tôi cảm thấy như thế từ tâm khảm... Một cái gì đó đã nảy sinh trong tôi, tăng trưởng và biến hóa...

Khi hắn ra tới ngoài đường thì cơn mồi mề càng thêm đậm theo không khí bên ngoài đã ẩm hơi sương và như tầm đây một mùi khí hóa học khó thở. Hắn ngã người trên một chiếc ghế đá nhưng mới chộp mắt thì một viên cảnh binh đã đến đuổi hắn đi.

Hắn bước vào một ngôi nhà xây dở. Bên trong lỗ nhỏ bóng người xây quanh một bếp lửa cao ngọn. Tiếng nói lao xao nhưng đầy kính cẩn. Hắn lắng tai nghe ra rằng ai nấy đang trông chờ vị Cứu Thế sắp sửa tới đây giáng ân cho từng người một và sẽ ra tay hóa giải mọi bệnh tật mọi phiền não cho người. Hắn hân hoan ngồi xuống và, như trong cơn mê, đợi chờ cùng với đám đông.



Dưỡng trí viện Hobenhausen nằm giữa rừng, giám đốc là giáo sư Lenz-

berg, chuyên chữa trị bệnh thần kinh. Mùa xuân đã trở về, chim chóc trở giọng, và bên trong lớp thành cao của viện, hoa tím đã nở dày.

Có một thanh niên trẻ tuổi mới xin vào làm việc tại đây, phụ lục cho người làm vườn đã già. Trong đám bệnh nhân, có một người được đặc biệt lưu ý là gã mang số mười chín, khoảng bốn chục tuổi, vì tâm lý gã khá kỳ quặc. Gã mười chín lại thích quanh quẩn bên anh chàng thanh niên phụ việc làm vườn. Một ngày kia gã hỏi hắn :

— Anh giết người chưa ?

— Chưa, hắn đáp.

— Tôi có giết rồi. Đừng có run. Đừng sợ. Anh có bao giờ tự hỏi giết người nó ra làm sao không ?

Và gã bắt đầu diễn thuyết về các lối giết người, những cảm giác trước khi và khi hành sự, cái hình ảnh người bị giết, bị cứa cổ...

Hắn dò hỏi xem gã mười chín đó là loại người nào thì có người đáp rằng gã tên là Meier, nhân viên ngân hàng, có vợ hai con, vợ hàng tháng đến thăm gã. Gã giết người ư ? Không, không có chuyện đó đâu.

Hắn sống ở đây chưa được bao lâu thì một ngày kia ông giám đốc Lenzberg đề ý đến đôi bàn tay và dáng điệu của hắn. Ông cho gọi hắn vào phòng làm việc và hỏi :

— Anh làm vườn đã lâu chưa ?

— Thưa, tôi vốn làm nghề thợ điện, nhưng vì đạo này khó kiếm việc...

Ông ngẫm nghĩ hắn một hồi :

— Hình như tôi thấy anh quen quen thế nào...

Trong ~~viện~~ ~~nhà~~ ~~ở~~ viện, còn có một nhân viên mang số hai mươi mang một cung cách hoàn toàn riêng biệt, thường hay đề ý xem xét từng người. Hắn, tên làm vườn trẻ tuổi, cảm thấy như thế, và cảm thấy luôn cả sự tan hoang của đời mình, một lần nữa.

Phòng làm việc của giáo sư giám đốc, ngoài cửa ra vào, còn có cửa sổ. Trong khi bị hạch hỏi, hắn nghe rõ sự chộn rộn phát ra từ nhà dưới. Giáo sư bảo hắn ở yên đấy rồi bỏ đi ra, khóa cửa cẩn thận. Còn lại một mình, hắn tự hỏi tại sao cửa sổ vẫn đề ngỗ, trừ phi đây là sự cố ý của giáo sư. Không chậm trễ, hắn nhắm lấy lối thoát độc nhất, lao vào rừng, đập bừa lên gai góc, băng mình qua hầm hố.

Có tiếng ồ ạt sau lưng. Hắn nghe rõ một hai tiếng súng. Thêm tiếng chó gào đuổi theo.

Joachim Burtke như cái rêu còn lại của một hình nhân, hào hèn, bị dồn đẩy bên gót, lúc này đang núp vùi dưới một đụn lá khô. Hắn không chọn nơi này ẩn núp, hắn bỏ xuống đó không kịp suy nghĩ như con thú tìm màu sắc hòa hợp với da mình và vờ vĩnh chết. Đã hai lượt, quân lính rượt lướt lên người hắn, và có một ánh sáng phang ngay vào chân hắn. Nhưng đến khi nghe tiếng cào sột soạt li lợm vào đụn lá thì hắn mới biết mình hết lối thoát : chó săn đã đánh hơi ra, lật đám lá, ngoạm ngay vào cổ hắn nhưng không cắn. Hắn đưa tay ra nắm lấy mép mồm chó,

bằng tay kia hắn rút con dao làm vườn và đâm phập vào con thú. Chính ngay lúc này, và mãi lúc hắn nó mới cảm thấy mình là kẻ phạm tội sinh sát. Hắn đứng lên cạnh xác con chó, nhưng cùng lúc, hắn chỉ kịp nghe một tiếng nện mạnh xuống vai mình rồi ngã ngất xuống; hắn như ngã vào một vũng tối, thấy mình hóa thân, giống như, ngày trước, viên tổng trưởng, hình hài bất động giữa chiếc ghế dài và cột đèn, trên thảm lá khô...

Khi hắn mơ màng choàng tỉnh thì hắn thấy mình không còn nằm trên đồng lá khô, mà lại ở trong trang trại của giáo sư Lenzberg. Tin tức cho biết là, hôm hắn đào thoát khỏi dưỡng trí viện thì cũng chính là hôm gã mười chín biệt tích. Không hiểu bằng cách nào, không hiểu vì sao. Và vì sao hắn lại lọt đến nơi đây. Giáo sư Lenzberg đã lên tiếng lập luận như sau:

Cảnh sát đã bắn hạ một người và cho đó là thủ phạm. Vậy thì con người thứ hai tìm thấy được phải là con người vô tội. Và đem giao nộp cho cảnh sát con người thứ hai này để cảnh sát bắn nốt là một điều phi lý. Cảnh sát đã thi hành phận sự và thỏa mãn quần chúng, không lẽ nào ta lại gây thêm những khó khăn lớn hơn cho quốc gia và cho dư luận? Cảnh sát không can có gì tới con người thứ hai này. Vậy chỉ có thể đưa con người thứ hai này trở vào lại dưỡng trí viện. Chưa hết! bây giờ ta hãy giả dụ một điều phi lý này: giả dụ cảnh sát, trong khi hăng hái hành sự, rơi vào một sự nhầm lẫn là đã giết một người vốn chỉ là bệnh nhân mà cứ tưởng

mình là sát nhân. Thế thì, kẻ thứ hai mà dưỡng trí viện đã tìm ra đây ắt không phải là kẻ loạn trí. Do đó, ta đâu có quyền giữ hắn trong dưỡng trí viện? Vẫn theo bản báo cáo của cảnh sát, thì có ba kẻ: một thì đã trốn qua Thụy-sĩ; tên thứ hai — sát nhân — bị bắn nát đầu không còn trông ra mặt mũi thế nào nữa. Còn lại tên thứ ba, hiện ở đây. Tên này không phải loạn trí, và — theo lời cảnh sát — không thể là tội phạm. Một kẻ vì quá nghi ngại và tưởng tượng về vấn đề sát nhân mà hóa ra điên, một kẻ thì có giết người thật sự. Có khác biệt gì giữa hai trường hợp đó không? Rất khác nhau, mà cũng có thể chẳng khác gì nhau. Nếu nói theo Héraclite rằng con người không thể tắm hai lần trong cùng một dòng sông thì, ở đây cũng vậy, một kẻ đã giết người cách đây một năm, bây giờ ắt hẳn không còn như thế nữa.

Joachim Burthe vừa tỉnh thì giáo sư đi vào phòng hắn, hắn giật mình kinh sợ nhưng giáo sư đã ôn tồn chào hỏi:

— Cảnh sát đã giết chết rồi chôn xác một người tên là Joachim Burthe. Phải, bạn anh, kẻ song sinh với anh đã chết. Phải, anh phải mang một tên mới. Tôi gọi anh là Renatus...

Từng ngày một, giáo sư đến thăm hắn, đặt từng câu hỏi cho hắn trả lời, rồi đến khi thấy sức khỏe của hắn đã khả quan, đưa sách đến cho hắn đọc.

Giáo sư chỉ vào một cuốn sách, nhận đề *Hành động và Đau khổ*, và tác

giả chính là viên tổng trưởng bị hấn giết :

— Anh đọc đoạn này chưa : *Luân lý luôn luôn làm nô lệ cho những nhu cầu ngọt ngào : sự kiên nhẫn, từ khước, nhịn nhục, phục tùng. Luân lý ít khi đứng về phía kẻ hành động; phần đông trường hợp, nó đứng về phía kẻ chịu đựng. Trong đời sống cá nhân cũng như trong đời sống dân tộc, một khi sự đau khổ tăng lên đến độ hết chịu nổi và lời kéo theo hành động, động tác, thì đau khổ cuối cùng đưa đến tội ác : đưa đến bạo động, sát nhân, bức bách, nổi loạn, cách mạng và chiến tranh. Đây cũng là một nhu cầu trong dòng tiến hóa của con người, nhưng là một nhu cầu độc hại, gây ra lắm nạn nhân. Lẽ ra giá trị cá nhân hay giá trị dân tộc không phải được chứng tỏ bằng cái dũng mãnh của hành vi mà bằng sức chịu đựng... Chỉ có sự quân bình hoàn hảo giữa hành động và sự chịu đựng, chỉ có sự nhịp nhàng giữa hành vi và sự đau khổ mới tạo dựng con người tinh tấn, con người trong ý nghĩa vẹn toàn của nó...*

Nghe đến đây, hấn cảm thấy châu thân lầy bầy, trời đất đảo điên. Giáo sư vội vàng đến đỡ hấn rồi đưa tay gạt mấy cuốn sách cho rơi xuống, đặt hấn nằm yên. Ông dịu giọng hỏi :

— Sao thế ?

— Tôi muốn... nói, tôi muốn thuật lại đầu đuôi...

«Sáng hôm đó trời mưa, tôi nhớ rõ. Bao nhiêu cửa sổ phòng của tôi đều không lau chùi, tất cả đều bỏ luống, và từng giọt mưa chảy dài theo ô kính bàn, từ chỗ nằm tôi nhìn thấy hết. Tôi còn

nhớ rõ chính những giọt nước mưa đó, đối với tôi, sẽ là lời sấm (tôi còn hồn nhiên lắm !) : ví dụ một giọt nào đó lăn xuống tới bàn lễ..., thì tôi sẽ hành động ; nhưng ví dụ nó bẹp đi và tan tành nửa chừng..., thì thôi. Và tôi vui mừng nhẹ nhõm biết chừng nào khi thấy giọt nước mưa biến lẫn vào cơn lũ, và tôi thầm nghĩ : «Minh sẽ không hành động. Minh còn sống».

«Nhưng bấy nhiêu chỉ là giả trá, vì bên trong con người tôi, sự quyết định không thể hồi hoãn, và tôi không thể lùi bước trước mặt chính tôi. Có khi con người hấp thụ một ý nghĩ đến một cường độ nào đó mà, nếu ta lùi bước trước sự thực thì đó là hèn nhát, bất nhất và giả dối đối với chính mình. Cái ý nghĩ đó phát sinh từ lúc nào ? Tôi không rõ, nhưng đó là ý nghĩ của riêng tôi. Tôi chỉ biết một hôm nó lù lù hiện ra với tôi : cái trang thành tên thợ điện, đến tòa tổng trưởng, hoàn tất sự việc rồi tự sát liền sau đó. Có hai trường hợp có thể xảy ra mà tôi hoàn toàn không dự liệu : tôi có thể thất bại, hoặc là tôi có thể thoát chết sau khi xong việc.

«Tôi xin nói đến nhân vật Atanijus trước đã. Đó là một người bạn vong niên gây ảnh hưởng nhiều nhất cho tôi. Tôi thương anh ấy hơn tất cả, hơn mẹ, hơn chị, hơn bất cứ một người đàn bà nào khác. Tôi muốn chứng tỏ cho anh ấy rõ khả năng của mình, tôi muốn làm anh hùng.

«Tôi cũng không hiểu tại sao nhất định viên tổng trưởng kia phải chịu từ

hình. lúc đó tôi chẳng buồn tìm hiểu lý do, và cho đến nay tôi không hề ông ấy có viết sách...

« Tôi rời nhà ra đi, trời mưa, lúc đầu tôi bước nhanh, sau đó tôi dừng khựng mấy bận. Tôi trông thấy hai con chó đùa giỡn với nhau mà tự nhủ : « Sẽ không bao giờ thấy chó nữa. » Nhưng rồi tôi cảm mình nghỉ ngơi theo điệu đó và hạ lệnh cho mình đi tới. Khi tới nơi thì thấy có chiếc xe và hai tên lính canh trước cổng.. Tôi mạnh dạn sấn tới, chúng hỏi tôi kiếm ai, tôi bảo kiếm ông X. để sửa điện, chúng nó cười bảo, tôi đi nơi khác chơi. Tôi vừa quay gót thì ông tổng trưởng vừa bước ra, nói mấy tiếng với người tài xế rồi chống ô thả bộ đi. Tôi bước theo ngay. Ông tổng trưởng băng qua đường, vào công viên. Công viên vắng ngắt. Ông bỗng quay lại, nhìn tôi, như thể nhận ra tôi và đọc được manh ý của tôi. Tay tôi hòm sấn sững trong túi quần. Trong một thoáng, tôi tưởng mình nhầm người. Ông nhìn ngay mặt tôi, như muốn hỏi han. Sững sờ. Ông bước hoành tới trước rồi ngã ngay vào người tôi. Bất giác tôi đưa tay ra đỡ. Ông mở mắt thều thào : « Cảm ơn... »

«Tôi có tội ? Tôi có tội ? »

Giáo sư đáp :

— Vấn đề này nữa, cuốn sách của người bạn quá cố của tôi cũng có ghi : *Xét cho cùng, không có tình cảm phạm tội. Chỉ có nhu cầu mà thôi.*

— Tôi sẽ ra sao đây ?

— Sẽ ra con người ? tôi mong như

thế lắm, con người trong ý nghĩa toàn vẹn của nó.

Một đàn bò trên sáu mươi con đang ăn lành gặm cỏ trên một bãi rộng ở làng Hillenbrook, cũng là nơi tụ tập của tất cả bò được dẫn đến từ các làng bên.

Cô gái Stine Voss, phải mất hơn nửa giờ đường từ làng Hillewacht mới tới được đây. Và khi Stine tới nơi thì gái làng Lutte cũng vừa tới. Đàn con gái xúm xít vật sữa bò.

Giữa bãi cỏ, một người đàn ông khoảng ba mươi tuổi, da sạm, tóc bẽnh bông, râu cắt ngắn, vai vạm vỡ, nằm ngó trời. Hắn là khách phương xa, đã từng lẩn lóc khắp nơi, ở Mỹ, ở hải ngoại, tung Bắc rồi hoành Tây, nhưng bây giờ đã quay gót hồi hương, người chung quanh nói năng bằng tiếng Đức, cùng một thứ tiếng với hắn... Và lần này hắn léo hánh tới những góc làng mạc heo hút này...

Stine quỳ gối với đôi thùng lủng lẳng đi ngang qua. Hắn ước lời :

— Nằm đây được không, cô ?

— Không. Người ta cấm. Stine đáp.

Rồi kim chỉ dây đưa, hắn đem chuyện này chuyện kia ra nói. Cuối cùng hắn bảo :

— Ba hôm nay, tôi đi hoài, hết nơi này tới chỗ kia để tìm việc.

— Ở đây khó tìm việc làm. Người ta sắp đặt đầu vào đấy cả rồi. Với lại, họ không muốn người lạ.

Stine vừa nói vừa luồn tay làm việc sữa chảy tràn và người đàn ông chăm chú nhìn vào. Stine hỏi :

— Anh khát ?

— Tôi có vẻ mặt khát nước phải không ? Vâng, khát lắm.

Người đàn ông quỳ xuống, uống sữa như thằng bé con, trong khi vẫn không rời mắt người thôn nữ quàng khăn xanh trên đầu. Hắn nói, giọng nghiêm trang :

— Đến giờ phút lâm chung, tôi sẽ nhớ tới sữa này.

— Anh không tìm việc nơi khác xem ?

— Người ta có bảo tôi tới làng Hillewacht, có một ai ở đó cần người chèo ghe thì phải.

— Làng tôi đó. Đúng rồi. Chú tôi mới chết. Thím tôi có thể làm đất nhưng không thể đi bẻ. Chiếc ghe, một phần của thím, còn một phần là của ông Kruse, ông anh của thím, nhưng ông này làm nghề một mình không xong. Con trai của thím, thì mới mười ba tuổi, nhỏ quá. Anh tới làng, hỏi thím xem...

Hắn, chính là Joachim Burtke, ban đầu chỉ muốn ở lại tám ngày ở làng Hillewacht, sau đó ở luôn hai tháng, và cuối cùng định cư ở đó. Làng này chỉ vốn vẹn có tám ngôi nhà, bốn chiếc ghe, và ba gia đình mà thôi. Hắn bắt đầu làm

công cho thím Voss, rồi được coi như người của gia đình này. Hắn làm đủ công việc, có thể trét ghe, vá buồm, quăng lưới, giời tính toán, viết chữ đẹp, đánh xe ngựa lên phố bán cá rồi giao cá cho thân chủ. Hắn còn làm thêm nhiều việc ngoài quyền đòi hỏi của người ta : lợp mái nhà, giẫy đất, cắt cỏ cho ngựa. Có lần hắn bầy lên được một tảng đá khổng lồ bằng cả một con bò từ một ruộng khoai, làm ai nấy trầm trồ thán phục. Rồi một hôm, người ta chuyển chỗ đến tận nhà hắn hai hôm hành lý. Thì ra hắn, người khách lạ, cũng có hành lý : Ai nấy há hốc mồm khi nghe nói hắn có những hai chiếc đồng hồ, một chiếc màu đen hắn thường mang khi làm lụng, còn chiếc kia bằng vàng để trưng diện. Chưa hết : một hôm hắn xuống bếp nhờ thím Voss cất giùm hắn cuốn ngân phiếu tiết kiệm nữa. Thím không nói một tiếng nào, về mặt đây kính phục đối với hắn.

Kể từ khi thấy ra làm giá trị nơi người khách trọ, đồng thời cũng là người cộng tác, thím còn đi xa hơn : thím kiểm chiếc giường của ông bố quá cố của thím rồi lặng lẽ đem đặt lên gác, thay vào chỗ chiếc nệm rơm, cho hắn nằm.

Dù đang ở vào một nơi cùng tận chân trời, một ngày kia hắn bị giới chức trách địa phương vời tới. Viên hương quân, sau khi hỏi hắn vài câu về lý lịch, cảm thấy có nhiều điều không được minh bạch ở bên trong. Ông trút công việc cho ông Falin, dân biểu. Ông này là một người hoạt động, xông xáo, từng trải. Cuối buổi thăm vấn, ông nhận ra

được Joachim Burthe. Nhưng đã mười năm qua rồi còn gì ! Câu chuyện kia đã cũ ! Hắn được sống yên, trong khi viên hương quân Moeller với ông Falin cùng bảo nhau trông chừng hắn.

Hắn giờ đây là người của công việc, công việc nặng nề. Bao nhiêu đường đời đã trải, bao nhiêu hương vị đàn bà trong tay. Nhưng lần này đây mới thật là lần hắn cảm thấy mình mắc phải lưới tình và bỗng chốc trước mắt hắn cả cuộc đời đổi mới. Có bao giờ hắn được trông thấy bao nhiêu cánh đồng xanh tươi với hoa với hương như thế này đâu, và cỏ nữa, cỏ rạp đầu rồi ngọc dầy khi một người con gái đập thanh ? Rừng cây cũng chưa hề nhún nhảy, huyền vi đến thế này. Ngày với ngày nối kết nhau như một vòng con gái reo vui. Rồi thỉnh thoảng :

— Stine.

— Anh.

— Hôm nay đẹp nhỉ.

— Đẹp... nhưng hơi có gió.

— Phải... hơi có gió.

— Thôi, chào anh.

— Ừ, chào Stine.

Có thể thôi sao ? Nhưng đã đủ, quá đủ với con người đem lòng yêu lần đầu.

Khuya đến, mình lại nghe tiếng guốc reo của Stine. Stine cầm nơi tay chiếc thùng, đi cho lợn ăn.

— Stine.

— Anh.

— Làm việc mãi thế ?

— Phải thế chứ biết sao.

— Ngủ ngon nhé.

— Cám ơn. Anh cũng thế, nhé.

Một hôm, ở phố về, hắn mua cho Stine chiếc khăn quàng màu đỏ, bằng len nhẹ có điểm những chiếc hoa hồng bằng lụa. Khi nàng đến nơi hẹn hò dưới gốc cây, hắn đưa ra, và mặt nàng rạng rỡ.

Hắn vẽ ra trong đầu những mộng những hình. Ôi chao ! một mái nhà cho riêng ta ! một màu đất, với phòng, với bếp, với gác, với giường ! Hắn hình dung màu màn che cửa, tường thì ngọc bích và cửa ra vào thì trắng bạch. Rồi có con với Stine : ba hay bốn đứa, toàn con gái cả nhé, toàn những Stine bé con với tóc bạch kim, với tay chân màu sạm, bước bắt chước mẹ, bước nhẹ mà bay bay...

Phải, như thế đó. Lần đầu tiên bắt gặp tình, Joachim chênh choáng trên đỉnh hạnh phúc ; sợ nổi hẳn gã. Tình yêu làm hắn mất bình tĩnh. Một đêm, sau khi khiêu vũ, hắn ôm lấy người con gái và hôn nàng bằng tất cả lòng mình. Nàng tự dưng nín bật, đưa hai tay che mặt mình rồi chạy trốn. Nàng khóc thì phải.

Hai ngày, ba ngày trôi qua, Stine không đến dưới gốc cây, hắn chỉ thấy nàng xa xa, và khi hắn tiến lại, Stine cúi đầu rồi chỉ đáp rồi rạc.

Hắn quyết tâm đi tìm gặp Stine và gạn hỏi, và hiểu ra rằng Stine cũng yêu hắn, nhưng Stine đã có người yêu hiện tại. Hắn bề ngoài vẫn bình tĩnh, nhưng

quả tình hân cảm thấy như có một nhát búa giáng ngay giữa trán. Hân nghe ngòi nhà mỹ miều của hân sụp đổ vỡ vụn...

Công việc vẫn đều đặn, đi bè, rồi hái trái. Nhưng đêm đến hân không buồn ra ngồi trên tảng đá khổng lồ dưới gốc cây.

Heine, con trai của thím Voss, lớn ngày một, bắt đầu theo Joachim đi làm lụng, và tỏ ra vô cùng cảm phục người đàn ông này. Nó thầm ước mơ Joachim sẽ sống mãi với gia đình nó, đồng thời mong mẹ nó có cảm tình với Joachim. Về phía thím Voss, thím không khỏi có khi nảy ý so sánh mình với cháu gái Stine, và có khi thím nhìn theo Stine, ánh mắt rần rần. Thím đã bốn mươi tuổi, lông mày thưa, sún mất một cái răng, nhưng thím to lớn khỏe mạnh. Đạo sau này, thím siêng năng rửa tay, rửa mặt, làm tóc.

Sau công việc hàng ngày, Joachim bây giờ bắt đầu tìm cách tránh gặp Stine bằng cách ra ngoài bãi cát, tìm một chỗ khuất, nhìn ngó trời biển.

Xét cho cùng, phần số của hân chẳng có gì gọi là bất công: đời hân nghiêm hân và khó khăn, tràn đầy nỗ lực, chua chát, cô đơn và kỷ luật tinh thần. Không phải là một đời sống dễ dàng, không phải là một đời sống dành cho sự hưởng thụ cùng những lợi lộc thu hoạch được một cách dễ dàng; suốt đời hân, hân chẳng được phép chậm chân, chẳng được phép buông thả. Hân không thể sống vô trách nhiệm đối với

mình; bởi đời hân khởi đi từ một sự vấy máu, không thể chối cãi, không thể bôi xóa. Đời sống hân không có chỗ cho những cuộc tình điếm phúc, cho những cánh chim én về đậu dưới mái, cho những mảng tường màu ngọc bích, những màn trắng ở cửa sổ trong...

Vinh biệt nhé, Stine! Quân binh phải được tái lập, giữa hành động và khổ đau; vinh biệt, vinh biệt ngàn lần, hồi nàng dịu hiền của một mùa hạ...

Vẫn không có gì thay đổi. Bên tại hân, tin Stine lấy chồng, rồi những lời đồn đãi ghép đôi hân với thím Voss. Cho đến ngày kia có một vị quý khách từ trung ương đến làng Hillenbrook câu cá. Đó là một vị bộ trưởng, khoảng năm mươi tuổi, to lớn, nặng nề. Hân được tuyển chọn để làm hướng dẫn viên. Vị bộ trưởng này hoàn toàn không xa lạ tí nào đối với hân: chính là Gregor Askanius của ngày nào, dù đã qua bao nhiêu năm trời thay đổi và bất tin. Gregor cũng hết sức mừng rỡ gặp lại người bạn trẻ. Sau khi tâm tình hồi hân, ông hỏi thúc hân gấp gấp từ bỏ chốn heo hút này, đi theo ông để ông cần nhắc giúp đỡ. Trước mắt hân, Gregor không còn là Gregor của ngày trước. Mọi nhịp cầu đã đứt đoạn giữa hai người, không còn gì nối kết nữa, hai người đã hết cảm thông nhau. Rồi một người đi về hướng Hillenbrook, một người quay về làng Hillewacht...

Kính gửi

Giáo sư Lenzberg

Y sĩ trưởng Dưỡng trí viện
Ở Hohenhausen.

Với tư cách hương quân địa phận Hillenbrook, tôi có bốn phần thông báo cùng giáo sư cái chết của người khách của chúng tôi là Joachim Burthe, đánh cá (được quen gọi tên là "Vots", gọi theo gia đình nơi anh cư ngụ.) Tôi thuận theo lời yêu cầu của người quá cố khi còn sống báo cùng giáo sư tin buồn này và gửi luôn theo đây mấy cuốn sách cùng mấy cuốn chép tay mà người quá cố để lại.

Không thể xác định chắc chắn anh Burthe đã thiệt mạng bằng cách nào ; chỉ có hai nhân chứng : Kruse, đánh cá, thì đỡ người, còn Heine Voss thì bị bắt tình nhân sự khi tai họa xảy ra...

... Họ cùng ra khơi để gỡ lưới đem vào vì bão sắp tới và vì sợ hỏng mất lưới mới. Dù Burthe nổi tiếng lợi giỏi, nhưng thật khó mà tin rằng anh liều mình như thế này để cứu tấm lưới.

Đối với các làng Hillewacht, Hillenbrook và Lutte, đây là tang chung và ai nấy thật lòng. Sống cũng như chết đi, người quá cố là một cái gương về bổn phận, tinh thần hy sinh và tận tụy vì công ích.

Đối với tôi là người có giao thiệp với anh trong những năm sau này và không phải là không biết di vãng của anh, nếu giáo sư cho phép tôi trình bày ý nghĩ của riêng tôi thì tôi nghĩ rằng lỗi lầm của anh đã được cứu chuộc bằng đời sống cũng như bằng cái chết của anh.

Ký tên : MOELLER

Hương quân địa phận Hillenbrook

Đón đọc

NỘI THÀNH

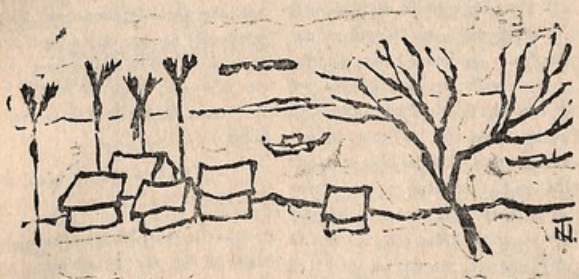
tập đoàn văn của BỮU Ý

Viết sau những ngày tạm dời bỏ Huế, tháng 5 năm 1972

AN TIÊM xuất bản

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

tiếng động buổi trưa



Người đàn ông uống hết ly rượu là bỏ chiếc ly nhựa màu cam đã cẩu bần xuống mặt bàn gỗ thấp, ông ta lấy ra rúm thuốc đề trong chiếc hộp sắt đã cũ, vặn một điều, đưa lên môi thắm nước, cử chỉ nhẹ nhàng thuậ thực đề làn thành một điều thuốc gọn gàng trước khi ngậm lên môi. Người đàn bà khoảng ba mươi tuổi im lặng giữ đứa con trong lòng cho nó bú chốc chốc nhìn lên như chờ đợi. Người đàn ông mồi lửa, kéo hơi thuốc thứ nhất chậm chạp, đôi mắt nhắm lại vì khói đặc, ông ta nhìn quanh quất gian nhà, đôi mắt đưa lướt theo hai bức vách cây dóng bằng những ván thùng đủ cỡ, trên đó còn nhiều những vết dính lớn đã đen lại, những khe hở được dán những miếng giấy báo cắt dài. Ngừng lại một lúc, chừng như ông ta nhìn ra khung cảnh ở bên ngoài cửa sổ,

bãi đất trống màu cát trắng nhòa nhuếch với những đồng rác đã đốt bỏ lại và đây những ống bơ đã sứt rỉ đen đuôi đủ cỡ, rất xa, phía sau những vòng cát mấy ngọn dương liễu tiêu sơ.

— Chị cho tôi vào coi phía trong chút.

— Dạ, bác tự nhiên.

Người đàn ông im lặng đứng lên, điều thuốc đang cháy dính trên làn môi đen ướt, ông ta đi vào, tới khoảng ván ngăn với phía trong ông ngừng lại đưa tay lên sờ vào thân cột gỗ, lần gỗ cũ sù sì không được bào sơn phủ ra ngoài màu xanh nhạt. Khoảng trong ngôi nhà rộng hơn phía ngoài, mái tôn thấp và là xuống phía sau, bức ván trong cùng có nhiều khoảng hở, một cửa nhỏ thông xuống khoảng đất trống phía sau. Trong

không sân rộng không quá hai thước được bao lại bởi những cột sắt và kẽm gai, nơi góc, bên những phuy nước có một cây chuối được trồng từ bao giờ vẫn ào oạt với hai tàu lá nhỏ vàng úa như bị hơ vào ngọn lửa. Nơi chân hàng rào có mấy khóm xả lá xanh và cao. Người đàn ông nhìn ra khoảng đất trống phía sau, những vật đất không đều, nơi đó trước kia là một khu vực dùng chứa những đồ phế thải, nay còn lại mấy khung xe nhà binh đã hư hỏng, mấy chiếc bánh xe bỏ ngổn ngang, mấy chiếc thùng sắt bỏ rải rác, phía xa có một chiếc máy bay trực thăng không còn cánh quạt và gãy ở giữa trông như một con vật thời cổ sử trong hình thù quái đản, màu xám và đen của chiếc máy bay nổi lên khoảng cát trắng. In lên bầu trời nắng gắt những cột gỗ đen đui trơ vơ. Trờ vào, người đàn ông đá mũi giày vào chân vách gỗ, từng miếng gỗ đen mục rụng xuống.

Người đàn ông trở lại, ngồi xuống, ngã người ra sau ghế, hút những hơi thuốc cuối cùng. Người đàn bà nhìn lên trong giây phút. Giọng người đàn ông đặc nước miếng nói trong khi cúi xuống đập bỏ điếu thuốc :

— Nhà của chị nát quá, chắc cũng đến ba bốn năm.

— Dạ, năm trước lụt nên hư hao phía dưới, nhà em cũng mới sửa lại...

— Nhà của bà cụ ở phía trên kia còn tốt hơn nhiều.

— Thôi để tùy bác tính cho.

Giọng người đàn bà nhẹ nhưng nhạt nhẽo. Người đàn ông tự rút lấy

cho mình một ly nước khác. Hai đứa trẻ từ ngoài đi vào, một đứa ở trần, một đứa mặc chiếc áo quá dài với nó, chừng như đó là chiếc áo trong những bao quần áo cứu trợ. Hai đứa trẻ ngơ ngác nhìn người đàn ông, người đàn bà một lúc rồi xô nhau chạy ra ngoài cùng với tiếng la, thứ tiếng động bỗng nhiên quý hiếm trong không khí im lặng tức thờ. Người đàn ông đứng lên kéo vạt áo xuống :

— Thôi để rồi tôi trả lời chị sau, chắc cũng chưa gấp gì.

— Dạ thưa bác kể cũng gấp vì chúng tôi định về trong nội cháu.

— Chào chị.

— Dạ.

Người đàn bà bế con trong tay, đứng lên đưa người đàn ông ra cửa, nắng chói chang, trên quốc lộ, trước mặt hơi nóng như bốc lên oằn oại, khu trại binh phía trước vắng tanh với màu đất đỏ, một chiếc xe nhà binh chạy nhanh với tiếng máy gầm gừ và gian nhà rung chuyển lên trong chốc lát. Người đàn ông lưỡng lự đứng lại trong hiên mát như ngại ngần bước qua những tấm gỗ bắc làm lối đi để ra ngoài quốc lộ.

— Con chó của ai mà ngộ vậy chị.

— Dạ chó hoang.

Giọng nói của người đàn ông như có đôi khác. Con chó đang thơ thẩn trên mép quốc lộ, màu lông vàng bần, lông tóe, lưng hơi cong xuống với cái bụng xệ, nó không bước bình thường mà như hơi nhảy lên, nó chỉ có ba chân, một

chân trước bị cụt mất. Con chó trông đã già nhưng vẫn còn khỏe. Người đàn ông đưa mắt theo dõi con chó đang men theo mép cỏ cháy bên quốc lộ, bỗng nhiên nó nhảy nhanh hơn, phóng mình chạy xuống phía dãy nhà, rồi mất hút :

— Chó có ba chân kìa có thể đưa đi làm xiệc được.

— Dạ nó dữ lắm.

— Chó hoang mà.

— Lúc trước Mỹ nuôi.

Người đàn ông bỗng nhiên như bị lôi kéo vào câu chuyện của con chó hoang. Người đàn bà đang sửa lại thể bế đứa con. Năng làm cho đứa nhỏ chói mắt, nó oằn người lên, người đàn bà bế vác nó lên vai cho đứa nhỏ quay vào phía trong nhà.

— Sao nó không mang con chó đi theo.

— Dạ không rõ. Bây giờ con chó sống quanh quần trong khu trại bỏ trống.

— Bây giờ ở đây khác hẳn hồi một năm trước, chị nhỉ.

— Dạ, lúc trước đông vui, làm ăn cũng dễ, bây giờ Mỹ nó đi hết rồi.

Người đàn ông nghĩ tới khung cảnh hơn một năm trước, khu trại binh trước mặt dãy quân đội Mỹ, khu đất trống bên này quốc lộ, xa cách với khu trại binh trở thành một khu đồ rác. Ít lâu sau ở bên những đồng rác đó mọc lên những nhà chòi nhỏ che bằng những

tấm vải nhựa, trước hết là của những người tới chờ đợt nhặt đồ rác, có những túp lều trở thành quán giải khát bán những lon bia, nước ngọt ướp lạnh để trong những chiếc thùng, có thể thêm những gói kẹo, thuốc lá. Ít lâu sau những túp lều biến thành những ngôi nhà nhỏ có người ở, không bao lâu cả một khu vực trở thành một xóm người đông đảo kéo dài lên mãi phía trên ngã ba. Ngoài những người nhặt đồ phế thải còn có những người buôn bán, những tiệm giặt đồ, bán nước đá cũng bắt đầu làm ăn dễ dàng, số công nhân vào làm trong các khu trại lính gia tăng kéo theo những quán ăn bình dân mọc lên sừng sững vào đám công nhân. Những ngôi nhà từ những túp lều được bán đi bán lại nhiều lần, những bảng hiệu xanh đỏ xuất hiện, thời kỳ cực thịnh của khu vực bên này quốc lộ được biểu hiện rõ nhất khi có hai quán nước lớn gần máy hút lõi kéo lính Mỹ tới cười đùa với những cô gái từ xa đến với quần áo xanh đỏ. Người ta sống ở chung quanh đó có một đời sống khác, trẻ con bắt đầu hút thuốc lá, ăn kẹo cao su, chúng biết nói những tiếng Mỹ cần thiết và chạy theo những chiếc xe trên quốc lộ với bàn tay chia ra, chúng cũng biết chửi tục lớn tiếng, mọi người uống bia hộp, mời nhau bằng những đồ hộp để trong những thùng nước đá. Sinh hoạt những ngày cũ không còn nữa. Những đồng rác cao nghệu ngày nào nay chỉ còn những đồng than và ngồn ngang những ống bơ không cháy đi được.

— Chắc bọn Mỹ nó chặt chân con chó ?

— Dạ không, con chó bị thương hồi có pháo kích, Bọn Mỹ nó cứu con chó.

— Kỳ vậy.

Người đàn bà cười hồ nhiên. người đàn ông cũng cười. Đứa nhỏ đã ngủ trên vai người đàn bà.

Chiếc hầm trú ẩn trong gian nhà làm bằng những bao tải cát mới được dẹp đi sau này, trong những năm trước nhà nào ở đây cũng có hầm trú ẩn, người đàn bà nhớ lại, có lúc chính chị cũng đã trở thành một người đi làm những bao cát bán cho lính Mỹ ở đồn bên kia quốc lộ, những chiếc xe Mỹ mang theo những chiếc bao không đến, chạy sâu vào trong khu đất bỏ hoang thuê đàn bà trẻ con đồ cát đẩy vào trong những chiếc bao rồi cột chặt lại. Ở đây, gần như ai cũng có thể kiếm được việc làm một cách dễ chịu. Hàng đêm mọi người bị đánh thức trở dậy với những loạt đạn pháo kích. Sự đe dọa bỗng trở thành quen thuộc và không còn gây những phản ứng. Mỗi buổi sáng thức dậy người ta kéo nhau đi coi những dấu vết tàn phá, xem có ai chết hay bị thương không, người ta cũng theo dõi những thiệt hại của trại lính Mỹ một cách bình thản. Tiếng đạn pháo kích đến, tiếng súng bắn đi, tiếng máy bay lên xuống, tiếng xe cộ chạy suốt ngày đêm đã khiến cho khu xóm có một bầu khí đầy tiếng động, thứ tiếng động của chiến tranh, thứ tiếng

động mệt mỏi, tiếng động như lửa khỏi đầu khối chất lỏng đen dề dề còn lại một khoảng trống ngu ngơ thờ thần biếu lộ trên nét mặt thiếu máu và ngái ngủ. Người đàn bà nhớ lại những ngày đầu cùng chồng đến đây, hai vợ chồng lúi húi trong nhiều ngày, nhiều đêm để mỗi lúc làm cho cái chòi trở thành một ngôi nhà như hiện nay. Trước đó, một lần cả khu nhà mới đã bị vây lại bởi những hàng kẽm gai, những người cảnh sát đã tới đòi họ đi khỏi và dỡ theo những căn nhà tôn. Chị đã ngồi lại trong căn nhà và khóc trong khi chồng ở phía ngoài không thể vào được, lúc đó chị mới có thai, người chồng mua bánh mì liệng qua hàng rào vào cho vợ. Những khó khăn đã qua, chị cùng những người khác đã được ở lại làm ăn, những ngôi nhà sang bán mỗi lúc một có giá, những tờ văn tự viết tay giữa hai người với nhau, có những ngôi nhà mỗi lần sang bán người chủ lại phải dỡ ra từng tờ một, những tờ giấy được viết từ những người đầu tiên, có những người chỉ còn tên gọi trên tờ giấy, người ta không còn biết được mặt mũi ra sao. Một chiếc xe hàng vắng khách chạy nhanh ngoài quốc lộ. Người đàn ông nói :

— Hồi trước tôi có một người bà cô lên chữa bệnh ở trong trại lính này. Họ giỏi thật, bệnh tật bao lâu không khỏi, đến lúc về thì mập mập ra. Mỗi tháng còn phải trở lại để họ khám rồi phát thuốc cho uống... Nhiều người mắc bệnh kinh niên được nhờ lắm.

— Dạ.

Người đàn bà nói nhỏ, chừng như chỉ muốn cắt đứt câu chuyện. Người đàn ông lần theo hàng hiên đi về phía trên vừa đi vừa ngắm nghía, có lúc ông ta ngừng lại gõ tay vào những vách gỗ, lay động thử một chiếc cột hàng rào. Người đàn bà trở vào nhà, nhẹ nhàng đặt đứa con xuống chiếc giường nhỏ, chưa đặt khỏi tay, đứa nhỏ đã oằn người, mếu xệch và khóc thành tiếng, người đàn bà vội vàng bế nó lên tay vừa vỗ vừa ru, đi quanh quần trong khoảng hẹp của căn nhà ngoài. Người đàn bà chợt nhận ra có người đang đi từ phía quốc lộ xuống. Chị ngừng lại nơi cửa. Một người lính xách chiếc mũ sắt nơi tay, tóc rối bù, da mặt đen cháy nhễ nhại mồ hôi, người lính bước lên hiên, dáng dè đặt nhìn về phía đầu nhà.

— Phiên chị cho tôi xin chút nước.

Người lính vừa nói vừa đứng đưa cái mũ sắt. Người đàn bà lạnh lẽo :

— Anh vô lấy giúp tôi chút

Người lính bước vào, nhìn vào trong nhà. Người đàn bà nói :

— Nước trong ấm đây anh.

— Dạ không, tôi xin nước lạnh, cái xe nó nóng quá.

Người đàn bà phác một nụ cười :

— Anh xuống phía sau.

Người lính đi xuống phía sau, dáng anh ta ngại ngùng, lúc sau anh đi lên với một mũ nước đầy. Anh ta đứng lại nơi cửa nhìn ra nắng ngai ngẩn, giọng anh băng quơ :

— Trời nắng chi lạ.

Người lính cúi người ngồi xuống nơi bậc cửa, để chiếc mũ nước một bên, đưa cánh tay lên quệt mồ hôi trên mặt. Anh ta chú ý tới con chó nằm nơi đầu hiên nhà, lưỡi thè ra thở mệt nhọc :

— Chị nuôi con chó ngộ ghê.

Người đàn bà đứng lại nơi cửa nhìn ra chỗ đầu hiên. Con chó trở lại từ lúc nào đang nằm soài người trên đất, hai chân sau ruỗi ra, chân trước để dưới chiếc đầu nằm ép xuống. Chiếc chân cụt lộ hẳn ra một bên thừa thãi, mắt nó nhắm lại hiền lành, cái lưỡi dồm thè ra, rớt rãi chảy nơi hai khoe mõm. Người lính lấy thuốc châm hút, anh ta duỗi hai chân về phía trước phơi đôi giày đã vệt hết đế, gấu quần sờn rách, những sợi lông chân quần lại trên lớp da vảy cá sần sùi. Người đàn ông trở lại, ông ta lặng lẽ bước đều đo khoảng rộng của căn nhà rồi ngừng lên nhìn người đàn bà :

— Nhà của chị không được bốn thước. hẹp thua căn nhà đằng kia. Nếu đồ xuống cũng không được bao nhiêu gỗ còn sai được — ông ta nhìn lên mái tôn — tôn cũng hư nhiều quá...

Người lính nói :

— Chị bán nhà này à ?

— Dạ, chúng tôi về ở với nội, ở đây có làm ăn gì nữa đâu.

—Ừ, bây giờ chị ở đây cũng ghê, đồng không mông quạnh thế này, lại ở bên trại lính...

Người lính bỏ dở câu nói. Người đàn ông đã thấy con chó, ông ta vừa nhìn vừa cười cười:

— Nó lại đây rồi, tôi vừa thấy nó quanh quần bên kia.

— Dạ nó chạy khắp xóm, nhưng tụi lại nó ở trong trại lính.

— Tôi chưa, chắc nó nhớ chủ nó. Quên sao được những miếng thịt bò thơm phức, những khúc xương ngặm không nổi, được tắm rửa, được vuốt ve thì cảm lòng sao được.

Người đàn ông cười thành tiếng lớn về hoai trá với chính điều mình nói. Người lính lặng lẽ hút thuốc nhìn ra nắng. Người đàn bà nói giọng kể:

— Trước kia hàng đêm vùng này bị pháo kích, mỗi lần như thế dân chúng đem những người bị thương lên cửa trại lính, những lính Mỹ ở đấy họ rất sốt sắng, họ băng bó cho những người bị thương nhẹ, cho nằm lại bệnh viện những người bị nặng, có người được đưa thẳng sang Mỹ. Một đêm trong khi bị pháo kích, đạn làm bốc cháy căn nhà, lính Mỹ họ ủa ra chữa cháy hôm ấy không có ai bị thương, chỉ có con chó bị mất một bên chân lẫn lộn và kêu, một lính Mỹ đã đưa nó vào bệnh viện băng bó, cho thuốc. Một người nằm ở trong bệnh viện kể lại, Mỹ nó chữa cho con chó như chữa cho người, con chó lành và nó quanh quần ở trong đó, không ra khỏi, nó là chó hoang nên cũng không ai quan tâm, về sau tôi có lần vào trong đó xin thuốc thấy con chó nằm ngay ở cửa ra vào, thấy người nó vẫy đuôi ra về

mừng rỡ, quen thuộc. Ai cũng nói con chó có phúc, chắc có mấy kiếp tu, được chữa lành lại được nuôi sung sướng..

— Bọn Mỹ lạ thật.

— Trời ơi, các ông chưa biết đó. họ bắt cóc cả người bệnh nữa.

— Thế là làm sao.

— Hồi đó có một ông già ở đây, ông ta bị bỏng hay sao đó, bụng lớn như cái thùng, ông ta thường ngồi ở ngã ba xin tiền. Một hôm bỗng nhiên thấy ông ta biến mất, con cháu đi tìm không thấy, có người nói thấy một chiếc xe Mỹ bắt ông ta lên. Có người nói Mỹ nghi ông ta làm mật thám cho giặc, ngồi ở đường để đếm xe qua lại nên bị bắt, có người nói Mỹ nó bắt ông đi triển lãm, có người còn nói bay ông ta bị làm thịt, có người nói Mỹ giết ăn thịt người... Ba tháng sau người ta thấy ông già xuất hiện ở ngay ngã ba, lúc bấy giờ người ta mới biết là quả thực Mỹ nó bắt ông ta vào trong nhà thương, sau nó đưa ông ta đi Mỹ vì nhà thương họ không đủ phương tiện mổ cho ông già, ông già trở về khoẻ mạnh, cái bụng lớn không còn, nhưng từ đó ông già không thể ngồi mà xin tiền khách bộ hành nữa, ông khoẻ rồi, không ai còn cho tiền, ông ta phải làm việc mệt nhọc...

Người lính, người đàn ông cũng phá lên cười. Con chó nghe tiếng động góc đầu trở dậy, hai mắt mở lớn, ngậm mõm lại trong giây lát rồi nằm xuống như trước.

Người lính búng máu tàn thuốc còn lại trên tay vào con chó, nó nhảy lên, chạy ra phía ngoài xa một chút, nó đứng im trong nắng nhìn người lính.

— Nữ dữ lắm, không ai dám trêu nó.

— Một thứ anh hùng độc thủ chứ ít sao.

— Hôm trước họ tìm cách đề hạ nó mà không được, nó đã từng cắn một đứa nhỏ bị thương nặng ở mặt. Người ta sợ nó thành tinh, không ai tới gần nó được.

Người lính gật gù, người đàn ông hơi mỉm cười ngắm nghía con chó. Chiếc chân cụt quá cao, lên sát gần mình khiến cho nó có một hình thù lạ.

— Hồi này nó đói nên tiêu tụy hẳn.

— Mỹ nó về hết rồi còn đâu nữa mà sung sướng.

Người đàn bà nhìn người đàn ông:

— Thưa bác, bao giờ thì bác cho biết ý được đề chúng tôi lo.

— Chỉ đề cho tôi hai bữa.

Người lính nói:

— Chỉ bán nhà cho ông đây.

— Dạ.

— Tôi tính mua lấy gỗ về làm cái bếp... Anh tính, gỗ mục cả.

Người lính đứng lên, xách lấy mũ nước:

— Thôi chào chị, cảm ơn chị... chào ông.

— Không có chi.

Người lính đi xuống, bước qua những tấm ván, nằng chối lùa phía ngoài quốc lộ. Con chó bỗng nhiên đuổi theo chồm lên lưng người lính. Người đàn ông, người đàn bà cùng hét lên, đứa bé khóc thét. Người lính liệng chiếc mũ nước lại chạy nhanh rồi ngồi thụp xuống thủ thế. Con chó lùi một chút rồi nhảy vọt qua đầu người lính. Người lính hơi chùn người xuống, quay trở mặt với con chó.

— Nó điên rồi.

Người lính chạy nhanh về phía quốc lộ, con chó đuổi theo người đàn ông cầm vội chiếc gậy đuổi theo, người đàn bà lo lắng trong khi cố gắng nựng đứa con trong tay. Khoảng bụi bốc lên theo sau những bước chạy của người lính và con chó. Người lính nhảy lên xe, con chó chạy quanh, có lúc không còn nhìn thấy, bụi, nắng và màu vàng bần của con vật như nhòa với nhau. Một tiếng nổ chát chúa vang lên. Người đàn bà thấy người lính đã nhảy xuống khỏi xe với khẩu súng trên tay, người đàn ông hấp tấp trở vào:

— Coi đạn lạc thì khôn. Anh ta muốn hạ con chó.

Con chó chạy vọt lên dọc theo quốc lộ hướng về phía trại lính. Người lính đuổi theo, súng trên tay, anh ta ngừng lại trong giây lát, những phát đạn nối tiếp, con chó chạy không quay đầu lại. Không khí khô nóng khó chịu. Người lính không còn đuổi nữa. Anh ta trở lại, đóng cửa xe, đi xuống nhặt chiếc mũ sắt rồi vào trong bóng điện:

— Con chó thành tinh rồi sao. Nó trở nên hiểm quạ.

Người đàn bà nói :

— Anh thật hay, tôi tưởng nó cần được anh.

— Nguy hiểm, nếu tôi không ngồi xuống kịp...

Người đàn ông cầm chiếc gậy vút đi, hai tay phui vào nhau :

— Phải hạ nó, nếu không có lúc nó cần chết người... Tôi về chị.

Người đàn ông quay ra chào người lính rồi đi theo hiên nhà về phía trên, lúc sau người lính thấy ông ta đạp chiếc xe đạp qua quốc lộ, chiếc mũ rộng vành đội trên đầu, khi ngang qua chỗ chiếc xe, ông ta giơ tay lên cao ra dấu chào. Người lính mỉm cười vẫy tay theo.

— Con chó nó chạy vào trong trại lính phải không anh.

— Phải, nó khôn quá. nó biết tôi bắn nên chạy chữ chi, không chịu chạy thẳng. Tôi sợ đạn lạc. nếu không đâu thoát được tay tôi. Tôi đợi xem nó có dám ra không.

— Nó không ra đâu, anh ơi ; hôm trước người ta đã rượt nó một lần. nó chạy tọt ngay vào trong ấy, mấy ngày liền tôi không thấy, tưởng nó đi đâu rồi, bỗng một buổi tối tôi nghe thấy tiếng

súng nổ, tiếng con chó cắn dữ bên đó, sau mới biết nó cắn mấy người vào trong trại ăn cắp đồ khiến cho lính canh họ phát giác ra. Có những đêm nghe nó tru lên trong đêm vắng như tiếng ma...

Người lính ngồi nghe chăm chú.

Anh ta nói :

— Chồng chị đâu ?

— Nhà tôi đi hành quân...

— Chị về ở với gia đình là phải, thời buổi loạn lạc, lúc đêm hôm...

Người lính bỏ lửng câu nói, đứng vụt lên, cầm khẩu súng :

— Nó kia rồi...

Anh ta chạy về phía quốc lộ, cầm ngang khẩu súng, đầu cúi về phía trước, chân đạp về phía sau những đám bụi. Người đàn bà đứng tựa lưng vào thành cửa nhìn theo, con chó xuất hiện ở phía xa, bên chiếc chòi canh cao, người lính chậm lại, tiếng súng nổ chát chúa, đũa nhỏ giết mình, một tay bấu vào cổ người đàn bà. Người lính đã chạy lên quốc lộ, hơi nặng oằn oại trong khung cảnh tro bụi mầu đất cát nhòa nhuếch và những hàng kẽm gai. Lúc sau người lính khuaft dạn, chỉ còn thỉnh thoảng vang lên tiếng súng khô nóng khó chịu...

DƯƠNG NGHIỆM MẬU

Thơ Vũ Hoàng Chương

R Á T G À N

Gửi tinh-anh người-hùng

Lê - văn - Trương.

V. H. C.

I

Nhớ ai như thịt da nằm nhớ
Đời sống mình bên kia nhát dao.
Khuya nay con nhớ này vô cớ,
Nhớ tưởng đào lên được cũng đào.

Thiên hạ chôn người rồi mà, Trương !
Trương của Hà-nội xưa để vương.
Người hùng biết mấy, khi mời bạn
Cùng chết vào hơi ca Tâm-dương !

Thét vang : Nghe bay ! Say là vua.
Gối lên Hồ Gươm choàng Tháp Rùa,
Lăng Sen buông phách gieo hồn xuống
Cửa ải con thuyền lác đác thu.

Buộc cổ-viên-tâm liền tình già,
Đợi chi giường nệm chưa phong ba ?
Hồng đâu ? Hiến đâu ? Nồi lửa gấp !
Đầu thai có lắm không Quả Cà ?

Giàn mướp giàn dưa quanh Ngã Tư,
Đáp mau, cho vơi hờn Sờ-từ !
Cho thế kỷ này khoan hãnh diện;
Quả Đất mà thơm bén gót ư ?

Cà thơm màu độc được hung hung,
Mọi người xinh hay tìm người hùng ?
Cũng đốt theo tiền bán tác phẩm...
Khéo khuyên thì kẻ lấy làm công.

Trương hơi ời Trương ! Sen hơi Sen !
Các người bỏ ta không trống kèn.
Đứa chết nghèo, đứa chết bom đạn,
Còn trơ Bạch-Vương trong đêm đen.

Hồng đâu ? Hồng vùi sâu Nghĩa trang.
Hiển đâu ? Hiển mấy mùa đi hoang
Rồi nửa năm nay biệt tăm tích.
Đêm đen chỉ còn trơ lại Hoàng.

Bạch - Vương cũng ta, Hoàng cũng ta,
Hồn đang phiêu du vùng sao sa.
Một trong ức triệu hạt cát vụn
Sắp ngủ vùi đây, chờ tiếng gà...

Thức giấc theo ngày mọc, tự tin
 Sống đều như máy, đời an nhiên.
 Hay đâu dưới lưỡi dao Đòi - mạng
 Hồn bỏ thân nằm góa mỗi đêm...

Riêng ta không lắm như thế nhân
 Nên cùng các người ta rất gần.
 Dẫu chưa thể phách vùi trong mộ
 Ta vẫn là mây khói hiện thân.

Bên đèn ta đau chung cái đau
 Thịt Trương rách nát da Sen nhàu
 Chân tay Hồng Hiến còn trùng gặm;
 Ôi, ta còn chi ta nữa đâu !

Sài-gòn 10 - 6 - 71

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

GHI CHÚ . — Sen là tên gọi thân mật của Bạch - Liên thư - thư, một danh ca Hà-nội cũ. Hồng và Hiến là hai văn hữu thân nhất của Lê - văn Trương lúc bấy giờ. SAY (hoặc Hoàng Say), và Bạch-Vương, đều là biệt hiệu của V. H. C. từ 30 năm trước.

thơ Hạc - thành Hoa

Rừng lúc nửa đêm

Nửa đêm trời đất mênh mông
Rừng hoang vu quá cho lòng xót xa
Cây buồn đêm cũng trở hoa
Chim kêu dưới bóng trăng tà lẻ loi.
Thương rừng không tiếng lá rơi
Thương ta trôi giạt một đời dang dãi
Đêm đêm thức giữa rừng cây
Nằm nghe sương rụng giọt dầy giọt vơi
Trông như đêm suốt một đời
Ngay mai không biết mặt trời có lên.

Mây trôi về ngàn

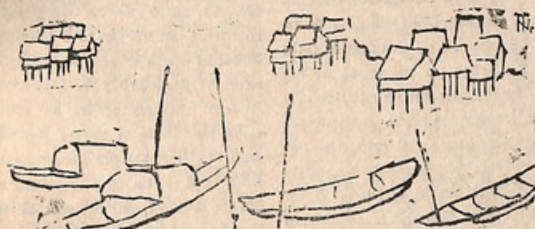
Mười năm không đứng bên hồ
Quên làn nước biếc nhờn như cá vàng
Hôm nay dưới bóng trăng tàn
Một pho tượng trắng hoang mang nhìn trời
Mười con chim én bay rồi
Mười năm như bóng mây trôi về ngàn.

HẠC-THÀNH HOA

(Trong Mưa vàng mặt đường, sắp xuất bản)

ĐỒ TẤN

Bên ngoài thành phố



Thăng A.37 vừa kéo cần móc lên thì pháo địch cũng vừa dọt tới 5, 7 trái. Không biết là loại gì, nhưng nghe chất tai. Có thể là 75 trực xạ, nhưng cũng có thể là 122 hay 130. Chắc đề-lô nó nằm sát đầu đó.

— Đ.m., kiểu này thì còn lâu mới đổ được. Ngủ đi bay. Đứa nào còn bày ra đánh, tao cho ăn kẹo đồng.

Nói xong, Thăng nằm ngửa theo triển hồ bom, lấy khăn che mặt rồi nhắm mắt. Anh ngửi thấy mùi chua của chiếc khăn tay. Mồ hôi, nước canh, máu, thuốc sát trùng, chè, cháo, hăm bà lằng. Trong vùng trời đen ngòm của lòng mắt, anh thấy con cái thăng 5 năm bẹp dí trong các rãnh nước, dưới các mép bờ ruộng, thu mình trong các góc nhà bỏ hoang, trong các hố hăm của dân chúng làm sẵn bây giờ đã bỏ đi, cần răng chịu đựng

những trận mưa pháo của địch. Anh cũng thấy những họng đại bác, đại liên trên các xe tăng thiết giáp trong phố chia ra các ngã đường, những thăng nhóc bị xích chân vào các ổ phòng không trên một số cao ốc và những con mụ cần vụ đi đi lại lại lo việc tiếp tế, liên lạc, tản thương ở phía tiền khu, ty tiền học, tòa hành chính...

Thăng đã đi qua thành phố này mấy lần và không lần nào nó để lại trong anh cái gì. Một dòng sông rất cạn vào mùa hạ mà người ta có thể vén quần lội bộ qua bên kia bờ một cách dễ dàng. Những đường phố thật im vắng vào buổi trưa để cho những trận gió Lào tự do sức sạo tuồn luồng vào các khuôn xóm ngõ ngách. Những ty sở lều tều. Một khu chỉ đông vào khoảng vài giờ buổi sáng với rất nhiều chuối và cam sành, với mấy

hàng tạp hóa, vải vóc và quần áo trẻ con. Một ngôi trường trung học có lầu chung cho cả nam lẫn nữ. Và bên kia đường là một bến xe.

Vậy mà từ một tuần nay thằng Ấn cứ náo nức đòi về. Về ăn cái gì đó mà về? Bọn con gái thì nhất định đã đi tản từ khuya. Bọn con trai thì đã cao bay xa chạy từ trước khi vỡ mặt trận. Chỉ còn lại những ông già bà cả, nhưng nghe nói những bà con còn rớt sót lại này cũng đã bị chúng lừa ra Bắc từ mấy ngày nay. Vậy thì Ấn đòi về làm gì? Tốt hơn hết là cứ đánh thốc ra mặt sông, cô lập thị xã, để mặc cho chúng muốn làm gì trong đó thì làm. Đói quá lâu ngày cũng phải bỏ ra. Vào trong đó để rồi lại bị trận địa pháo, bị mắc kẹt như ở An-lộc, còn dân quân để tiến chiếm A.T., Đ.H. C.L., G.L...?

Thằng lan man nhớ lại cách đây mấy hôm, tình cờ nghe ra-đi-ô có thằng phóng viên cà chớn nào tường thuật có anh lính người gốc Quảng-trị đã ôm mặt lộ ở ngã ba đường đi vào thành phố mà hôn như hôn lên khuôn mặt nhăn nhéo của người mẹ xa cách lâu ngày trở về. Không biết có anh lính nào đã làm như vậy thật không, nhưng nghe giọng thằng phóng viên thật cảm động. Thằng nghĩ đến tình cảnh của Ấn. Mẹ Ấn chết ngày hắn đang còn thụ huấn ở quân trường. Đến khi ra trường, được đưa ngay lên bổ sung cho một đơn vị đương khai thông quốc lộ 13. Và từ ngày ấy đến nay cứ nay đây mai đó dài dài. Suốt ngày hắn như một tên cầm. Tuổi trẻ mà cầm thật ường. Nhiều con

mê nó, nhìn nó với tất cả thèm thuồng. Nhưng nó thì cứ tỉnh bơ. Vì nhìn đứa con gái nào nó cũng chỉ thấy có Thảo. Thảo là em gái út của nó. Không biết bây giờ con nhỏ trời giạt phương nào. Có người nói có trông thấy nó ở trong một trại tạm cư ở Đà-nẵng. Người lại nói nó đã về Huế và đang ở trong nhà bà o ở đường Mai Thúc Loan. Bà o có tiếng cay nghiệt, Ấn không muốn vào, nhưng vì thương em, hắn đánh bạo lái xe vào cửa Đông-ba. Cửa Đông-ba đi vào chỉ dành cho những xe dân sự. Hắn chỉ còn năm phút để tập hợp, lên đường. Đ.m., cái số con bỏ chét: xe lại ngập xăng. Số Ấn nó đen đui như thế đó.

Vào thành phố? Thành phố còn gì trong ấy nữa mà vào? Những hố bom hố đạn. Những cửa nát nhà tan. Những khẩu hiệu, bảng cấm vung vãi. Chắc chắn là thế. Thành phố bị mất đi, nay chiếm lại, e chỉ còn những con chuột và nhữn xác người. Chuột ăn thịt người. Bọn cộng sản ăn thịt chuột. Và những con chó. Chó cũng ăn thịt người. Cộng sản Bắc Việt cũng ăn thịt chó. Chán mớ đời! Vậy mà Ấn cứ tha thiết nặng nề đòi vào.

Nhưng Ấn có lý do của hắn. Thành phố có ngôi nhà bè xiu của hắn ở gần chùa Tỉnh hội ở phía Sài đi lên. Trong ngôi nhà đó có có một cái bàn thờ. Trên bàn thờ có bức hình mẹ hắn. Mẹ hắn, dù bằng xương bằng thịt hay bằng hình ảnh thì lúc nào cũng phúc hậu. Hắn muốn được thấp hương cho mẹ hắn một lần rồi đi đâu thì đi, Thằng có hiếu tẹ. Thằng

cảm phục và thương yêu những đứa con có hiếu. Thắng cũng muốn có một cử chỉ hiếu thảo với mẹ anh, nhưng bà già bày quá : bà già bỏ anh em anh ở lại với bà nội và đi lấy chồng khác hồi con Thảo mới ba tuổi. Anh nhớ có một hồi mẹ anh lặn lội về quê bằng bể lên tỉnh ở với dưỡng anh. Nhưng ông dưỡng thật ặc đức : chỉ một lần anh đi mua rượu bị sảy tay bể chai, ông đánh anh bằng thanh sắt đến lòi xương ống chân. Lần đó ai cũng tưởng anh què và ốm tật suốt đời. Nhưng rồi nhà thương băng bột và chân anh lành hẳn. Từ đó anh bỏ nhà ra đi cho tới bây giờ. Không có được một cử chỉ hiếu thảo đối với mẹ anh, Thắng quyết giúp Ấn có được cử chỉ đó đối với mẹ hẳn. Vì vậy mà suốt hai ngày nay, đơn vị anh dù có sứt mẻ hao hụt ít nhiều, anh vẫn tình nguyện ăn chực nằm chờ.

Thắng nhồm dấy thật nhanh như có ai đâm bên hông.

— Đ.m, nằm xuống.

Địch pháo liên tằm trái, nhưng may không dính đũa nào. Phía trước và xung quanh, khói bụi mịt mù. Giàn pháo rọi bắn trả như mưa, tiếng đạn hú trên đầu nghe khiếp.

— Tao đã bảo mà Đ.m., không chịu tằm mòng ra, cứ bu đầu lại đánh.

Nói đoạn, Thắng chạy nhanh đến hố bom giết bộ bài cho. Anh cũng tóm được mấy nghìn bạc mặt.

— Đứa nào ăn đũa hết đây; đưa hết kéo tao cửa cổ bây giờ.

Có đơn vị đều biết tính anh ba lùn. Anh ba nội câu thì không bao giờ có chuyện nói chơi. Đục chia ra tờ giấy hai trăm. Lầu hai tờ. Mào ba tờ giấy một trăm. Thành đang đếm, bị anh ba chụp lấy hết.

Như đề cho Ấn quên bớt những giờ phút chờ đợi nôn nao căng thẳng. Thắng lớn tiếng gọi người trung sĩ trẻ tuổi. Anh chàng đang ghếch súng nằm úp sấp trên bờ một hố bom, gối mặt lên cánh tay hướng nhìn vào phía Quảng Trị. Tiếng gọi như chặn đứng một giấc mơ. Ấn ngoảnh mặt nheo mắt nhìn về phía anh ba lùn. Nâng hạ mù lòa, chói chang. Trên kia, sát bên lộ, mấy người lính từ phía mặt trời mọc đi ra, vắn bu quanh mấy gánh hàng nước cam, nước chanh, la de, thuốc lá, dầu củ là, kẹo cao su. Kẹo đầu phụng, bánh bích quy và những hộp chè, hộp thịt, linh nghinh lảng ngàng. Uống xong vỗ đánh. Đánh xong ra ăn chè, hút thuốc. Lúc nào chết hăng hay. Còn bị thương, biết liền. Cứ đùa giỡn như điên. Cứ ăn tục nói phét như điên. Lính mà!

— Cáp-tăng, Con mèo, Bạc hà cho tất cả. Còn tao : một bịch la-de.

Nói đoạn, Thắng trao hết nạm tiền cho Ấn. Ấn ngoắc một người lính đi theo, đến chỗ cô bán hàng gần nhất. Hẳn không hiểu sao các cô bé và các cụ già này gan lì đến thế. Lặn lội từ trong Huế ra lúc mờ sáng. Bốn năm giờ chiều trở về. Quá giang đủ các loại xe. Mờ sáng mai lại bỏ ra. Cứ thế mà theo chân

quân đội. Phong-diễn, Mỹ-chánh, Hải-lăng, Trường-phước, La-vang thượng. Bây giờ thì ngã ba Mai-linh. Quân đội đi đến đâu, các cô các bà mò theo đến đó. Chẳng sợ pháo. Cũng chẳng sợ cướp. Chiến tranh dẽ ra nhiều sinh hoạt buồn bán kỳ cục. Buồn bán ngay sát mặt trận, trong tầm pháo địch. Vì lợi hay vì tình? Ấm không thể hiểu được. Có lần đơn vị bị pháo, Ấm nghĩ mấy con mụ này làm đẽ-lò. Nhưng hỏi ra thì được biết chớng làm pháo binh, con đi nhảy dù, thăng châu thăng chắt đều là lính tuốt. Không kiếm ăn được ở thành phố, họ thu nhặt từng đồng từng trạ ngay ở mặt trận. Được cái đồng tiền ở mặt trận cũng dẽ kiếm. Biết sống nay chết mai. Ừ, thì năm chục. Ừ, thì một trăm. Còn hơn chết để tiền trong túi không ai tiêu.

Ấm đề ý thấy mấy hôm nay các cô các bà còn bày bán cả hương đèn. Những thứ hàng dành cho hàng ngàn người chết trên đoạn đường từ cầu Trường-phước đến cầu Dài bây giờ có thân nhân đi tìm kiếm. Đoạn đường thật khủng khiếp. Mấy ông nhà báo đặt cho nó cái tên nghe khiếp hơn: *Đại lộ Kinh hoàng*. Ấm nhớ hôm đơn vị thọc mũi dùi qua đây, bọn lính tiến thật nhanh. Hỏi ra mới biết vì sợ thổi. Có thằng xạ thủ trực thăng bắn mũi thổi xông lên một vùng không trung làm mấy bay lắc lư muốn rớt. Ngón ngữ nhà binh nghe đã dã man.

Hùa xong mọi thứ, Ấm sai người lính mang về cho anh ba lùn. Hắn đảo nhanh một vòng rồi ngồi sà xuống trước

mặt cô bé bán hàng. Những người lính đứng quanh tản dần. Anh hỏi qua mấy thẻ hương, thứ thơm nhất. Không có thứ hương thơm nhất. Cũng được. Biết làm sao hỏi mẹ? Con chỉ mong được nhìn lại ảnh mẹ, dù mẹ vẫn ở mãi trong lòng con. Nhưng con muốn được nhìn thấy tận mắt. Mẹ và ông nước. Mẹ và bếp lửa. Mẹ và nồi com. Mẹ và cái chổi trên sân. Mẹ và cái rổ khi đi chợ về. Mẹ và tất cả, trong căn nhà đó, trước cổng chùa đó, trên con đường đi ra cánh đồng đó, bên kia là quán đi Thao, phía sau là bãi cá: dài, những buổi chiều đá banh giề rách, tắm sông, đập lộn, chửi thề (kêu tên tục cha mẹ nhau ra mà chửi), những đêm đào cát ngăm mình dưới nước mò cá bóng, những sáng bắt cào cào trên bờ ruộng ở phía sau cầu cá rô, những trưa nghe gió nam thổi ù ù qua hàng cây dương liễu...

Ấm lững thững đi về vị trí cũ. Anh ba lùn nhìn hân từ đầu đến chân. Hắn có cảm tưởng như anh thấy được những thẻ hương hắn vừa mua nhét trong thân áo.

— Ấm, lại đây tao biếu.

Ấm đi lại phía anh ba, đưa tay chào. Anh ba kéo Ấm ngồi xuống gần hố bom, thấp giọng:

— Ấm, anh hỏi, chú mày có muốn anh xin cho được theo con cái thằng 5 tối nay đột kích vào thị xã không?

Ấm nhìn chằm chằm vào mặt Thằng như có ý dò xét. Thằng đặt lại câu hỏi thêm một lần nữa và không giấu rằng

việc xin xỏ sẽ có phần khó khăn. Ấn hiểu được điều đó và hắn nói :

— Em không dám làm phiền đại úy. Trước sau gì mình cũng vào. Em sẽ cùng vào với đơn vị.

— Ấn muốn xin anh điều gì không ?

— Dạ không.

— Gắng đánh hay, vào sớm, anh sẽ cho chú năm ngày để đi tìm con Thảo và ông già.

Ấn xúc động đến muốn khóc ; nhưng hắn không để cho nước mắt chảy. Người chỉ huy hiểu gia cảnh của hắn hơn cả những điều hắn nói. Chẳng hạn như trường hợp ông già. Ông già khóc vợ đến mù cả hai mắt, lúc chạy giặc bị đạn chết ở xóm Đò. Con Thảo và thằng Long đã chôn ông ở đó trước khi chạy tiếp. Người chỉ huy biết rõ. Hắn cũng biết rõ. Hắn không nói với người chỉ huy. Người chỉ huy giấu hắn, sợ hắn buồn. Và hắn thầm biết ơn người chỉ huy về sự giấu giếm đó.

Mặt trời tháng sáu vẫn đỏ nắng mù lòa xuống cánh đồng nứt nẻ phía trước mặt hai người. Những tiếng động chát chúa gầm rít trên đầu, xung quanh. Phía xa, mặt tây, đồi núi loang lổ, cháy nám. Về trưa và chiều, gió nam quét mạnh như hắt lửa vào mặt mọi người. Thằng nào thằng nấy đen đui xấu xí như ông táo. Anh ba lùn lùn bầm :

— Không búng được mấy cái chốt đó, thằng 11 còn lâu mới vào được.

Ấn thấy như ngày ngắn lại. Trái với tối qua, hắn thấy đêm thật dài. Gió nam thổi mờ không gian. Hắn muốn đếm hết tất cả các vì sao trên trời cho đến lúc thiếp đi, nhưng rồi cũng không sao ngủ được. Pháo ta, pháo địch thì nhau giã lung tung, tứ phía. Rồi tiếng máy bay, tiếng rọt rọt trong các bụi bờ, tiếng xích sắt xe tăng, tiếng gió hú qua cánh đồng trống tiếng máy liên lạc đ. m., đ. m., tiếng một con chó nào tru mõng từ xa, thật xa, ở hướng thành phố... Hết nhìn đếm những vì sao trên trời, Ấn lại nhìn đếm ánh chớp lập loè của những con đom đóm. Vào mùa này, tối nào đom đóm cũng bay sáng đồng phía sau nhà Ấn-Hồi nhỏ, Ấn bắt chước trẻ con trong xóm bắt đom đóm nhốt vào trong cái chai làm đèn pin. Bây giờ lũ nhỏ đã lớn như hắn. Có đứa làm giáo làng. Có đứa đi lính. Có đứa đã có vợ có con. Có đứa đã ngủ trong lòng đất. Đứa bên này. Đứa bên kia. Rồi bắn giết nhau bằng súng đạn của người ngoli.

Một vệt sáng chiếu ngang chỗ Ấn nằm. Hắn biết anh ba đang đánh thức bầy con dậy đổ nước vào bị gạo sấy. Nghe nói nếu sáng nay vẫn chưa được lợi, anh cho bọn nhỏ thầy lựu đạn kiếm cá đổi bữa. Viên đại úy lầm li, ít nói, nhưng không ai chối cãi được rằng anh rất thương anh em. Tuồng như không một gia cảnh cá nhân nào trong đơn vị mà anh không biết. Đã biết thì cố gắng giải quyết những khó khăn cho người ta. Ba cọc ba đồng lương lính, lương công chức bây giờ chỉ có nước húp cháo. Đã thế mà tinh thần lại không yên thì còn đánh đám cái nước mệ gì nữa ?

Có tin đung mạnh ở đầu đường Lê Huân. Chúng nó đóng chốt chặt ở đó. Thăng 81 không lên được. Thăng 11 cũng kẹt cứng. Như thế này thì con cái thăng 5 sẽ chết khô. Phải chỉ Đại Bàng chấp nhận kế hoạch của Thăng, cho bọn tình nguyện gốc Quảng-trị lọt vào trước. Chúng nó biết đường biết sa, lại khoái tự tay mình được cầm cờ lên thành phố mình. Dĩ nhiên là anh oa đã có nghĩ đến Ấn khi trình bày kế hoạch, nhưng cuối cùng đơn vị vẫn phải ăn chực năm chờ.

Đến 9 giờ, địch pháo dữ. Chúng nó chỉ được cái "pháo" 61, 82, 122, 130, 75, 57, trực xạ, vòng cầu, tầm lum. — Thế nào con cái thăng 5 cũng dính. Mà quả như Thăng lăm băm, mười phút sau, hai cái băng ca từ trong xóm trước đi ra. Lẽ dĩ nhiên theo bên cạnh còn có một thăng đầu băng trắng. Phải đưa ra phía sau chỗ tuyến Thăng chừng hai trăm thước mới có trực thăng. Châu chấu ngại bay ra phía trước, sợ bị rụng.

— Đưa nào vậy Sưu ?

— Cứu thương, Đại úy.

— Đ. m., nhè cứu thương mà rút. Còn thăng kia ?

— Để lộ pháo tăng phải.

— Thôi, để đó, cho tụi bay nghỉ. Để bọn tao khiêng giùm. Liền lạc tán thương chưa ?

— Dạ rồi, Đại úy.

Người thương binh nằm trên băng ca rên hừ hự. Anh quần băng trắng xin miếng nước. Anh nâng bắt đầu chới

chang. Sự sống bắt đầu rũ ráo. Hai chiếc A.37 bay lên từ phía nam bắt đầu quần thảo ; trong khi đó hai chiếc Con Ma như chờ chực. Tiếng máy liên lạc xè xè. — Phú hộ ! Phú hộ, Hành khất gọi Phú hộ, Phú hộ nghe không, trả lời ? — Phú hộ nghe Hành khất năm trên năm. Phú hộ nghe Hành khất năm trên năm. — Phú hộ cho biết tình hình chung. Phú hộ cho biết tình hình chung. — Con nhà nghèo đánh bi, con phú hộ can thiệp, một thăng bị rách áo. — Mấy thăng bị rách áo ? (tiếng hồi tở về kinh ngạc và lo lắng). — Một thăng bị rách áo. Một thăng bị rách áo. — Con Phú hộ còn tiền xài không ? — Con Phú hộ còn năm trăm. Xin cho thêm một ngàn. Xin cho thêm một ngàn. Hôm nay chuẩn bị xài lớn. Hôm nay chuẩn bị xài lớn. — Sẽ cho một ngàn lúc 12 giờ. Sẽ cho một ngàn lúc 12 giờ. Hành khất dứt. — Cảm ơn Hành khất.

"Hành khất" chắc không nghe tiếng cảm ơn của con nhà Phú hộ. Hắn còn phải lo xoay cho đủ ngàn trái pháo cho con nhà Phú hộ đốt chơi hôm nay. Cảm ơn hay không cảm ơn cũng thế thôi. Công việc thăng nào thăng nấy lo... Thăng thấy thương bọn quân y, pháo binh, thiết giáp, công binh... Cũng rụng như sung nhưng không được phụ cấp hành quân. Có khi còn rụng nhiều hơn cả bọn chiến đấu. Đ. m., cuộc đời công binh đến thế là cùng.

Bọn Ấn chưa kịp chạy dạt ra, chiếc trực thăng đã cất bồng lên trời rồi chao mình bay về phía nam, để lại phía

dưới những đám bụi mù và chiếc mũ của Sang lẫn long lóc xuống bờ ruộng. Hân vừa chửi thề vừa chạy xuống lượn thì thấy Phước đang ngồi 'xi' ở đó. Trong khi đó mấy chiếc thiết giáp từ phía trong chạy ra. Hân sợ xe tăng cán cút thẳng Phước nên đứng chặn giữa đường, giăng tay la bãi hải. Phước xách quần bỏ chạy lên phía trên lề đường.

— Đ. m., thời buổi gì mà ngồi 'xi' một chút cũng không yên. Ê, có giấy không mày?

— Trịn lên bờ cò cũng được.

Mấy con cua bò lên phía rên đã xa, nhưng Phước còn nghe bọn trên xe cười hô hô. Hân nhớ cách đây mấy hôm anh ba được lệnh đem *bánh trắng* dài sáu con cua của vi xi đang lù lù tiến về phía đại đội. Cả trung đội Phước chạy học xi đầu mang cao lương mỹ vị ra chuẩn bị thiết con cái người anh em, nhưng rồi không hiểu sao bọn nhóc con nhà anh em lại quay đầu chạy về hướng tây bắc, khiến cả đại đội mừng hụt và chửi thề một trận dữ dội. Buổi chiều Phước nuốt cơm không vô. Hân thấy như trách nhiệm trút ụp hết lên đầu hân. Từ mặt trận Tam viên về, nghe tin bọn lính thủy đánh bộ làm thịt chiến xa địch một cách dễ dàng, mấy anh ba dù náo nức muốn làm ăn phát đạt như ai, nhưng rồi tính đến nay bọn họ chỉ mới thôi được có mười mấy chiếc, trong số lại không có sự góp phần của đơn vị Thăng, riêng anh lấy làm chua xót cay đắng. Nhưng biết làm sao hơn? Đánh giặc đòi

khí như đi buôn. Cũng tính trước tính sau, cũng coi trong ngo ngoài, nhưng không phải chuyển buôn nào cũng lời và trận đánh nào cũng thắng. Thời thì cứ cho là cái số: Số mình không được ăn thịt của thì đành ăn thịt người vậy. Và trong một trận ngày sau đó bị chặn viện cho hằng 8, đơn vị Thăng thật được ngọt sáu chục người ăn ăn, tịch thu một mớ súng, cả bọn khoai ừ là khoai.

Nhưng rồi hằng Ăn lại vẫn không được vui. Suốt ngày, nết nằm lại gối, nó cứ phếch sừng nốc hồng cầm nhìn vào thành phố. Tỉnh thoảng nó lại ngẩng mặt nhìn lên trời, theo rồi nhưng chiếc máy bay oanh tạc nhào lộn với nét mặt lo âu cho căn nhà bé xiu của nó ở đầu đường đi về Sài.

Mặt trời buổi chiều ở mặt trận đi ngủ lúc nào không ai biết. Mới thấy đó, trong thoáng chốc, nó đã lặn khuất sau thành mây đen dày ừ ừ kéo lên từ phía tây, phản chiếu một màu tím bầm như có ý đe dọa rồi tắt hẳn. Lúc đó cũng là lúc con cái hai bên bắt đầu mở cuộc săn đêm, cáo giân pháo nghỉ ngơi ăn cơm chiều lại bắt đầu hoạt động lại rai, riêng bên kia là đóng chốt phòng ngự hoặc cho bọn tiểu yêu âm binh đi chọc phá chiến hạ.

Tự mình đi kiểm soát một vòng việc phòng thủ của đơn vị xong, Thăng trở lại hố bom nằm giữa mặt gối đầu lên tay nhìn những đám mây đen bay ngang qua nền trời xám đục. Anh nghĩ đến cuộc tiến quân đang hồi ngon lành, không hiểu sao bỗng nhiên khựng lại. Như thế có nghĩa là việc vào thành phố của đơn

vị, việc trở lại mái nhà xưa của Ấn không biết đến bao giờ mới thực hiện được. Như thường lệ, người hạ sĩ có tóc bạc mang đến cho anh một bi đông cà phê đen. Anh ngồi nhồm đậy, mở nắp tu một ngụm. Chút đắng đánh thức trí nhớ anh về một vùng trời nào đó dưới lục tỉnh. Con nhò bây giờ chắc đã đi lấy chồng. Khu vườn đó có thể bây giờ cũng đã đổi chủ. Mùa xuân và tuổi trẻ hoang dại không tên. Vài giọt mưa ngoi lác rác, trên mặt anh, trên tay anh. Anh muốn nhắm mắt thiếp đi một lúc và không buồn nghĩ gì nữa, nhưng khuôn mặt phúc hậu của mẹ Ấn vẫn ám ảnh anh (dù anh chưa gặp bà cụ một lần nào). Mẹ anh bây giờ chắc cũng đã già. Thăng chông con Thèo nghe nói đánh bạc dữ. Bọn Lâm, Phát, Thạnh, Hiền... xuong thật bảy giờ chắc đã rã mục. Bọn lãnh tu cộng sản Hà-nội đang ngồi chống cằm suy nghĩ về những thua thiệt ở miền Nam. Những tên chà và ở Sài gòn lo âu về sự thiên vị của chính phủ Ấn ở Tân Đê-lì. Những đứa con gái chưa lớn hẳn nhưng mộng rất bị nướng ngào đi lượn trên đại lộ Lê Lợi. Trái sáng cuối cùng tự tay anh bắn lên nhưng không nổ. Những ngày dài lụi lủn trên rừng núi Tây nguyên. Trái bưởi của một người lạ thả lên xe anh khi công voa đơn vị chạy qua Biên-hòa. Câu thơ của người lính nào đã viết

trên tường quán bún nhà xác ở Huế :
chết như là tôi hồn thành cốp. Tiếng con chim cá trên cây me trường tiểu học Nha-trang đêm anh ghé thăm Lan trước khi lên đường. Đôi mắt đứa bé anh bắt gặp trong một thôn xóm ở quận Hải-lăng hoàn toàn không có người ở. Miếng thịt cóc anh ăn lần đầu tiên trong một ngôi làng nửa ta nửa Miên. Đêm mưa bão trên sông Hương năm nào... Và bây giờ thì nét mặt của Ấn. Lộn xộn. Mờ ảo. Tiếp nối không cùng.

①

Anh em thấp cho Ấn những nén hương tìm thấy trong người hân. Người ta phải bứt bỏ những khúc đầu vì máu hân ra nhiều quá, làm ướt các que hương. Một nắm ngay bên vệ đường, ở cây số 2. Tất cả cắt mũ, cúi đầu. Gió nam thổi rối những đầu tóc bồm xồm. Thăng vốc một nắm đất bỏ xuống lòng huyệt. Mắt anh rơm rớm. Nắng mù làm anh không còn thấy gì nữa. Một thành phố, một ngôi nhà, một bàn thờ, một di ảnh người mẹ, những thứ mà anh tưởng khó lòng làm xúc động anh, bây giờ lại hiện rõ trong đầu anh.

Bên ngoài thị xã, tiếng đại pháo vẫn nổ dồn dập đó.

ĐỎ TẤN



Mường - Mán



Ly nước lợc

tặng Nguyễn Mai

Lúc ra khỏi bến xe trời còn nắng, gió xoáy tốc đám lá khô trên mặt lộ bay lên như những cánh bướm chết, bụi mờ mịt bốc sau chiếc xe tải hạng nặng làm mờ cả đoạn đường dẫn lên dốc cầu; gió bất thần trở chiều bất tung chiếc mũ bay chập chới xuống vệ cỏ, tôi khom lưng định nhặt mũ lên chợt nghe ai đó gọi tên mình từ quán cà phê bên kia đường.

Mớ tóc cắt ngắn và chiếc kiếng cận gọng nâu giúp tôi nhận ra người vừa gọi là Phấn. Phấn ngồi sau ly cà phê sữa đã voi hết nửa, Phấn đưa tay chào theo kiểu bọn con trai thường chào nhau ngoài đường phố, bàn tay đưa lên không cao lắm rồi vội buông xuống nằm bất động trên mép bàn. Tôi kéo ghế ngồi bên trái Phấn gọi tách cà phê đen. Phấn cười một tiếng gọn:

— Đi đâu mà tuyệt tích giang hồ cả tháng nay?

— Đông-hà.

— Vui không?

— Tùy.

— Tùy gì?

— Tùy mình.

Phấn cười nhỏ. Tôi đưa tay gỡ chiếc kiếng cận bỏ nằm cạnh ly cà phê sữa, nhìn về một môi trong mắt Phấn.

— Có chuyện gì buồn? Hình như vừa khóc xong hả?

Phấn lấy kiếng đeo lại vào mắt:

— Sao anh biết?

— Nhìn hai con mắt đỏ như tôm luộc ai chẳng biết.

Phấn chớp mắt theo thói quen, về cảm động giả tạo. Tôi đón tách cà phê thơm nhỏ vừa mang ra đưa lên miệng nhấp một tí, cà phê nóng chưa bỏ đường vị đắng chất giữ dính đầu lưỡi.

— Chiều nay trông Phấn có vẻ đẹp hốc-hác rục-rử.

Phấn cười rười, xúc đường bỏ vào tách cà phê tôi khuấy chậm rãi lơ đãng. Thốt nhiên nó dướn cao mày, giọng trịch thượng:

— Uống cà phê xong nhớ ghé tiệm hút tíc, ngó tùm lum như rừng.

Mưa bắt đầu lác rác trên mái quán rồi đổ nhanh, không khí dịu xuống dễ chịu. Vài bộ hành vội vã bỏ lẽ đường vào hiên quán trốn mưa. Đèn bắt sáng in đậm bóng Phấn trên khoảng vách vàng ửng sau lưng nó. Con mưa trắng xóa bên ngoài tựa tấm màn rủ chùng không ngớt lay động, hơi lạnh cảm thấy thật rõ ràng đầu mỗi ngón tay; Phấn đắm chiều ngẫm hai bàn tay nhợt nhạt của nó, những chiếc móng nhọn sơn phết lóng lánh màu xà cừ nom đi như một cách tinh khiết. Tội chợt có ý tưởng đã man muốn rút hết những chiếc móng nhọn trên mười đầu ngón tay Phấn vất đi. Tội nghiêm trang nhìn sâu vào mắt nó :

- Không đi học sao ngồi đây ?
- Buồn.
- Thất tình ?
- Mất chữ chứ không phải thất.

Phấn cười xa vắng, tội chợt nghe ra thoáng buồn bã trong giọng nói vương vương một môi của đứa con gái, thoáng buồn bã lù mù tán lác trong khói thuốc. Tội nhìn Phấn qua làn khói, khuôn mặt thuôn trắng im lìm như tượng—tội nghĩ đến hình ảnh một con mèo đeo kiếng cận thị. Phấn đưa tay chống cằm :

- Chiều nay anh định đi đâu ?
- Không định gì cả, phất phơ.
- Tội ?
- Có lẽ tới dự tiệc cưới một người bạn.
- Ở đâu ?

— Vương Trần Thuý.

— Có phải đám cưới anh chàng Ngoạn ?

— Ừ.

— Phấn cũng được mời.

— Đi không ?

— Đi chứ.

— Thế ngồi lì ở đây tới rồi à ?

— Anh lại đăng nhà với Tuấn một lát được không ?

— Đâu ?

— Thăm một đám tang.

Tội bật cười khan :

— Đám cưới rồi đám tang, đi thì đi nhưng đợi tí ngớt mưa đã. Ai chết vậy ?

— Ông Hải.

Ông Hải. Hai tiếng khô gọn thốt ra từ môi Phấn lóe sáng trong đầu tội một vốc mặt đầy đặn. Ông Hải, tội có gặp ông ta vài lần đầu đó không nhớ nổi nơi chốn. Ông Hải chết thật rồi sao ? Tội cố đoán tình cảm Phấn đối với ông Hải thế nào qua nét mặt nó. Phấn phàng lặng trước tia nhìn dò hỏi của tội. Con mưa vẫn rơi đều, chưa có dấu hiệu nào tỏ ra sắp dứt hạt. Phấn cúi mặt dùng ngón tay trở chấm văng nước đọng trên mặt bàn vẽ những hình thù vô nghĩa. Khuôn mặt nghiêng cúi dịu dàng xóa hẳn vẻ tinh nghịch điệu cợt thường bữa. Chiếc kiếng cận là thứ phụ tùng cần thiết trên gương mặt Phấn ; không kiếng, nó đổi hẳn cả bộ mặt nom nhợt nhạt lạ kỳ. Có lẽ hôm nay cái máy hát bị hư nên quán không có nhạc.

☉ **Trưa nay**, khi cầm giấy phép rời căn cứ ở Đông-hà, tôi chưa biết rồi mình sẽ đi đâu ? Làm gì ? Tỉnh cờ gặp Phấn thế mà hay, tôi nhủ thầm. Từ lâu rồi, để chừng từ ngày rời nếp sống an bình ở thành phố để bị đẩy xô vào cuộc chém giết tanh hôi tôi thường lười biếng để mình bị cuốn lôi bởi dự tính kẻ khác (?). Chốc nữa đi thăm đám tang, tôi tôi dự tiệc cưới, chỉ cần một khoảng thời gian ngắn được chứng kiến hai khung cảnh trái ngược nhau hẳn sẽ cho mình nhiều cảm giác lạ. Chỗ đám tang hẳn là buồn ; chỗ đám cưới hẳn nhiên vui. Tôi chăm thêm điều thuốc nữa.

— Phấn vẫn lấy đủ cours gồm anh đó chứ ?

Phấn không ngược mắt đáp khẽ :

— Đủ, nếu cần tôi nay ghé nhà lấy.

— Không cần thiết lắm, có lẽ anh bỏ kỳ thi cuối năm lấy 7 ngày phép mua cái vé máy bay đi đâu đó.

Đi đâu đó, ý định vẽ ra trong đầu và để dành. Đi đâu đó, miễn sao vùng thoát khỏi cái sinh hoạt mòn nhàm ở đây ít lâu. Đi, động tác bỏ nhào tới trước nhưng gượng lại được ; lúc nào nhào tới trước không gượng dậy nổi tức là té, là nằm dài, là bỏ cuộc. Tôi chưa bỏ cuộc, tôi còn thêm đi. Đi, không phải đi trên những lối mòn dẫn ra phòng tuyến, đi vào cửa tử, không phải bằng cách leo lên những chuyến trực thăng ra vùng hành quân. Đi, tôi thêm đi với hai tay không, tâm óc không vướng bận, mắt không lom lom quan sát rình chờ

những biến cố tai nạn phía trước mặt. Kẻ được trần gian ưu đãi nhất có lẽ là kẻ được đi nhiều nhất, đi tới những cõi miền rộng ngát hương hoa, đi nghe lòng chuyển cuộn theo bước chân sông, đi, cứ để mặc hai chân lôi kéo vào những dặm trường phiêu lưu về phía chân trời mới... Tôi nhìn Phấn với một chút khuấy lảng vừa gọn nhẹ trong lòng và chút vui tê tê đầu lưỡi :

— Phấn có thèm đi không ?

Phấn cười, ngó ngần :

— Đi đâu anh ?

— Bất cứ chỗ nào, đi hoài đi miết.

Phấn tỉnh nghịch :

— Anh quên tính bầm sinh của đàn bà con gái là ưa nằm à ? Không biết ai định nhĩa đàn bà thế nào chứ theo Phấn thì đàn bà là cái-xương-sườn-cụt nằm.

Tôi cười, chợt nhớ ông nhà văn nào đó đã viết đàn bà là động vật giống cái duy nhất biết nằm ngửa, định nhắc lại câu này nhưng thấy không cần thiết lắm nên thôi, Phấn mất hết vẻ phiền buồn lúc đầu.

Tôi quen biết Phấn tại giảng đường một phần khoa đại học, chỗ mà lâu nay tôi quyết định không đến nữa và vẫn thường nhớ việc mình ghi danh vào đó như nhớ tới một lần lần đã vấp phải. Đời sống học đường dường không thích hợp với tôi nữa, việc cấp sách tới trường mất hẳn tính cách hồn nhiên, tới đó tôi lẽ loi cô độc tựa con ngựa hoang chạy lạc vào giữa một bầy cừu.

Tôi quen biết Phấn qua Đại, thằng bạn cùng mài đũng quần trên ghế học đường những năm trung học. Ban đầu tôi tưởng Phấn của Đại nhưng sau vài lần vấp gờ điều này hoàn toàn không đúng. Phấn thích đùa bỡn, thích mặc áo quần thời trang và, nhìn đời qua cặp kiếng cận một hai độ gì đó. Tôi thường trêu Phấn bằng cách gỡ kiếng cận ra nhìn đôi mắt thật của nó. Không kiếng, nom Phấn vừa ngạc nhiên vừa quyến rũ vừa dẫn lộn một cách tội nghiệp, không hiểu sao tôi thích nhìn ngắm vẻ tội nghiệp ấy ở Phấn. Như hầu hết mọi đứa con gái tầm thường có ít vốn liếng trí thức, Phấn thỉnh thoảng cũng có vài đáng dấp liêu hãnh vô lối, đáng dấp này thường biểu lộ qua giọng nói hoặc những điệu bộ cử chỉ coi trời bằng vạc rau má, mặc dù nó thừa biết một nghìn năm nữa nó cũng không thể nổi tại sao nó được sinh ra làm con gái và sẽ bị biến thành đàn bà dưới tay một tên đàn ông, không đàn ông nó không thể biến thành đàn bà được. Dầu sao, Phấn dưới mắt tôi cũng chưa đến nỗi nào, nghĩa là chưa đến nỗi ta phải quay lưng hay phải bịt mũi. Nếu phân tích kỹ càng thì tình thân giữa tôi và Phấn chỉ trong vòng sơ giao hoặc hơn một tí tí nữa chứ chưa gọi được là thâm giao. Tôi ít gặp Phấn trừ những lúc cùng đi chơi với Đại. Chưa bao giờ tôi nghĩ tới chuyện rủ rê Phấn vào cuộc chơi riêng. Thế nào là một cuộc chơi riêng? Thưa, cuộc chơi xảy ra giữa một trai và một gái, nhân loại thường gọi là trò chơi ái tình.

Thêm một vài người vào quán, bầu khí vốn ủ trầm càng lúc càng ngột kín hơn. Phấn che tay họ nhỏ. Phấn họ và tôi hút thuốc lơ đãng trông ra đường, hai đứa không chịu nói thêm lời nào. Ngoài trời, chừng như cơn mưa vừa ngớt. Tôi đứng lên trả tiền, mua thêm một gói thuốc và bảo Phấn:

— Nào, giờ đến thăm đám tang ông Hải.



Ánh sáng ngắc ngoai tắt lịm trên các tầng cây dọc đường, bầu trời mang mang pha loãng màu tối thâm già, mưa tạnh. Không khí se lạnh nhẹ tênh từng đợt gió thổi lượn qua lòng phố, Phấn kêu lúc đi quên mặc áo len.

Tôi đứng lại đầu lối mòn dẫn vào nhà ông Hải, căn nhà nằm khuất sau mấy gốc nhãn lớn, đèn sáng hắt ra khoảng sân rộng lổ nhố những người. Tôi đứng tựa cột đèn bên này lối mòn bảo Phấn:

— Phấn vào đi, anh đứng đợi ở đây.

— Anh không vào sao?

— Không.

Một tay kéo cao hai ống quần, một tay ôm bó huệ trắng (bó hoa mua lúc ngang qua chợ), Phấn băng qua vũng nước đọng đi khuất dưới những tầng cây. Tôi đứng trông hút về cuối con đường, không muốn nghĩ ngợi gì cả. Biên giới giữa ngày và đêm xóa hẳn, bóng tối dày mịn. Trên những mái cao, sao chỉ

chất mọc sáng và xanh buốt, gió lộng xoáy vào thính không thăm thẳm sâu cao. Qua màn sương ma mị, những ngọn đèn đường trông giống những con mắt quỷ. Hai hàng cây mở ra bãi đất trống um tùm cây hoang cỏ dại, bên kia là khu nhà máy nước đá; tiếng máy âm âm mê mê làm nền cho những thứ tiếng động khác, thứ tiếng động quen thuộc của thành phố dễ gợi nhớ những đêm nằm chung lộn với mưa sương sen vất vả buồn trên rừng. Tôi cố quên tượng lại khuôn mặt kẻ chết, ông Hải. Một hai lần tôi thấy ông đi với Phấn, ông ta mập mạp bề thế, áo quần may cắt đúng điệu; ít a nhìn cái bộ váy người ta cũng đoán được ông thuộc hàng người có máu mặt trong tỉnh lỵ này. Phấn với ông ta thế nào? Tôi ít khi chịu tò mò chen chân vào đời sống kẻ khác. Có lẽ Phấn bà con thân thuộc với kẻ chết và, giờ hẳn nó đang khóc về bên chiếc quan tài sơn đỏ đen gì đó tề tề lát nữa đến đưa bốn cưỡi nói hồn nhiên trong tiệc cưới anh chàng Ngoạn. Cười và khóc, vui và buồn, hạnh phúc và nỗi khổn cùng... Tôi jãnh bằng xiêu lạc giữa chừng ấy thứ tình cảm. Hai mươi mấy năm ngại ngơ ánh mắt nhìn lui những ẩn chứng thời quá vắng trong khi vẫn phải chống mắt nhìn tới, nhìn tới để không muốn thấy cái gì nữa cả.

Phấn trở ra, hai tay túm hai ống quần rộng thùng thình kéo cao bằng qua vùng nước lợ tới lưng uên tôi kêu lạnh quá anh! Tôi ơi ngạc nhiên thấy mình nói với nó như nói với người tỉnh bé mọn:

— Đi bộ một lát sẽ ấm.

Phấn co chân rút một chiếc giày đưa lên ánh sáng tìm hạt cát dính trong đó. Nó xỏ giày vào lại, cười jởi:

— Nào, giờ đi tới chỗ đám cưới.

Tôi đưa tay quàng ngang lưng Phấn thấp giọng:

— Có nên ôm ngang lưng thế này cho đỡ rét không?

Phấn cúi mặt đáp khẽ:

— Nên lắm.

Đu người bạn khác giống tóc dài trong tay, tôi được men theo vệ cỏ ướt rượt sương mưa, ra lộ. Đêm trời xuôi và gió thổi ngược.

Vừa rời vào nhà ông Hải, Phấn không khóc như tôi tưởng. mắt nó ráo hoảnh sau hai mặt kiếng lấp lánh ánh đèn, tôi gọi chuyện:

— Ông Hải là ai thế?

— Bạn của ông già Phấn, thầy học cũ của Phấn.

— Ông ta dạy trường nào mà anh không biết?

— Ông vừa từ Nha-trang về cỡ sáu tháng nay, Phấn quen ông ta từ hồi còn ở Nha-trang cơ.

— À ra thế.

À ra thế, tôi thốt buột miệng với sự hững hờ bình thản, nghi thời không nhắc nhở đến người chết nữa. Hai đứa lan man vòng vo qua những chuyện khác. éc qua cầu tôi không ôm ngang lưng Phấn nữa, tôi dứt hai tay vào túi

quần. Những vại cầu trắng dầm dĩa sương; dòng sông không sóng lặng lẽ dâng khói, một lúc nào đó dưới ánh đèn mờ hoặc tối kinh ngạc dừng lại nhìn Phấn gỡ kiếng ra lau mắt, nó khóc,

①

Tiệc cưới không vui như tôi tưởng. Cuộc hôn phối của Ngoạn và Thảo diễn ra trong không khí gượng gạo bởi trước đó đôi trẻ đã phải lui tới vụng trộm với nhau trong sự chống đối kịch liệt của cả hai gia đình. Cùng đường, đôi trẻ áp dụng chiến thuật tiếm dâm hậu thối để anh đừng dấn cứng hai cuộc đời lại với nhau.

Rời nhà Ngoạn — về tới nhà sau hồi cời giới nghiêm, tôi cẩn thận dứt chìa khóa vào ổ vận nhẹ cổ không gây tiếng động. Phấn giục mở cửa lẹ lên anh, đứng ngoài này lát nữa e đông lạnh thành đá cục. Chúng tôi đã vào vườn bằng một lối riêng vì cổng chính đóng chặt. Lối đi riêng tôi thường dùng những đêm đi chơi khuya lên vào phòng mình mà không làm kinh động giấc ngủ của người đi già cả. Dĩ tôi biết lối đột nhập này nhưng bà làm ngờ. Dĩ dành cho tôi một căn phòng muốn ở thì ở muốn đi thì đi, dĩ ngự ba gian rộng rãi phía trên với một tượng Phật bằng đồng, một bộ thờ linh kính những con hạc gỗ và những đồ lễ nghi cúng bái. Ngày đêm đi đi động tới lui âm thầm tựa chiếc bóng giữa các bày biện tẻ ngắt ấy. Thỉnh thoảng nghe tiếng tôi bên này bà chỉ hỏi vọng sang đôi ba câu chiếu lệ rồi im bặt. Những hôm tôi về, mâm cơm thêm thất vại món ăn ngon, trong bữa ăn hai dì cháu nhai lại những

màu quá khứ vàng son cũ. Dĩ tôi sống nhờ vào các bất động sản ông ngoại để lại : mấy gian nhà cho thuê ở tận An Cựu, mỗi cuối tháng bà đi thu tiền một lần.

Căn phòng nhiều ngày tôi không về, vắng hơi người, mùi ẩm mốc cuốn tạt ra như một làn chướng lực kinh thiên động địa khi cửa mở. Tôi lần mò trong tối tìm nút bật đèn. Dưới ngọn đèn không mấy sáng, Phấn nhìn quanh kêu trời ơi thiên đường của ông Chuột chúa đây sao ? Tôi cời áo mưa quăng đại lên đi vắng tiện tay quơ lấy bộ áo quần và tấm chăn đưa Phấn :

— Quấn chăn lại và cô có quyền thay áo quần, đây chẳng có chỗ nào kín hơn.

Phấn cười nụ nhỏ :

— Chẳng cần chăn quấn, anh tắt đèn giùm đi.

Đèn tắt, tôi nằm dài xuống đi vắng nhìn Phấn cử động mơ hồ trong tối. Cô vũ nữ thoát y và tên khán giả đều im lặng.

Đèn bật sáng. Phấn trông thoải mái trong bộ đồ ngủ rộng thùng thình của tôi. Tôi ngồi nhừu dậy cảm thấy khát nước và buồn ngủ muốn chết. Tôi đứng dậy đi lại chiếc bàn con rót hai ly nước lọc đưa Phấn một ly :

— Uống đi rồi ngủ.

Phấn tròn mắt tỉnh quái nhìn tôi, dang rộng hai tay :

— Ngủ cách nào đây ?

— Anh dưới đất và Phấn trên đi vắng.

Phấn ôm bụng cười rộ. Tiếng cười lãnh lớt làm bà di thức dậy bên kia vách ngăn. Bà hỏi vọng sang, giọng ngái ngủ:

— Ai đó?

Tôi kê miệng sát vách:

— Dạ cháu đây di.

— Mà vừa về hả Hoan? Ăn cơm chưa cháu?

— Dạ rồi, thưa di.

— Ai bên đó nữa?

— Bạn con.

— Cần gì không?

— Dạ không.

Tiếng di tôi cảm bật. Dẫu sao tiếng nói khàn đục vừa rời của bà già cũng làm Phấn giật thót người, tái xanh mày mặt. Nó đưa mắt dò hỏi. Tôi lắc đầu trấn an:

— Bà di của anh đó, sáu mươi mốt tuổi, hơi lắm cảm.

Phấn ngồi xuống đi-văng, bên tôi. Tôi gỡ chiếc kiếng cận nhin về ngó-ngác quuyến-rũ-đần-độn trong mắt Phấn và thốt nhiên muốn cười ngất. Tôi đưa ly nước lọc lên môi uống một ngụm, thấp giọng đùa:

— Này nhé, cả hai cùng nằm trên đi-văng nhưng đặt ly nước này ở giữa làm ranh giới, bên nào lấn qua ly nước sẽ dở, hy vọng tôi sáng mai ly nước còn đứng vững, đồng ý?

Phấn như thích thú trò chơi tôi đề nghị, nó rụt cổ co vai mỉm cười:

— Cũng được, Phấn ngủ rất ít khi trở mình, chỉ sợ anh.

Tôi cúi gần tai Phấn thì thầm:

— Ly nước sẽ như cái hàng rào kẽm gai trước các trại lính trên đó có treo tấm bảng: « giới hạn cuối cùng, vượt qua binh sĩ sẽ nổ súng ».

Phấn đỏ mặt cười rúc rích xô tôi ra.

Ly nước đặt giữa chỗ nằm hai đứa và, cuối đêm nó được nhắc đề xuống nền gạch. Tôi và Phấn, không biết ai đã dời ly nước đi? Chỉ có Trời mới biết được điều đó.

①

“Anh Hoan. Lẽ ra đợi anh dậy nhưng phẫn vãn một hồi tôi thấy rằng chúng ta không nên gặp nhau nữa thì hơn.”

“Chắc anh ngạc nhiên thích thú khi tôi đã về với anh quá dễ dàng, mặc dù anh thừa biết cho đến giờ phút này chúng ta vẫn chỉ có thể coi nhau là bạn, chưa hay chẳng bao giờ là tình nhân, phải không anh?”

“Cảm ơn tình bằng hữu cao vời rực rỡ của anh. Cảm ơn đời đã cho tôi tìm thấy một người bạn thân quý. Anh có nghĩ chúng ta quen nhau quá muộn màng không? Phải chỉ tôi được gặp anh sớm hơn, thuở tôi mới 17, 18 thì!”

“Nhìn anh ngủ thoải mái như con thú no nê sau khi dớp mồi, tôi muốn hôn anh hết sức, hôn như hôn một đứa trẻ,

hôn như hôn cái gì thiêng liêng và tình
 khiết nhất nhưng tôi không thể hôn anh
 được. Tôi không hôn anh lần cuối, sợ anh
 sẽ thức dậy, tôi sẽ không còn can đảm bỏ
 đi và nhất là sợ tấm linh hồn yếu đuối tôi
 sẽ bị lột truồng trước tia nhìn trên cọt của
 anh. Đời tôi thôi hồng, đời tôi nằm đen
 rồi, hôn anh chỉ nữa cho dính bùn lấm bụi
 vào anh, phải không anh ?»

«Có lẽ anh không hề ngờ tôi đã
 đóng kịch để tự che giấu nỗi tuyệt vọng
 của mình, nỗi tuyệt vọng quá đỗi huy
 hoàng và chói chang. Tôi cố giấu sự tủi
 hổ bên sau nụ cười, cố giấu nỗi ghen bên
 sau khoe mắt, cố giấu sự yếu đuối dưới
 bộ mặt phẳng lặng tĩnh yên như (xin lỗi
 anh) con chó cái che giấu cái giống dưới
 cái đuôi dị hợm».

«Cảm ơn anh đã lôi tôi ra khỏi
 trùng vây của cơn mơ hải hùng, cơn mơ
 dữ ám ảnh tôi từ mấy hôm nay, từ hôm
 ông Hải chết. Chiều hôm qua trong quán
 cà phê tâm trí tôi quay mòng trong cơn
 lốc thật khủng khiếp. Anh biết không ?
 Tôi nghĩ tới sự dấy động lòng, những
 viên thuốc ngủ hoặc cách nào đó để tôi
 đi rất nhẹ nhàng ra khỏi thế giới sắc sắc
 không không đáng yêu đáng kính và đáng
 thù ghét này. May mắn gặp anh, tôi đã
 trừ khử được ý nghĩ khốc liệt ấy.»

«Chắc anh vẫn mù tịt về sự liên lạc
 giữa tôi và ông Hải, đáng ra anh không
 thêm biết làm gì phải không ? Chắc anh
 không ngờ rằng hiện tôi đang mang giọt

máu của ông ấy trong cái thân thể không
 mấy mập mạnh của tôi. Tôi định «pha»
 lúc ông còn sống nhưng nay tôi quyết liệt
 chối bỏ ý định ngu xuẩn đó rồi. Tôi sẽ
 nuôi con tôi và, trong khai sinh nó mang
 tên cha : Bùi Như Hải. Tôi sẽ làm mẹ,
 tôi tha thiết muốn làm mẹ của một đứa
 trẻ và tôi tin tôi có đủ khả năng nuôi nấng
 nó, dạy dỗ nó nên người.»

«Cảm ơn anh đã cho tôi qua một đêm
 êm đềm. Bây giờ chắc anh hết thắc mắc
 tại sao trong lúc ân ái với anh tôi đã
 khóc. Vâng, tôi đã khóc đêm qua cho cạn
 hết nước mắt để những ngày sắp tới
 chẳng bao giờ khóc nữa. Đừng tìm kiếm
 vô ích, tôi sẽ theo chuyến xe hàng sớm
 nhất sáng nay ra khỏi thành phố này.
 Cảm ơn anh một ngàn lần, xin lỗi anh
 một vạn lần. Phấn.»

Tờ thư đặt chặn dưới ly nước
 lọc, trên nền gạch. Tôi thức dậy vừa
 che miệng ngáp vừa đọc. Phấn bỏ đi
 thật rồi sao ? Tôi bàng hoàng bùng ly
 nước lọc uống cạn, nghe thắm lạnh tận
 tim gan. Tôi mở tung hai cánh cửa sổ
 nhìn ra vườn, lật tay coi đồng hồ :
 9 giờ 15, muộn quá rồi. Tôi nằm dài trên
 đi văng, không còn chút hơi ấm nào của
 Phấn, chỉ còn sợi tóc dính lại trên gối
 là chút muộn phiền Phấn còn bỏ sót lại.
 Tôi ngậm sợi tóc ngang miệng và kêu
 thầm Phấn ơi, Phấn ơi.

MUỜNG-MÁN

Trần Hoài Thư

Gió nổi

(MASAKO,

tranh vẽ mực trên giấy

của VÕ BÌNH, 1968)



Cùng với nổi chờ đợi một mặt trận lớn đang đe dọa dọc theo hành lang biên giới đến những thành phố của núi rừng, thị trấn đang bắt đầu vào những ngày nóng sốt kinh khủng. Mặt trời lên khi màn sương tan trên những lưng, những hàng cây trụi lá, trên những mái nhà bám bụi đỏ, và càng lúc, cơn nóng càng gia tăng nồng độ. Nóng như làm đất đai bốc khói. Nóng như hầm cả thị trấn đang báo động đỏ, nung jên da thịt thị thành một màu nhiệt đới. Ở màu da râm đen của người Thượng. Ở những trận bụi mù trời, xối xả suốt một con đường đất đỏ. Ở những bờ vách, bờ tường như khô nê, cùng với những chòm hoa giấy chẳng hề lay động.

Ở những công viên vàng khô và những con đường nhựa chảy mỡ. Đó là một cơn sốt da vàng mà thị trấn này là một cơn bệnh đang lên cơn. Bởi vì đề gia tăng vào cái nóng chết người, cái nhiệt đới tột đỉnh, vừa đổ xuống núi rừng và đất đỏ, là cơn sôi sục của chiến tranh. Chiến tranh như một âm ảnh ghê rợn trong cơn mộng của đám thị dân. Họ đã thấy nó bằng những nguồn tin tình báo chiến lược, trên những tin tức hàng đầu trong báo chí cùng với những sửa soạn hồi hã khẩn thiết từ những đơn vị quân đội. Binh sĩ đã được lệnh ra đường mang súng đạn đầy đủ và nón sắt bị đông sẵn sàng tác chiến. Họ đã được mục kích những công sự

chiến đấu được dựng lên trong các ngã phố chính cùng với những khẩu đại liên chia hòng lên trời. Tất cả như một hình ảnh của tai ương đè tô điểm thêm một thị trấn đang lên cơn.

Hạo đã thực sự bước trên những vùng đất đai nhiệt đới ấy. Chiếc mũ sắt vừa xin của một người lính đã khiến đầu anh muốn nổ tung dưới cơn nóng của hạ tuần tháng hai. Chiếc nón sắt, mà một thời gian lâu, anh đã tạm rời bỏ, bây giờ lại trở lại cùng cuộc đời anh. Anh đã ngỡ đứt khoát hẳn cái khối sắt buồn chán và khốn khổ ấy. Nhưng bây giờ, anh đang bước đi, thất thểu trên một vỉa hè, soi bóng mình cùng với bóng nón sắt. Anh đang đi vào lòng phố đỏ. Đám lính bộ binh trở về, bộ quần áo trận bê bết bụi đỏ, như những đứa con hoang của xứ sở. Rạp chiếu bóng đầy ứ người. Một phim toàn đầu cụ, tay lìa. Vương Vũ đang đứng trong thế vô Thiếu lâm. Máu chảy đầy màn ảnh. Và thị trấn đang reo hò, nô nức. Tôi muốn sốt. Hạo nhắm mắt nuốt nước bọt. Đầu óc tôi đang nổ. Có lẽ tôi điên. Hạo thở hồn hèn. Anh dựa lưng vào một cột đèn, để tránh một trận ngã. Hai chân anh run, và mắt thì hoa. Cờ đống ngất. Rồi anh lao đảo bước đến một quán nước bên đường phố. Anh gọi một ly nước đá chanh. Vẫn một chỗ ngồi quen thuộc. Vẫn tên chạy bàn với chiếc áo màu đỏ, vẫn tên Tàu chủ quán, ngồi trên quày, mập tựa một con heo. Đây là một quán quen thuộc trong những ngày đầu anh trở về thị trấn xa lạ này. Anh đã dứt biết bao điều

thuốc, và uống bao ly cà phê để tiêu hoang nỗi buồn, để cảm nhận vị trí bất hạnh của một kẻ lưu đày và xót xa khi nhớ lại những ngày tháng cũ. Anh muốn ứa nước mắt. Hóp nước chanh cũng không làm thoải mái một phần nào cơn sốt vừa đến. Nếu anh ở nhà, giờ này mẹ anh sẽ phải cuống cuống lên vì lo lắng. Bà hồi hã đánh đầu cạo gió. Bà đã làm anh rung nước mắt khi nhìn lên một mái tóc trắng tựa bông gòn, và đôi mắt lơ mờ sau cặp kính lão. Những ngày trở lại, anh chẳng khác một đứa con bé nhỏ. Anh đã bắt gặp những gì đã bị đánh mất trong những ngày kẻ bên nỗi sống chết. « Tại nó xông pha, dầm sương dãi nắng, nên mới ra nông nỗi thế đó. » Mẹ anh ngậm ngùi nói. « Không biết ngày mai, nó còn ai săn sóc không. Khi ấy anh chỉ biết cười và an ủi bà. » Mãi cứ coi con còn bé dại mãi. Con đã quen với gian khổ rồi. Nhiều khi quen cả cái chết nữa. » Đừng nên nói thế. Bà hốt hoảng la lên. Bây giờ, không có bà để anh nói thêm : Con không sợ mưa nắng. Con không sợ sống chết. Nhưng con sợ cái thị trấn này. Nó đang sốt. Nó không có gió để con thở. Nó chẳng có một bãi cỏ để con nằm một giấc bình an. Nó không có một vườn cây với những mùa mận chín hồng để con thấy lại tuổi thanh xuân của con. Đầu con muốn nổ. Con đang chịu đựng vô bờ nỗi cô đơn. Mà xung quanh con, là một vòng đai thép.

Vòng đai thép. Hạo lắc đầu cố gắng đuổi đi những ý nghĩ buồn thảm ấy.

Nhưng chúng vẫn tiếp tục dồn dập nồ, như một trận bão mù. Mặt trời vẫn như một khối lửa đang chói lòa trên bầu trời trong sáng. *Vòng đai thép.* Hạo đâm ra ghê sợ tất cả. Kề cả đám thị dân đang náo nhiệt ngoài khu chợ. Kề cả đám linh nặng nề như những con vật dị hợm. Kề cả đám thực khách đang ngốn ngáo thức ăn vào mồm. Kề cả những tên quân cảnh đang qua lại rình mò. Trấn họ thật phẳng. Đôi mắt họ thật vô tư. *Vòng đai thép.* Hạo muốn hét gào. Sao tôi ngồi đây, cùng con sốt bùng bùng lửa? sao tôi lại chịu đựng tội nghiệp thế này? sao tôi không được trở về cùng phố. Phố ơi, bạn ơi. Những ly cà phê chứa chan tình nghĩa ơi. Những ngày xanh và đêm hồng ơi. Anh thèm, như chưa bao giờ được thèm như thế. Phố đang hiện trước mắt anh, với những vỉa hè lát gạch tươi hồng, những mái ngói đỏ dưới những vòm lá xanh với những con đường nhựa thơm qua một công viên cùng pho tượng trắng. Phố rực rỡ dưới ánh nắng mặt trời. Lối đi quen thuộc, giờ này đã ngập đầy những chiếc lá cuối mùa như những hình bóng bệnh viện. Và màu lá xanh đã đổi thành màu nâu gạch đỏ một đứa con của phố phải chạnh nhớ những mùa học trò. Và cả màu mây trên nóc nhà thờ của phố nữa. Nó như những lá thư tình ái được mang đi và rạn rạ hư vô như những sợi khói thuốc lá bay vòng trong đêm tối. Bây giờ, phố đã quá xa xôi. Bạn cũng tuyệt mù tăm cánh. Bạn, sao bạn không về cùng ta để ta mời một chai rượu nồng nàn tình nghĩa. Có bạn ở đây, bên bàn rượu này, ta sẽ đỡ cô đơn biết bao! Để

ta khỏi trở về cùng căn phòng tạm trú chẳng khác một nấm mồ. Ta đang thèm tiếng cười của bạn, nỗi buồn vui của bạn. Ta đang thèm nghe mỗi tình vừa tuyệt vời vừa thơ đại của bạn. Cũng như ta đang thèm kề cùng bạn về tiếng hát ấm nồng của người thân yêu của ta. Trời ơi, ta đang điên khùng. Bạn biết không? Ta đang bị vây bọc bởi một vòng đai thép. Ta đang bị đẩy dọ dưới ánh nắng của miền nhiệt đới. Nó không buông rời ta. Nó đã theo ta như những mùa tai ương. Mặt trời hay là một sao chổi. Đuôi nó đang sắp lại địa cầu, bóng nó đang lù lù đè nặng. Địa cầu đang vỡ tan tành. Ta cũng nổ tung.

Hạo cảm thấy mình sắp quị. Anh gương đứng dậy. Mồ hôi lại rịn đầy trán. Nhưng châu thân anh cảm thấy lạnh lẽo. Mắt anh lại hoa. Vương Vũ đang cầm kiếm chém người. Vương Vũ đầu lộn ngược. Và máu tuôn cuộn như suối chảy. Cả màn ảnh lộn ngược rồi quay nhanh. Cả khu phố chợ cũng quay nhanh. Một bề âm động nổ bùng như những tiếng nổ lớn của bom lửa. Con đường đất đỏ như ngập một trận hồng thủy. Và những tên quân cảnh hiện ra mỗi lúc mỗi to lớn, đôi mắt mỗi lúc mỗi chiếm cả bầu trời nhiệt đới, đầy những sợi gân đỏ rồi biến thành những dòng cuồng lưu máu me. Hạo lại chụp lấy thành ghế. Đầu anh vẫn quay cuộn cuộn. Anh bắt đầu nôn.

— Ông đó trúng gió. Dầu đầu?
Ai có dầu không? Hạo nghe rõ tiếng la thất thanh của đám người bên cạnh. Rồi

tiếng náo loạn của những bước chân đang tiến đến phía anh. Rõ ràng Hạo đã ngã. Chiếc ghế cũng ngã theo. Tiếng động khô nhúc. Hạo nằm yên như một xác không hồn. Tuy nhiên, tai anh vẫn còn nhúc nhút bởi những tiếng la dồn dồn dập. Một ả giang hồ đã đỡ anh ngồi dậy. Bàn tay ả sờ vào trán anh, rồi nói lớn :

— Ông bị sốt. Trời ơi, trán ông nóng như lửa.

Một ả khác đã bắt đầu cạo gió, trên trán và sau lưng anh. ả làm việc thật sành sỏi. Anh có thể nghe rõ mùi dầu thơm đất tiền và đi thối từ người con gái giang hồ. Một thứ mùi khó chịu. Và ghê tởm. Cái mùi mà anh đã tránh né suốt mấy ngày hôm nay từ khi mụ điếm ở căn phòng bên cạnh bán theo anh không lúc nào rời. Anh lại ôm ngực tiếp tục nôn. Mặt xanh như bãi đờm lênh bênh giữa một chất mỡ vàng.

— Ông ta bị gió rồi.

Một ả la lớn : Coi nè, lưng toàn máu bầm...

— Khiêng ông vào nhà thương.

— Gọi xích lô mau !

Nhưng anh đã gượng đứng dậy và khoát tay :

— Không sao đâu, các cô. Tôi đã cảm thấy khỏe lại rồi. Cảm ơn các cô.

Rồi anh lại lảo đảo ra phố. « Ta phải tìm một pharmacie. Sau đó phải tìm một chỗ nằm. » Tự dưng nước mắt anh lại ứa lên : « Tội nghiệp, nếu mẹ ta biết ta đang chịu đựng cùng cơn sốt như

thế này, chắc bà phải cuống cuống sợ hãi. Trời ơi, con khổ lắm, mẹ ơi. » Và cái nón sắt hai lớp này nữa. Nó đang đè nặng như một hòn núi. Nhưng anh không thể cởi nó xuống khỏi đầu. Anh phải là một người lính có quân phong quân kỷ. Anh phải tỏ ra một quân nhân kỷ luật. Nón sắt hai lớp, súng đạn đầy mình trong khi thị trấn đang ở trong cơn báo động đỏ. Những lời khuyến cáo liên miên của đám lính thành phố vẫn còn văng vẳng bên tai anh. Anh lê đôi chân rã rời dưới ánh nắng ghê gớm. Và băng qua đường. Một chiếc xe đạp chở vợ con của một sĩ quan cao cấp phóng đến. Rồi tiếng phanh rít lên kèn kẹt sau đó. Người đàn bà to béo trước xe ló đầu ra giặt rửa :

— Lính gì ba gai ! Đường xe chạy mà coi như ở nhà. Chết đáng kiếp !

Rồi chiếc xe lại phóng nhanh, để lại một luồng khói dày mùi dầu cặn. Anh đứng yên nhìn theo. Anh lại chờ thôi. Nếu có súng, tao bắn cho bọn mày hết kèn kiệu. Những chiếc xe khác lại phóng trở đến. Hai chiếc ép anh ở giữa. Một chiếc dừng sau lại bóp còi. Đó là loại xe vận tải nhà binh cỡ lớn. Tiếng còi xé cả màng nhĩ anh. Anh đưa tay che mặt, và hốt hoảng nhảy vào bờ đường. Nhưng lại một chiếc xe Honda trở tới. Anh đứng khựng lại, thờ đốc. Thăng nhỏ nhìn anh như một quái vật cũng nên. Anh nồ mắt, nhào đến chụp cổ áo thăng nhỏ ; hét :

— Nhóc con, tao giết mày !

Thăng nhỏ đưa đôi mắt sợ sệt nhìn anh :

— Lỗi tại ông. Ông đi giữa đường mà.

— ...

Hạo ngằn người. Rồi anh nói như điên khùng :

—... phải, lỗi tại tôi. Bởi vì tôi là một tên xa lạ của thị trấn này. Người ta đang xô đuổi tôi. Người ta đang dồn tôi vào một chân tường. Hay tại con sốt đang bốc trong đầu óc tôi. Cùng với con sốt của thị trấn. Phải, lỗi tại tôi. Khi tôi không như những kẻ khác.

Trán họ phẳng lì. Đôi mắt họ lồi cả con người. Bụng họ chứa toàn mỡ... Còn mày, mày cũng như chúng nó. Tóc tai mày như đã thú, ăn thịt người. Mày hút bạch phiến để tự tử ..

— Cha này khùng ta.

Thằng nhỏ mở tròn xoe đôi mắt, rồi rờ máy chạy. Còn anh vẫn tiếp tục lê bước. Có tiếng hát nổi lên từ một nhà ăn sang. Lại một nghìn năm nó lê giặc Tàu. Lại một trăm năm nó lê giặc này. Ta chóng mặt quá rồi. Muốn đứng lại để móc cổ họng thêm để tổng khứ nổi buồn chán và cái cô đơn ghê gớm của một kẻ lưu đày. Nhưng anh vẫn bước. Khi đến pharmacie, anh lại gặp mù diêm già đang che dù dưới nắng. Mụ mang chiếc áo hoa sặc sỡ và chiếc quần ống rộng. Mụ lại cười lộ cả hàm răng vàng. Gương mặt mụ khô nứt và nhiều vết nhăn. Anh không dám nhìn lên, và quên cả những viên thuốc trong tiệm, hồi hải chạy trốn như chạy trốn một tai ương. Vâng thực sự anh sợ. Từ thị trấn rực lửa, từ Vương Vũ chặt đầu người.

Từ mù diêm đang lờn vờn với mùi dầu thơm hạ cấp. Ở mù, là một đ vì trùng lậu, giang mai cũng nên. Ở mù, là ngọn hỏa diêm sơn sẵn sàng gieo họa. Nó là hột xoài ngay háng, mỗi lúc mỗi lớn dần và đỏ thắm. Nó là những con sốt tuyệt đỉnh đầy dọa con bệnh đến ngất ngư. Mụ vẫn che dù đứng đó. Đôi mắt mụ vẫn nồng nàn kêu gọi, như một đêm mụ gõ cửa phòng Hạo, xin mời một liều thuốc. Như hơi nóng bùng hực cùng với mùi dầu thơm quuyền rũ toát ra từ thân thể gầy gò.

Tự nhiên, anh bước qua ngôi nhà hàng không. Và một động lực vô hình bắt anh vào phòng bán vé. Anh tìm một chỗ ngồi thiếu ánh sáng. Phòng đã bắt đầu thừa người. Hai cô nàng bán vé đang trò chuyện đằng sau quầy. Màu áo thiên thanh như màu của phố vào buổi chiều trời đẹp. Như bầu trời trên Thương cảng. Như mặt biển dưới con đèo Phước hoàng. Phố đang nằm trên bảng đen, Tên phố viết bằng phấn trắng. Chuyển bay khỏi hành lúc sáu giờ chiều. Năm giờ xe ca bắt đầu khởi hành xuống phi trường. Anh đọc mà muỗi sa nước mắt. Phố như một người tình nhàn, vẫy tay gọi anh. Sau một giờ bay, anh sẽ đặt chân xuống phố. Khi ấy, như ngọn đèn đã bắt đầu mọc lên từ những cao ốc. Rồi, những ngọn đèn khác từ những con đường và những công viên cũng bắt đầu mọc theo. Gió bắt đầu lên, và vành trăng non đã bắt đầu soi cả dòng sông. Tám giờ tối, anh sẽ theo một chuyến xe lam từ trung tâm phố lên con

đường Trương Minh Giảng. Anh sẽ ngồi thật cô độc trong lòng xe tối, và sẽ uống đôi mắt long lanh của vài người con gái thành phố. Anh sẽ dè mê hưởng mùi da thịt thơm tho bên cạnh anh. Nếu có hai cô cháu nhỏ, thì càng tuyệt vời. Hai cô bé sẽ rúc rích cười luôn miệng, đôi mắt thì liếc trộm anh, chẳng khác đôi chim sơn ca. Và cặp môi hồng tươi của hai cô bé thì rần rụa nước miếng đầy hương vị ô mai. Anh sẽ cười bằng cả hai mắt : Lớn thế mà còn như trẻ con. Không sợ người ta cười à ? Rồi cơn mộng đã đưa anh về một quán cà phê bên công trường Đại học. Anh sẽ xách chiếc sắc cũ bước vào quán tìm một tên bạn. Đó là nơi hò hẹn mỗi lần anh trở về phố. Và những điều thuốc, cốc cà phê, và cô nàng rần rục có mái tóc thề dài xòa cả một bờ lưng ong, đôi mắt tỏ than quyến rũ ghê hồn. Và nụ cười của bạn. Đôi mắt híp lại của bạn. Chúng ta sẽ ngồi đây cho đến khi quán đóng cửa. Cô nàng rần rục ra về, rồi chúng ta sẽ tiếp tục rong xe trong lòng thành thị. Ta sẽ cười ha hả, coi cảnh sát như pha. Bạn sẽ híp mắt bóp còi inh ỏi chọc mấy bác cảnh sát. Và cho đến khi những giọt sương đã bắt đầu đắm lạnh vai phố, bạn sẽ chờ ta về nhà.

Một căn phòng độc thân trong một ngõ hẻm Sài-gòn. Bạn sẽ mở một băng nhạc Thái Thanh mới nhất. Nhất là "Đôi mắt người Sơn-tây". Lời hát thật rộn người và thật nào nùng. Thái Thanh hát thì tuyệt vời. Bạn đã có lần tâm sự với ta như thế : Trong đời mình, mình phải

cảm ơn Thái Thanh và Hermann Hesse. Thái Thanh đã giúp mình níu kéo được cuộc sống trong khi mình ngỡ đã chết. Trong tiềm thức mình toàn là những ý tưởng tự tử. Tiếng hát của Thái Thanh chỉ dành cho những con người cô đơn. Vâng đạo ấy mình đã bơ vơ như chưa hề bơ vơ. Mình đã bị đẩy từ địa đầu đất nước xuống chóp cùng đất nước, bị lẫn lộn trong guồng máy chẳng khác một con vụn. Mình đã có những ngày đen tối và bi quan. Cái chết thì lớn vồn không người. Nhưng mình đã nhờ Thái Thanh. Thái Thanh đã làm mình hồi sinh con tim khô héo. Mình mới thấy bên cạnh con người hùng cô đơn của Hermann Hesse, một con sói đồng hoang, ghê sợ ánh sáng. Ghê sợ những đôi mắt. Ghê sợ những tiện nghi văn minh và cơ khí, mà mình đã tôn thờ làm thần tượng, còn có Thái Thanh nữa. Thái Thanh là một nụ hoa hồng của nỗi cô đơn... Vâng, ta cũng đồng ý với bạn. Ta sẽ nói thêm, ta còn một tiếng hát tuyệt vời khác nữa. Một tiếng hát của loài chim ngọc. Đến khi ta bơ vơ. Cất lên khi ta thêm giấc ngủ Đó là lời ru khi ta muốn tìm một cõi bình an. Người thanh niên là ta đã chôn vào tận đáy lòng tiếng hát tuyệt vời ấy. Mà mỗi lần buồn, ta ngỡ rằng là một cánh chim mùa xuân bay lại, đậu bên ngoài hành lang, trêm khóm hoa hồng mà cất lên tiếng hát. Chắc bạn sẽ cười chế nhạo ta. Thì ai không cho người yêu mình là tuyệt vời. Vâng, ta sẽ xấu hổ để nói lên những lời thành thật. Rất thành thật. Thế rồi chúng ta bắt đầu thưởng thức âm nhạc. Thái Thanh đang cất giọng cao vút : Đôi mắt

người Sơn-tây. U buồn chiều luân lạc, Buồn viễn xứ khôn khuấy... Buồn viễn xứ khôn khuấy... Chúng ta ngồi bó gối, lưng dựa vào vách. Chúng ta nhắm mắt hay mở mắt. Chúng ta run tay hay run chân. Lời hát rõ ràng đã hấp hồn chúng ta rồi. Và đêm, như thêm người tình mới. Vàng, đêm ở phố Sài Gòn, đêm đang về trên các con đường vắng lặng. Đêm đang đi hiu trên những mái ngói đỏ, hay những building kiểu sa. Đêm dậy hương. Gió cũng bắt đầu tâm mật phố. Đó là giây phút mà những giọt sương đã bắt đầu long lanh trên những chiếc lá, những mái tôn, hay những tấm áo khinh cừu của người luân lạc, như trên tấm áo lưu danh của chúng ta. Và đêm quả là thanh khiết. Nhạc cũng thật là thánh khiết. Thời gian như ngừng lại. Một bóng hồng vừa nở nhụy. Một sự hồi sinh đang về trong lồng ngực của chúng ta. Chúng ta đã thấy thế nào là ý nghĩa cuộc đời : Thiên nhiên. Âm nhạc. Nghệ thuật. Vẻ đẹp. Và sự sáng tạo. Trong cõi lòng bằng giá, đã hiện lên những nụ cỏ xanh. Trong nắm mỏ thanh xuân đã thấy mọc một nụ hoa đại. Chúng ta đã thấy rõ cuộc sống trong cõi điêu linh của người tuổi trẻ. Chúng ta đã thấy những dòng nước mắt, vì bất lực, vì lưu đày, vì những kềm kẹp guồng máy, vì cái bóng dơi quạ đen tối trên đầu tóc chúng ta. Bây giờ là hết. Phố, phố ta gọi, mày có nghe không đấy ? Con đường Duy Tân cây dài bóng mát, mày có nghe không đấy ? Bến xe khuya, những chuyến xe vừa ngủ, có nghe khùng đấy ? Cô nữ tiếp viên,

có nghe không đấy ? Ta đang gọi phố. Phố thân yêu của ta.

— Trạm đóng cửa rồi. Xin ông ra về...

Người gát-dan đã đánh thức cơn mộng của Hạo. Hạo bật dậy, rồi hỏi bằng quơ :

— Thưa ông. Vé đi ngày hôm nay còn bán không ?

— Còn. Đạo này, lính, công chức phải cắm trại liên miên, nên ít ai đi.

— Chiều tôi đến mua được không ?

— Vâng, chiều ông lại.

Hạo biết vừa hỏi một câu vô ích. Vòng đai thép đang sừng sững quanh thị trấn, làm sao anh có thể vượt thoát để về cùng phố. Ngay khi anh là một tên vừa bị lưu đày. Vòng đai thép không hiện rõ đáng, nhưng thực sự nó đã hiện bất bưng ở mọi nơi, mọi chốn. Cũng như bóng một loại sao chổi đang vụt vờ trên bầu trời đất nước. Bóng không có thực, nhưng là cái bóng của ám ảnh, từ ngàn năm. Những trạm kiểm soát mọc lên ngay trục giao thông. Những chiến dịch hàng loạt. Những chiếc xe tuần cảnh lượn vờn như điều hầu chờ chực chụp mồi. Đó chính là vòng đai thép. Hạo lại lùi thủi bước ra, lại chui vào một quán. Anh muốn trở về căn phòng tạm trú, nhưng lại sợ căn phòng mái tôn kín gió. Dưới cơn nóng rực lửa, nó chẳng khác một hỏa lò. Và con mụ diêm già kia nữa. Tự nhiên anh sợ nhìn gương mặt mụ lạ lùng. Sợ như phải nhìn một thị trấn đang bảo động đỏ.

Dù thế nào ta phải về. Hạo tự hứa với lòng như thế. Ta đã sợ khi dẫm chân lên những vũng đất đỏ. Sợ như thấy những hình ảnh buồn chán đang diễn qua trước mặt anh mỗi ngày mỗi bữa. Sợ như thấy nổi cơn vờ rợn người. Phải về. Hãy đánh một nước liều. Một là ăn một cái Tết cùng gia đình và người thân yêu. Đã mấy giao thừa anh chưa được hưởng. Mỗi một giao thừa là một kỷ niệm xót xa trong đời anh. Mỗi một giao thừa bị đánh mất, là anh hứa với lòng mình, hãy dành cho giao thừa sắp đến. Nhưng chẳng có mùa giao thừa nào anh được hưởng trọn. Phải về. Phải nhìn lại giờ phút thiêng liêng nhất của dân tộc. Phải nhìn nỗi bấn tắc tết sôi âm ỉ trong đêm cuối năm trong cái lạnh giao mùa. Nửa đêm trừ tịch, anh sẽ cùng người hôn thê đi hái lộc. Hai người sẽ hôn một chiếc hôn thật là dài nhất như mong ước. Đó là hạnh phúc còn lại sau bao ngày anh lao vào trời binh lửa. Phải về. Thả hương một giây phút của hạnh phúc đề rồi chết đi, ta vẫn cam chịu. Ý tưởng ấy đã làm anh hăm hở bước đến trạm hàng không, trước giờ mở cửa và quên cả cơn sốt vẫn còn hành hạ. Nhưng anh lại bắt gặp một tên quân cảnh đang đứng lù lù trước quầy bán vé. Gã kiểm soát tất cả giấy tờ của hành khách trong ngày. Anh dậm chốt dạ. Anh muốn liều đến bên quầy nhưng chân không dám bước. Trong khi ấy, một chiếc xe tuần cảnh đang đậu hờ ngoài trạm. Một tên lính không may đang bị tải lên xe. Bây giờ anh đã tuyệt vọng. Phở ơi,

ta đang sa nước mắt. Trên tấm bảng, tên phở vẫn quyền rũ hơn bao giờ hết.

Đến tám giờ tối, cơn gió đầu tiên đã bắt đầu thổi về thị trấn. Bầu trời thì chỉ chít sao. Vành trăng gầy in trên khóm lá. Có tiếng lá khô lẩn nhẹ trên đường khi anh bước vào phố. Rồi gió lại bắt đầu nổi thật sự. Tiếng gió hú trên suốt một con đường tối đen. Tận mưa lá khô lại đổ xuống, nghe như tiếng hắt hơi cuối cùng của người chết. Một đám mây đen chạy ngang qua, che giấu vành trăng non. Và tiếng gió lại lướt đi, buồn buồn. Gió đã làm anh dễ chịu đôi chút. Cơn sốt ban ngày đã lắng dịu phần nào. Hương loài hoa không tên nghe thoảng trong gió. Anh vẫn đi, từng bước chậm rãi. Anh chẳng khác một bộ hành trong đêm, đang tưởng nhớ một cái gì đã mất. Nhưng rồi, một chiếc xe tuần cảnh từ đầu đã chạy rờ đến. Hai ngọn đèn pha chói lòa cả mắt anh. Tiếng bánh xe xiết trên đường. Lại một tên quân cảnh nhảy xuống, hắt hàm hỏi:

— Cho xem giấy tờ?

Hạo phân bua:

— Tôi đâu có làm gì lỗi?

— Cho xem giấy tờ.

Hạo móc bóp trình giấy. Tên quân cảnh bật đèn pin soi.

— Ông là lính. Tại sao giờ này ông không vào trại. Ông lại đi lang thang.

— Tôi mới lên trình diện được vài ngày nay. Tôi không biết cắm trại, cắm quân.

Hạo sừng sộ cái. Tên quân cảnh thứ hai đã nhào đến thoi vào cầm anh, rồi khóa tay anh.

— Mày muốn gì. Ba gai bà ? Về nhà giam hết ba gai.

Cú đâm bất ngờ đã làm Hạo đau điếng. Anh cảm thấy máu đang ú trong cửa miệng. Anh la lên :

— Rồi các ông sẽ biết. Ngày mai tôi sẽ kiện các ông. Tôi sẽ làm đơn tố cáo các người. Các người cứ đánh tôi đi.

— Ừ, về đồn rồi hãy kiện.

Nhưng cuối cùng, họ cũng thả anh ra trong đêm hôm ấy. Bởi anh vô tội. Cú điện thoại từ viên đồn trưởng với vị trưởng phòng trình diện đã xác nhận anh là một người chân ướt chân ráo, chưa biết một lệnh lạc nào trong những ngày thị trấn báo động đỏ. Họ không nói gì về trận đòn mà hai tên quân cảnh vừa ban cho Hạo. Họ đã đồng lõa. Hạo muốn úa nước mắt. Lòng anh bùng sôi.

Và trên đường về, anh lại chui vào một quán rượu. Anh muốn quên. Anh muốn vui buồn. Anh hối hả gọi rượu như thể gọi một nhân tình. Bên ngọn đèn dầu, bóng anh soi trên vách thật thắm. Anh nốc cạn ly này sang ly khác. Anh khóc cùng ly rượu. Anh khóc vì số phận anh. Anh đang có mặt trong một thị trấn sốt nạng. Anh đang vùng vẫy trong vòng đai thép. Dưới chân anh là

bãi bùn đỏ mênh mông. Trên đầu anh là một mặt trời nhiệt đới. Anh làm nhăm điễn không. Anh nhìn bà già mái tóc bạc, mà la lên :

— Ngoại, ngoại hãy cho con uống hết đêm nay. Cho con chết trong chỗ ngồi tối này. Ngoại có biết con là một con sói. Một con sói đồng hoang, bị tròng vào cổ bởi dây thòng lọng.

Bà già mở đôi mắt sợ hãi :

— Thôi cậu đi về thôi vừa. Sắp giờ nghiêm rồi.

Anh hét lớn :

— Con không sợ một ai hết. Đây là đêm. Đêm dành riêng cho những kẻ như con. Đêm không phải của chúng nó .. Ngoại thấy không. Anh gục đầu, rưng rưng : Gió đã nổi. Gió kêu gọi êm ái quá. Mà con đang thêm một cơn gió quá chừng .. Thôi con về. Ngoại già. Tóc ngoại đã bạc, bạc hơn cả mẹ con nữa. Ngoại cần phải nghỉ. Thưa ngoại con về.

Rồi anh lao đảo, chân thấp chân cao, trở về căn phòng tạm trú. Anh đã vấp ngã mấy lần trong bóng đêm. Và khi bước qua căn phòng của mẹ điểm già, anh chợt bắt gặp một cặp vú trần, chầy hơi xệ, trong ánh đèn leo lét. Anh không còn suy nghĩ, mở cửa bước vào,

TRẦN HOÀI THU





Trên bãi hoang tàn

Nắng chiều nữa, hắt hiu vàng vọt
Đỏ trên vầng ngôi gạch tan hoang
Chiến tranh bình địa suốt làng
Nhà nhà đổ nát tro than phơi bày
Cánh tỉnh mịch ớn gai xương sống
Bãi hoang tàn gió lộng thuận thuận
Không nghe tiếng chó tru buồn
Không nghe cả tiếng côn trùng ní non.
Giữa nền trống vắng còn ngồi đó
Về tiêu điều nhìn ngó ngu ngơ
Nàng về nhặt xác trẻ thơ
Hoàng hôn nắng tắt vật vờ bóng ma
Con nàng chết phân ra nhiều mảnh
Nàng bới tìm nhặt nhanh chấp vơ
Loay hoay chấp nối hàng giờ
Mắt trừng ráo hoảnh, lệ khô mắt rời.
Miệng lầm nhảm những lời xa vắng
Nắng đầu lên cay đắng chuyện trò
Nàng quên trăng đã lên to
Màu trắng ướt lạnh mơ hồ chiêm bao.
Đêm dưng bước lâu mau chẳng biết
Sương xuống đầy rét mướt không hay
Sáng ra tia sáng đầu ngày
Hé mắt phát hiện nàng quay năm dờ
Chiếc đầu nhỏ ôm hờ trước ngực
Nét mặt nàng cùng cực đau thương
Trong cơn mê thiếp bàng hoàng
Vẫn còn lầm nhảm những tràng nói điên.

TÚ KẾ

NHÀ CÀ

Thương nhớ Chiến Tranh



truyện dài — tiếp theo

Mâm cơm dọn từ chiều, đề đến đêm vẫn chưa ai đụng đũa. Bà Tham như điên loạn, suốt cả buổi chiều bà gục xuống mảnh chiếu trải trước bàn thờ mà khóc. Chưa bao giờ bà thấy quạnh hiu, đau khổ tới như thế. Tuổi già của bà không còn ý nghĩa gì ngoài bàn thờ, bát nhang, tượng Phật. Bây giờ bàn thờ, đã bị búng gốc mang đi. Phật ở trên cao, Phật cười nhân đạo, nhưng bà, bà làm con người ở cõi đời, lòng bà vẫn đầy sân si, bà làm sao có thể cười khoan dung như thế được.

Buổi chiều người ta khiêng thangka Thêm về vất vào nhà. Nó bị báng súng đập vào đầu, những cú loi, cú đâm, những lưỡi lê sượt bên hông, nó cũng đau đớn, nhưng nó mê đi được rồi. Dĩ Cúc thương con cũng nổi điên, khóc chán, di oán trời trách đất, di đầu có can đảm nói đụng tới bà Tham, và di đem Tào ra đề nhiech móc cho thấm hía với sự đau lòng.

Lúc thangka Thêm được khiêng vô nhà, ông khoa trưởng vẫn túc trực bên

Nga Mi. Giờ này còn đấu tranh, còn diễn thuyết, còn bên thầy gì nữa. Cách mạng là của mấy thầy, còn ông, ông làm chính trị cơ mà, mà chính trị, ông cũng cần một cô vợ trẻ đẹp như Nga Mi lắm. Giai đoạn một đã qua, và đến giai đoạn hai, còn giai đoạn ba nữa, cái ghế tổng trưởng, bộ trưởng, hay nghị sĩ, dân biểu gì đó, ông đã ngâm nghĩa từ lâu. Vầng trán cao, trí thức của ông hôm nay rộng và phẳng lạng một cách dị thường. Chuyện thangka nhỏ được khiêng về để đó đối với ông cũng giản dị lắm. Ông có quen biết chân gì bác sĩ, sẵn xe, ông đưa thangka nhỏ đi, và điều ông như mở cờ trong lòng là người đẹp Nga Mi sẵn sàng lên xe đi cùng với ông nữa.

Bây giờ, mọi chuyện gửi gắm thangka nhỏ đã xong, ông lại trở về ngôi nhà này ngồi túc trực. Ông cũng phải cho cái mặt buồn buồn một tí, buồn buồn kiểu trầm tư của người trí thức, đang ra về đau xót, lo cho vận mệnh của tổ quốc, đau cho pháp nạn của triệu người đang chịu.

— Nga Mi nên khuyên bà cụ. Cụ khóc lóc mãi có được gì. Hồng rồi, ta tính lại.

Nga Mi nhún vai rất điệu giọng bốt nhào :

— Bà cụ khi mô cũng rứa. Cứ chuyện giữa đảng đem quàng vào cổ. Đã anh Tạo rồi còn bà cụ nữa, chừ mà khuyên thì chỉ chọc thêm bà cụ thôi.

Ông khoa trường mím cười hờ hững, quen thói, ông đưa tay xoa cằm, chiếc cằm cạo nhẵn thín, muốn bóng loáng như cái trán. Ở con người ông, cái gì cũng bóng bẩy, từ mặt mày, quần áo, đôi giày, bóng bẩy từ đầu tới chân, bóng bẩy từ làn da căng mịn, trắng bóc, tới ngón tay thon dài gọn những đường gân nổi rõ trên sống tay.

Nguyễn từ nhà trên đem mâm cơm của ông Tham ăn dở xuống, cô ló mặt vào gọi Nga Mi :

— Có Hương tìm Nga Mi ở ngoài.

— Chị ra hỏi có chuyện chi không ?

Tuy nói vậy, cô cũng đưa mắt nhìn ông giáo sư Tường rồi đứng dậy ra ngoài. Hương đứng ở hàng rào, vẻ mặt nôn nóng. Trông thấy Nga Mi, Hương bước tới hỏi dồn :

— Anh Tạo đâu ? Có ai trong nhà không ? Anh Công...

Nga Mi vẫn thững thính, ngoài chuyện của cô, cô chẳng bao giờ sốt ruột vì chuyện của ai hết :

— Tạo hả ? Hỏi anh nó mần chi ?

— Cho Hương gặp anh Tạo chút xíu.

— Anh ấy đi mất mặt, có về nhà khi mô mô nà.

Hương khựng lại :

— Úa. Rứa anh Công có đây không ?

— Cũng không. Họ đi mô rứa ?

Nga Mi hỏi một câu đề không đợi sự trả lời. Hương buồn bã, giọng cô nhỏ lại :

— Thôi mình về nghe Nga Mi.

— Hương về.

Nga Mi quay trở vô. Cô nghe có tiếng xe Jeep quẹo vô cổng. Nghe tiếng xe cô cũng đoán biết là ai tới nhà rồi. Nhưng cô không quay lại. Ông khoa trường vẫn kiên nhẫn ngồi chờ cô mà. Nga Mi ngồi xuống, vén mái tóc qua một bên vai, mím cười.

— Hương qua hỏi anh Tạo, anh Công. Không biết họ đi mô nữa.

Ông giáo sư Tường nhìn những sợi gân trên bàn tay của ông bằng đôi mắt triu mến, nói :

— Chắc trốn hết rồi. Chừ ló ra là bị bắt ngay.

Nga Mi cười hóm hỉnh :

— Còn ông khoa trường thì răng ?

Nụ cười diễm trên môi ông một cách kiêu hãnh :

— Tôi à ? Tôi khác. Sao Nga Mi lại đem tôi so sánh với họ ?

— Thì ông khoa trường cũng tranh đấu, cũng kề cận với thầy mà.

— À, có nhiều thứ tranh đấu. Nga Mi đừng có thắc mắc những chuyện đó.

Với Huệ, tôi vẫn là người phục vụ cho giáo dục, cho đại học, cho giới trẻ. Nga Mi hiểu chưa ?

Cái giọng như giảng bài. Nga Mi hiểu chưa ? Cô phải hiểu, và hiểu nhiều điều khác nữa chứ. Nhưng Nga Mi không trả lời, cô ngược mắt lên nhìn ông anh lăm lăm đi vào nhà. Bước chân của Hòa nặng nề như muốn dẫm nát hết cái gì dưới chân anh, anh nhìn thấy ông khoa trưởng, nhìn thấy Nga Mi. Con giận của anh càng bốc lửa. Anh không muốn nhìn họ nhưng anh đã thấy. Nga Mi đã sẵn sàng nụ cười :

— Anh về.

— Hừ. Mạ mờ rồi ?

Nga Mi chỉ lên căn nhà thờ của bà Tham :

— Trên đó.

Anh lại dậm mạnh gót giày. A, cái thằng khoa trưởng vừa chọc phá thêm con giận của anh, bằng cái trán bóng của hắn, bằng cái vẻ lơ đãng, nhạt nhẽo, tái ngắt của hắn. Hắn ngồi làm gì ở đó chứ. Nhà này biến thành trụ sở tranh đấu từ bao giờ rồi ? Còn con Nga Mi, cái con ngựa hí có cái vẻ bề ngoài nhu mì đang đóng kịch gì vậy ? Ở đằng sau lưng anh là một vết dao, ở trước mặt anh là một mũi kiếm. Bà Tham ngồi trên chiếc chiếu, trước bàn Phật như kẻ mất hồn. Bà đang khóc vì Phật, vì Thầy, vì bố nhang, vì ngọn đèn. Bà chẳng thèm ngoảnh mắt một cái, mà chắc hẳn bà biết anh từ lúc anh to tiếng hỏi Nga Mi. Hòa cố nuốt nước bọt, giọng ế độ :

— Mạ.

— À, anh. Anh về làm chi đó.

Hòa vẫn đứng. Anh thấy quá khó khăn để mở đầu, nhưng rồi anh cũng nói được :

— Mạ, con có chuyện muốn thưa với mạ.

— Hừ.

— Mời mạ lại ngồi, con thưa.

— Tui không còn chỗ mở đề ngồi hết. Anh đã dẹp hết chỗ ngồi của tui rồi. Anh còn muốn chi nữa.

— Mạ, con muốn xin mạ dẹp cái bàn thờ trước sân, gần cổng đó.

Bà Tham đứng dậy, mắt bà đỏ lên, móng tay móng chân bà như vừa dài ra thêm mấy phân nữa để giúp bà cấu xé, tự vệ.

— Cái chi ? Anh nói lại tui nghe coi nà.

— Mạ làm chứng lăm. Mạ dẹp giùm cái bàn thờ bày nơi sân gần cổng đó.

— Tui có đem ra đường mở. Trong nhà tui, tui có quyền. Nhà tui mà.

Hòa hậm hực. Anh đã hết nhịn rồi :

— Mạ làm rứa, thuộc cấp của con nó đi qua đi lại nó không biết mần răng. Rồi nó cười con. Mạ cho con yên ổn làm ăn để con nuôi vợ nuôi con với chơ,

Bà Tham chợt nhớ ra điều gì, bà cười gằn :

— Anh vì cái lon của anh chớ vì vợ con chi. Con vợ anh nó đau bụng từ

trên tôi giờ chưa đề được mà anh cứ ham đi đẹp bàn thờ. Anh không đề phúc cho con anh với.

— Mẹ rửa tui phải không ? Mẹ đừng có ác độc.

— Cả nước rửa anh, cả xứ Huế rửa anh chứ riêng chi tui. Anh đi đẹp bàn thờ, anh dùng oai dùng quyền, anh về đây bức hiếp gia đình. Tui không đẹp, anh có giỏi anh làm đi.

— Mẹ không đẹp tui cho linh đẹp. Tui đã đem sẵn ngoài xe. Tui nói vậy đề sau này mẹ đừng trách là tui không thưa trước với mẹ.

Bà Tham bỗng nhảy tới chặn trước mặt Hòa, tay chân, móng vuốt bà giương ra :

— Không. Tui nhất định cản. Chết thì thôi. Anh đẹp bàn thờ ni đi nì. Anh đập lên đầu tui mà đẹp nì. Đó, bàn thờ đó, Phật đó, thánh đó, tổ tiên anh đó, ông bà nội ngoại đó. Mẹ ruột anh đó, anh hốt lên xe đi. Anh hốt giùm đi, anh Hòa. Bàn thờ mẹ anh đó, anh hốt đi, hốt đi, hốt đi...

Hòa nghiêng rặng, tay anh nắm chặt ại, nhưng anh đâu có thể dấn vào cái gì, anh lại thả ra. Mẹ ruột anh đó. Bà Tham đã dùng hết lời lẽ đề chống cự lại với anh, đã đem người chết ra hành tội anh. Anh bước tới một bước rồi lùi lại một bước. Đề làm chi đâu ? Bước tới đề đập nát hết hay lùi lại đề trốn chạy ? Không, anh vẫn đứng ở đó, răng nghiến chặt, mắt cắn hờn. Anh nói không ra tiếng nữa :

— Mẹ... khổn nạn lắm. Mẹ đừng người chết ra mà chửi. Ai cho phép mẹ như rứa. Hừ, ai cho phép mẹ ?

Anh hét lên, như con bò rống :

— Ai cho phép mẹ ? Hừ. Ai.

Anh lại bước tới, rồi bước lui. Anh dứ tay dấn vào không khí, rồi thả tay ra. Anh muốn nhào, muốn lộn, muốn dấn đá. Có đá nào đây không ? Thăng Tào, thăng Thêm. Phải đá cho nó một cái lộn nhào. Đánh nhau cho đã nư chớ ? Thăng Tào đâu ? Thăng Thêm đâu ? Ai, có ai...

— Hòa.

Giọng ông Tham như thanh sắt rơi trúng đầu Hòa. Ông đã hiện ra ở sau lưng anh. Ông đã dùng hết chút nghị lực còn sót lại trong tuổi già để kêu con một tiếng, nhưng sau đó, ông chẳng có gì hết. Mắt ông mở lớn nhìn vợ, nhìn con. Bà Tham mắt trắng dã, bà vịn vào bàn thờ đứng cho vững, khuôn mặt bà như đã bị xóa đi hết, không còn sự tinh nhanh, không còn vẻ nào mềm mại của người đàn bà đứng tuổi có một thời thanh sắc, mà bị méo mó, bần bật vì sự căm hờn, đau khổ, giận dữ. Còn Hòa, anh nghe tiếng kêu của cha, tiếng kêu lúc đầu có làm anh bàng hoàng, nhưng sự bàng hoàng như cơn gió thoảng, tan biến rất nhanh. Anh lại nổi giận. Tại cha anh nhu nhược quá, cái thời của ông đã qua, đã hết thực rồi. Bây giờ ông sợ cả con kiến, con sâu, nói chi tới người đàn bà đang nắm vận mệnh, tài sản của ông kia. Thay vì tiếng dạ, anh cười gằn quay lưng lại :

— Con... hừ, ba cũng chẳng còn chi nữa. Chẳng còn chi trong nhà ni nữa. Ba đừng có trách con.

Anh hăm hăm, bỏ đi ra. Qua chỗ Nga Mi với ông khoa trưởng ngồi, hai cái mặt ự sự hai đồng, anh muốn đá cho tên giáo sư một cái, nhưng anh bước qua được. Đề đó, đợi lần khác đi. Anh ra sân, ra lệnh cho hai người lính cảnh sát ngồi đợi trong xe.

— Hốt!

Anh chỉ cái bàn thờ nhỏ. Chỉ có cái bàn con, bức ảnh Phật, bát hương. Họ đem chất lên xe cảnh sát gọn gàng. Anh lại hét :

— Nguyễn!

Nguyễn đang đứng trên trời nhìn anh. Hòa dí tay vào trán Nguyễn :

— Mày bảo thằng Tào coi chừng tao. Tao sẽ ăn tươi nuốt sống nó, nghe chưa.

Vẫn chưa đã. Anh hét thêm một tiếng nữa.

— Đi!

Chiếc xe rồ chạy. Bà tham theo ra nhưng không kịp gì hết. Bà chỉ theo xe, nghiêng rắng :

— Mi... mi...

Không bầu được vào ai, bà bầu vào ông Tham vừa đi tới.

— Con ông nó giết tui. Con ông, con ông...

Bà rên rĩ, muốn vật vã. Nhưng ông Tham cũng đã yếu quá, với sự nương tựa của bà, ông không đủ sức

đỡ hững chịu, ông lão đảo như sắp té, đưa tay ra nửa như đỡ bà mà nửa như xô bà ra.

Ở nhà sau, ông khoa trưởng cũng đứng dậy. Đã tới lúc ông biết ông nên đứng dậy.

— Tôi phải về. Giờ này còn gặp anh em chút nữa. Về nghe Nga Mi.

Nga Mi gục xuống bàn khi ông khoa trưởng ra sân. Sự xáo trộn trong nhà làm cho cô buồn thì ít mà ngượng với ông khoa trưởng thì nhiều. Cô gục xuống bàn nhưng mắt cô rảo hoành, cô biết cô chỉ có một điều quan trọng phải làm là cố làm sao lo lấy đời riêng của cô.

Ông khoa trưởng đi ra tới sân rồi. Bà Tham trông thấy, bà gượng đứng dậy, phân bua :

— Ông giáo sư coi, già như tui cũng bị đàn áp.

Và bà hốt hải :

— Rồi mần rắng đây ông giáo sư.

Ông giáo sư, ông khoa trưởng Tường cúi đầu rất thấp, ưu tư đã nặng trên vầng trán của ông, ông nói như thờ ra :

— Dạ thưa bác chưa biết ra rắng. Dạ chừ con lên chùa gặp thầy.

Ông lại rảo bước. Xe ông đề tặn ngoài cổng. Bây giờ, ông Tham mới chợt nhớ ra thằng Thêm, ông hỏi :

— Thằng Thêm ra rắng, bà.

— Nó chết chớ ra rắng nữa.

Bà day nghiêng. Ông thờ ra. Hai tay chấp sau lưng, ông lăm lăm đi vô

nhà. Bà cũng đi theo. Ở một góc vườn tràn bóng tối, Nguyễn vút òm mặt khóc. Cô cũng muốn vô nhà lắm, nhưng cái chân của cô như không nhấc lên nổi nữa. Bao giờ cũng thế, khi buồn bã, đau khổ, tủi hờn, cái chân của cô, sự tàn tật, bất lực càng hiện ra rõ.

Đêm nay, giun dế cũng không muốn kêu nữa. Cô nhớ tiếng hát của Công, nhớ đứt gan ruột.

20

Tất cả những bàn thờ bày ra đường trong thành phố Huế đã bị dọn sạch sẽ. Không còn gì hết, thành phố đã trở lại bộ mặt u trầm thường ngày nhưng có cái gì gợn gợn ở bên trong. Mỗi ánh mắt đều bắn bật, mỗi tiếng nói đều có chút căm nín, và lời chào hỏi nhau như mắc nghẹn. Con cá nằm trên thớt đã hết vùng vẫy, nhưng máu me, vì vậy, những mảnh chặt vụn vẫn còn kinh hoàng trong lòng mọi người. Huế đã đuổi hết tay chân, nằm thẳng cẳng, thoi thóp, khô lặn.

Đôi dép mòn của Công suốt ngày lê la khắp đường phố. Anh đi tìm gặp từng khuôn mặt bạn bè, không ai cho anh gặp nữa. Tới Vinh, chỉ có bà mẹ già ngồi khóc; Tới Tạo, gặp bà Tham với Nguyễn, mỗi người một vẻ căm nín riêng; Tới Kỳ, gặp ông già Kỳ mập mạp, ra vô nóng nảy, nếu lấy áo anh: Anh tìm nó về giùm. Nó đã bị bắt chưa? Anh nói thật đi. Nó có bị bắt không?

Về nhà, Hương khóc, Thúy khóc. Tin Tạo, tin Vinh, ngày càng mịt mờ. Người ta kháo nhau, người này đã bị bắt

đưa đi, pè khác đang bị truy nã. Đêm qua, bố ráp một vùng ngoại ô, mười mấy mạng tranh đấu bị bịt mắt đưa lên xe bị bùng chõ đi. Ngày trước, mấy ông sĩ quan trong quân đội bị đưa ra tòa vì tội phản loạn. Ở Đà-nẵng, tin đưa ra tới tấp, đánh nhau, người chết, chùa tan. Trục bỏ trốn chưa ai biết tông tích. Công gặp một số sinh viên, họ cũng ngờ ngác như anh. Hỏi nhau vài câu rồi tránh mặt nhau ngay, không còn ai vui vẻ mà chuyện trò, họ lo lắng cho số phận bạn bè và lo lắng cho chính họ nữa. Không khí đầy sự hồ nghi, và trong thời gian đó, Công sống sờ khi nghe giáo sư Thiệp lên đài phát thanh đọc một bản lên tiếng rằng ông đã nhiều lần khuyên các Thượng tọa và lưu ý tới anh em tranh đấu, trong giai đoạn này, còn nhiều việc đề làm, như chống cộng là điều cần thiết. Bản điều trần được đọc đi đọc lại, và sau lời của giáo-sư là một lô danh sách những người tranh đấu bị truy lùng, gọi ra trình diện để nhận sự khoan hồng.

Công đã như từ trên trời rơi xuống, tưởng như ngủ mê, như giọng của ai đó bày trò trên đài phát thanh để giúp chính quyền thêm lễ phải. Nhưng làm sao anh có thể làm được, giọng ông giáo sư đó, giọng nói mà anh đã từng nghe như in trong đầu, từ các buổi hội thảo, tranh luận, tới nhậu nhẹt. Anh không muốn tin. Nhưng không muốn cũng không được. Vương, một người quen làm ở đài phát thanh, gặp Công đã lắc đầu:

— Cậu nghe ông giáo sư Thiệp tuyên bố trên đài chưa?

— Mà có phải chính ông không ?

Vương cười mỉa mai :

— Thì không ông còn chó nào nữa. Chính tôi là người điều khiển trâu cuồn bằng đó. Chính tôi mở cửa đưa ông vô phòng vi êm.

Vương vỗ vai Công, nói một câu rất tầm thường, nhưng trong hoàn cảnh thì thật thấm thía :

— Đòi mà cậu.

Công nghĩ tới ông giáo sư Tường. Hôm tới tìm Tạo, gặp Nga Mi, Nga Mi đã khoe rồi rít :

— Anh Công, anh có gặp anh Tạo vài cứ nói anh trở về nhà, không sợ gì hết. Ông khoa trưởng có nhiều thế lực.

— Thế lực gì ?

Nga Mi chưng hửng :

— Em không biết. Nhưng hình như vậy. Ông nói ông đang cố gắng đề tập hợp anh em, ông cùng giáo sư Thiệp...

Bây giờ, đôi song ca đó chỉ cần một kẻ đơn ca trên đài, còn một kẻ phải làm khác đi, phải chống lại, phải tạo vẻ khinh bỉ kẻ phản phúc. Chắc chắn thế. Công cười đau đớn. Bạn bè anh đang trốn chui trốn nhủi, đang bị bắt bớ, đày đoạ, bị dồn tận đường cùng, nhưng mấy ông thế lực, tầm tiếng mấy ông to hơn lên, oai hơn lên, vi đại hơn nữa. Tạo ơi, mày thấy chưa ? Một triệu người, một triệu trái tim của mày. Trái tim của mày cũng chỉ có chừng đó máu, mày là đồ khùng. Mày sáng mắt ra chưa hở Tạo.

Đến ngày thứ tư thì Công biết tin Tạo. Tạo cho người cầm giấy về báo

cho Công biết anh đang trốn một nơi kín đáo. Báo tin đề Công yên tâm thôi chứ anh dặn dò Công đứng lên tìm anh làm gì. Anh cũng dặn dò đi về cho gia đình anh biết. Nhưng Công nhớ tới Nguyễn, mỗi lần Công tới thăm, Công đều thấy mắt Nguyễn sưng húp. Cô bé chắc khóc nhiều ban đêm, và Công cảm động biết bao nhiêu khi thấy mỗi lần Công tới, mắt cô gái tàn tật sáng lên. Công thương Nguyễn như thương em gái mình. Cô bé có tâm hồn, hiền hậu, nhưng không được đời ban cho gì hết. Cái chân tàn tật đã làm tê liệt luôn cuộc đời con gái của Nguyễn. Công nghĩ chàng có bốn phận phải cho Nguyễn biết niềm vui đó.

Buổi sáng Công hẹn gặp Giao Ánh. Hai người đưa nhau lên đồi thông Từ Hiếu. Buổi sáng có vui đôi chút, nhưng rồi chính Giao Ánh làm anh buồn :

— Em có cảm tưởng như hồn anh đề đầu. Anh Công, dạo này anh răng rứa, em không hiểu chi hết.

Công không thể giấu được người yêu :

— Anh đang lo cho bạn bè. Bạn bè anh, đã gần tuần lễ nay anh không còn gặp ai hết.

Giao Ánh sụ mặt. Mắt đỏ, môi đỏ, đá cũng phải mềm lòng :

— Anh thì chỉ có bạn bè. Là người yêu của anh chỉ thiệt thôi.

Không khí không vui. Đồi thông cũng không còn nhắc nhở gì mấy kỷ niệm. Nắng lên rất sớm và Công muốn hoa mắt. Giao Ánh nặng nề. Vẻ tươi trẻ,

ham sống thường ngày của Công đâu rồi ? Công trầm mặc quá, buồn tẻ quá, và Giao Ánh nghĩ là chàng lạnh lùng. Nàng hờn dỗi, tình yêu nào cũng đầy hờn dỗi vu vơ. Đôi lúc hờn dỗi dễ mà hờn dỗi chớ chẳng có chuyện gì, và đôi lúc vì thế mà quá đà, có nước mắt chảy, Công đưa Giao Ánh về nhà nàng. Giao Ánh mỉm môi :

— Lần sau không đi chơi nữa.

Công vụng về. Anh không biết đồ dành ra sao. Anh chỉ có nụ cười, nhưng nụ cười của anh bây giờ méo mó, thậm hại chỉ làm cho người con gái tra những nhẽo càng buồn bực thêm.

Giao Ánh bỏ đi vào nhà. Anh nhìn theo tà áo trắng nâng cả một vạt nắng, mái tóc còn êm đềm hơn dòng suối hiền, và cái dáng gầy, nhỏ nhắn còn mỏng mị hơn liễu trai. Vậy mà anh chỉ cúi đầu thở dài, vạt áo nắng của người yêu khuất bên trong hàng rào làm cho cả trời nắng còn lại muốn tối sầm.

Một lát, Công mới nhìn tỏ cỏ cây, đường xá. Anh quay lui, chiếc xe đạp như lướt chạy ngon, kêu lộc sọc một cách cáu kỉnh. Anh đưa tay che nắng, đạp ngu ngu hết con đường. Có nên về nhà không ? Về nhà báo tin vui cho Thúy. Nhưng Thúy vui thì Hương buồn. Vinh vẫn biệt tăm, dù anh đã hết sức dò hỏi.

Buổi trưa Công đạp xe vô thành nội ngồi một mình. Anh muốn sáng tác một bài hát. Nhưng Huế làm gì còn bài hát nữa. Ai còn mở miệng cất nỗi tiếng ca ? Làm cái gì cho nó hồi sinh lại ? Không bao giờ nữa đâu, tay chân mặt mũi Huế

đã bất tỉnh. Còn phải cứu chữa tận tình, còn thuốc hồi sinh. Nhưng rồi gần cốt Huế cũng đã dần, đã yếu. Anh nằm dài trên bãi cỏ dưới một bóng cây. Trong cảnh buồn này, anh vẫn còn nghe tiếng chim hót. Ban đầu, anh còn tần mẩn ngắt những lá cỏ non vò nát trong tay hay say mê ngắm đề không làm gì hết. Nhưng rồi anh không chống chọi lại được cơn buồn ngủ. Hai tay đặt dưới đầu làm gối, mặt đắp chiếc khăn tay, anh đánh một giấc ngon lành.

Xế chiều, không ai đánh thức, Công tỉnh dậy. Anh ngơ ngác nhìn quanh và rồi anh mỉm cười. Chiếc xe đạp vẫn còn dựng bên cạnh, anh leo lên xe đạp nữa. Phố xá đã đông lại, nhưng chẳng vui, có cái gì gượng gạo trên mọi khuôn mặt, trên cả những tủ kính bán hàng. Anh ghé vào một quán cà phê. Ngồi một mình, uống tách cà phê đậm cho tỉnh ngủ. Một bàn tay vỗ vai anh :

— Công.

Công giật mình quay lại.

— A, Bằng. Ở đâu chui ra vậy ?

Anh chợt nhớ ra hoàn cảnh của bạn bè. Giọng anh nhỏ lại :

— Ngồi xuống đi. Cà phê nghe.

Bằng ưỡn oai gật đầu. Công nhìn quanh quán, hỏi nhỏ :

— Họ đâu cả rồi ?

Bằng thở ra, cúi xuống vẽ ngón tay trên mặt bàn :

— Nguy lắm. Kỳ bị tóm rồi.

— Còn Tạo. Vinh ?

— Không biết. Nhưng chắc chưa.

Bằng cầm ly cà phê của Công uống trước. Mắt anh đỏ kè chứng tỏ nhiều đêm mất ngủ. Ông hỏi :

— Còn cậu ?

— Tôi à ? Tôi thì không ai để ý, còn có thể chường mặt ra được.

— Cũng nên đề phòng.

— Có số mạng hết.

Và Bằng nói lớn, như đề hạ những ngày phải rì rào to nhỏ :

— Ê, Công, tối nay mày đi với tao. Tao có chai rượu. Mày hẹn đi, tao đón.

Công nhìn bạn mỉm cười. Nụ cười vừa sáng được chút vui đã bầm dập vì nỗi buồn :

— Xong rồi. Mày sẽ đợi ở đây. Mấy giờ ?

— Sáu giờ hoặc trễ hơn.

Bằng hạ giọng :

— Tao phải đi có chút việc. Lên chùa. Chắc tao sẽ lộn ruột vì gặp bọn chó đẻ đó.

— Bọn nào ?

— Các vị trí thức.

Bằng chữ đồng tên một vài người. Công siết tay bạn. Thôi đi, Bằng. Bằng uống nốt cà phê rồi bỏ đi. Công ngồi lại một mình, anh buồn tới muốn khóc.

Người chủ quán, một người đàn ông xồn xồn đến thay cho Công ly cà phê mới. Có tiếng trẻ con reo ở đâu

đấy. Anh ngược mắt nhìn người chủ quán, ông ta cũng đang hướng mắt nhìn ra phía đường.

— Rồi. Lại tới. Sắp có xếch-xi sô đó nghe !

Nụ cười của lão chủ quán cho Công biết là một người đàn bà đang đi tới. Bà ta dừng lại trước quán, mở lớn đôi mắt thất thần nhìn quanh, rồi lững thững đi vào.

Nhiều tiếng xì xỏ, nhiều tiếng cười, rộ lên. Người đàn bà đi qua bàn Công, ngập ngừng nhìn Công một thoáng với nụ cười vụng dại, thất lạc. Công cũng cười lại, nụ cười của anh chắc chẳng khác gì hơn. Anh đã quen hình ảnh này quá. Cả xứ Huế cũng quá quen với hình ảnh này.

Người đàn bà hay con gái đó là một công chúa của triều đại cũ. Không ai đếm được số tuổi của bà và cũng không ai thắc mắc bà điên từ bao giờ. Đã lâu lắm rồi, người đàn bà đó như cái cầu phải có bắc ngang con sông, như thành phố phải có cái chợ, phải có con đường, phải có hàng cây che bóng mát. Không lúc nào trên tay bà vắng gói quần áo cũ. Công không bao giờ thắc mắc tự hỏi bà ta sống bằng cách gì, bởi vì mỗi chiều ngồi uống cà phê ở đây, Công đều gặp bà ta, không thấy bà ta ăn uống gì, chỉ có mỗi việc là thay quần áo. Nàng công chúa ở trong thành phố Huế thay quần áo luôn luôn, bất cứ ở đâu, đứng cạnh bờ sông, dưới một gốc cây, hay tới một góc quán. Thay quần áo đối với nàng như một chuyện cần thiết bất nàng phải làm có lẽ vì nàng không

biết phải làm, việc gì khác với gói quần áo cũ trên tay.

Nàng đứng giữa quán cà phê, ngó hết người này tới người khác, cười dễ thương như một con nai gầy yếu, già nua mà đôi mắt vẫn còn long lanh khờ dại. Nàng như muốn thân thiện với hết mọi người mà cũng như muốn xa lánh hết mọi người. Ai biết cái gì thật cái gì giả bên trong một nụ cười ấy. Một người lính ngồi ở một góc bàn cười lớn, đưa tay vẫy :

— Tới đây.

Nàng bước tới rồi lại bước lui. Bước tới để làm gì và bước lui để làm gì, nàng đâu có biết. Vì thế nàng lại đứng đó, ngơ ngác nhìn. Một giọng nói :

— Uống cà phê không ?

Nàng nghe được câu đó, đưa tay ra. Nhưng rồi nàng lắc đầu. Nàng ngó xuống bọc quần áo, rồi lặng lẽ bước ra góc quán. Ông chủ quán tức thì lên tiếng :

— Ê, ra đằng sau nó chứ. Mày chỉ rứa hi ?

Mấy tiếng vỗ tay, tiếng cốc dẫn mạnh xuống bàn. Một cái miệng nhanh nhẩu một lúc :

(Còn tiếp)

— Ê ở đó đi. Ở đó đi.

— Ê.

— Quay lại đây. Góm đưa cả cái lưng thành nội ra, cũ rích.

Nàng quay lại, không nhìn ai hết. Nàng mở tung bọc quần áo, bắt đầu lặng lẽ tự cởi áo. Mấy tiếng chửi thề tục tĩu của mấy người lính. Một giọng cười hô hố khà ồ làm Công nóng cả mặt. Nàng công chúa điên loạn đã hoàn toàn thoát ý, nàng chưa mặc quần áo vội mà đưa chiếc áo cũ lên như để ngắm nghía. Đó là một chiếc áo gấm tay rộng đã bạc màu. Nàng ướm vào người và mắt nàng xa vời ở đâu đâu. Áo đã bạc, mắt nàng cũng bạc, ở nơi nàng, cái gì cũng cũ rích, buồn hiu như di vãng.

Giọng lão chủ quán khàn khàn :

— Ê, nhanh rồi ra thôi chứ.

Công quay mặt đi, thương cảm và xấu hổ giùm cho tấm thân tàn tạ của nàng. Ly cà phê đen thui trước mặt, đặc như bóng đêm. Huế đó. Tất cả đã mệt đừ, trần trụi, ngơ ngác như nàng công chúa điên loạn với nụ cười thất thần bên hè phố.

NHÃ - CA



VÀI LỜI THƯỜNG XÁC VỚI NGƯỜI SUY TƯ BÌNH-NGUYỄN LỘC

của Nguyễn MẠNH-CÔNG

Trong một bài ngắn, cũng đăng trong Chính Văn (số 1 bm — 10-1-1972) nhân dịp giới thiệu cuốn « Nguồn gốc Mã lai của dân tộc Việt » của Bình-Nguyễn Lộc, tôi đã vui mà viết rõ ràng tác phẩm là một cuốn sách viết « chơi » — chơi khoa học — của một nhà văn chuyên nghiệp. Cuốn sách vượt ra ngoài khuôn khổ thông thường của loại sách nghiên cứu, nhất là nghiên cứu về nguồn gốc của một dân tộc. Bình-Nguyễn Lộc cho ta thấy anh vẫn là cây bút duyên dáng, đôi khi nghịch ngợm như còn thiếu niên, mà vẫn thông minh, sắc bén. Cuốn sách chứa đựng nhiều khám phá giá trị, nhưng tất cả các giá trị đều « lộn xà ngẫu », có nghĩa là được tác giả trình bày tùy theo ngẫu hứng — nhiều vấn đề chen lẫn nhau và xuất hiện hoặc biến đi một cách đột ngột. Nhiều yếu tố được giới thiệu là sự thật, là khám phá độc đáo của tác giả, mà rồi không thấy chứng minh, hoặc có khi không được cả giải thích cho rõ.

Bình-Nguyễn Lộc là người rất sung sướng : tin điều gì thì nói ra điều đó, ai không tin cũng mặc kệ, ai chống đối hay giễu cợt lại càng mặc kệ. Con người tài tử sống, nghĩ và viết được như thế là nhất. Nhất thiên hạ, vì nghe nói sách

bán được lắm, tác giả không lỗ mà còn có đôi chút lời, tôi dám chắc khắp thiên hạ không tác giả nào làm nổi việc đó.

Nhưng có lẽ cuộc vui của anh đã hơi quá đà rồi. Tác phẩm « Lột trần Việt ngữ » của anh được trình bày theo nền nếp cũ, là một tác phẩm trọn vẹn về khoa học ngôn ngữ. Rất nhiều nhận định được đưa ra, không như giả thiết mà như xác tín, và lẫn lộn vào nhau, ở đây một chút, ở kia một chút. Nhiều quan điểm của tác giả ngoại quốc được nói đến, có tác dụng chứng nghiệm điều này thì lại có tác dụng phủ nhận điều khác.

Không ai làm thế nào thấu tóm được tác phẩm mới này của Bình-Nguyễn Lộc. Nếu làm phiếu đề ghi từng ý riêng thì 400 trang sách, gồm 12 ngàn dòng chữ, có thể phải dùng đến 24 ngàn tờ phiếu. Ví như câu sau đây, dài hơn 1 dòng (trang 270) đã đòi hỏi không biết bao nhiêu kiến thức chứng minh : « Kể bị lại giống trước nhất là Sở, kế đó là Ngô, kế nữa là U Việt. » — xin ghi nhớ lại giống đây là lại giống Mã-lai. Tôi vốn không thuộc sử Trung-hoa và Đông Nam Á, từ mấy nghìn năm trước đến nay, nên không dám phê bình, Nhưng

tôi chờ đợi được giải thích thì không được giải thích. « Những người Sờ, Ngô và U Việt không có di cư tới Sài-gòn, chúng tôi không biết họ ăn nói ra sao, nhưng chắc là họ giữ ngôn ngữ ít hơn Mân Việt, vì họ bị lai giống và đồng hóa nhiều trăm năm trước Mân Việt » — Bỏ qua cách hành văn di dôm về người Sờ, Ngô, U Việt có thể sống lại và di cư vào Sài-gòn để tác giả hỏi xem họ gọi con cá, ông trời, chim bói cá là gì... chúng ta phải khâm phục tác giả trong thể văn xác định « vì họ bị lai giống và đồng hóa nhiều trăm năm trước Mân Việt » — sự xác định, theo tôi tưởng, không cần cứ vào tài liệu nào, mà chỉ cần cứ vào sự suy luận của Bình-Nguyên Lộc.



Tôi vẫn nghi suy luận là khả năng thần thánh mà chỉ loài người mới có, nên tôi hết sức hoan nghênh mọi nỗ lực suy luận. Nhưng suy luận đòi hỏi điều kiện thiết yếu đầu tiên là sự dân trải và sắp xếp tin tức (yếu tố) cho có mạch lạc, thứ tự. Nhà suy tư tài tử của chúng ta thiếu hẳn hai yếu tố đó, nên tôi xin vì anh mà ghi nhận đôi điều tâng mát trong 400 trang sách.

I. — Anh cho biết, trang 10, 11, rằng một trong những định luật của ngữ học (có thể dùng trong mọi trường hợp) là luật về « sự mọc đầu, mọc đuôi, rụng đầu, rụng đuôi thỉnh lình của một danh từ, và đôi khi rụng luôn cả khúc giữa nữa... đầu đuôi nào cũng có thể mọc ra được cả, và cả khúc giữa cũng mọc và rụng như thường, mà không biết vì lẽ gì ».

Thứ hai đến luật Swadesh cho biết « cứ một ngàn năm thì một dân tộc biến dạng, hoặc thay thế hẳn danh từ của họ một lần và tới 20 phần trăm danh từ bị biến dạng ». Luật này bị công kích dữ, nhưng « chúng tôi (tác giả) thì chúng tôi nhìn nhận ».

Sau khi long trọng trình bày 2 định luật trên đây, công nhiên xác nhận rằng Việt ngữ ngày nay không thể là Việt ngữ ngày xưa — lẽ tất nhiên tiếng nói của Mã-lai, Nam-dương, Thái v.v... đều phải biến dạng, trong 2500 năm, ít ra là một nửa số danh từ — thế mà anh mất công viết mấy trăm trang sách so sánh ngôn ngữ ngày nay để mặc nhiên xác định những giềng mối ngày xưa.

Điều quan trọng cần bàn là Swadesh, trong khi nói danh từ bị biến dạng là hẳn nhiên có ý nói về danh từ của một số dân tộc có chữ viết từ lâu đời (như dân tộc Trung-hoa, Hy-lạp, Cờ Ai Cập v.v...) — chữ viết có tác dụng ghi khắc tiếng nói cho khỏi bị biến dạng quá nhanh. Như vậy, chúng ta phải hiểu như thế nào về sự biến dạng của ngôn ngữ Việt, Mã-lai, Ra-đê v.v... trong khi chúng ta cũng thấy rằng chỉ cách nhau có vài trăm năm, với hơn nghìn cây số, mà người Việt miền Bắc, miền Trung, miền Nam (thuần túy chưa có giao thiệp để nghe nói cho quen) đã khó mà hiểu nói nhau trong một câu chuyện thông thường.

Như vậy, chúng ta phải hiểu như thế nào về sự biến dạng (nếu có) của ngôn ngữ của bao nhiêu dân tộc, có khi cách xa nhau 10 ngàn cây số, trong 25 thế kỷ !

①

Tôi muốn nói với Bình-Nguyên Lộc, người sưu tầm và yêu mến ca dao, rằng có một định luật mà không ai chối cãi là một dân tộc càng lâu đời càng có nếp sống tế nhị, từ cách may mặc đến cách ăn ở, từ cách suy tư đến cách diễn tả tâm cảm con người.

Tôi mạn phép kể một vài thí dụ :

Về các món ăn, rất ít dân tộc biết dùng tôm, cá và đậu nành làm 3 thứ nước chấm căn bản, vừa ngon (hơi chủ quan !) vừa bổ — 18 phần trăm chất đạm ! Không kể những món ăn được biến chế để thỏa mãn khẩu vị của con người thích ăn ngon và ăn nhiều, người Việt hướng về cuộc sống thanh đạm, có những món ăn như đậu phụ rán (chấm tương) giò lụa, chả giò... Còn nói gì đến bánh chưng, bánh dày ?

Về văn chương, có lẽ không cần nói đến truyện Kiều, Chinh phụ ngâm, Tàn cung oán ?

Về giải trí, ở bao nhiêu nơi có điệu sáo đờ bầu nhạc trong không trung ? Có bao nhiêu nơi biết đặt trai lành gái tốt vào một bàn cờ trên thảm cỏ, để cho một chàng thư sinh « lên si, xuống si » như Khái Hưng kể lại, trong một truyện ngắn thần sầu ?

Để diễn tả tâm tình, dân tộc nào có anh chàng nào « xạo » một cách đáng yêu như anh chàng « bỏ quên cái áo trên cành hoa sen » ? Bình-Nguyên Lộc biết và nhớ nhiều ca dao hơn bất cứ ai, anh có thể nói cho tôi biết dân tộc nào ở

« vùng dưới » hay « vùng trên » có đời sống bình dân phong phú như thế ?

①

Tôi không tin rằng ca dao là sản phẩm ngẫu nhiên và đột ngột xuất hiện của dân tộc ta. Tôi tin rằng đem « trị thức », nghĩa là đem văn thơ, vào bình dân, là một chủ ý lâu dài của giới bác học người Việt thời xưa.

Đại chúng mà có học nhiều thì nước dễ loạn, chúng ta cứ xem ngay lịch sử Âu châu cũng đủ rõ. Nhưng đại chúng ngu dốt thì dân tộc thoái hóa, đi dần đến tiêu diệt. Bởi có ý thức sâu xa như vậy mà một mặt vẫn theo Nho giáo, bày đặt cho sự học thật khó khăn, còn mặt khác lợi dụng ngay nhạc tính rất phần thịnh của tiếng Việt để bày ra một phép làm thơ, và thơ phổ nhạc, thật dễ dàng mà vô cùng linh động : thơ lục bát ; hát quan họ, trống quân, hát ví, hò... toàn do người dân thường, không cần có học, sáng tác.

... bước ra vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em đi lấy chồng anh tiếc lắm thay...

Một ngôn ngữ như thế có thể nào là con đẻ của tiếng nói lưu lo của người Nam-dương, là anh em của tiếng nói cộc lốc của người Đại-hàn, Nhật-bản... viện lẽ rằng nguồn gốc của dân tộc Việt là Mã-lai !

①

Tôi không tin dân tộc Việt là con đẻ của dân tộc Mã, mặc dù tôi tin hai dân tộc có chung nhau một gốc tích.

Điều đáng trách ở Binh-Nguyên Lộc là anh đã coi thường sự nghiên cứu của nhiều nhà cổ sử học, mà rút cuộc anh vẫn tin ở họ quá đi. Trước hết anh tin rằng dân tộc Mã có ít lắm là 3 (ba) nghìn năm lịch sử trở lên; thứ hai anh tin rằng dân tộc Việt ngày nay chính là dân tộc Việt di cư từ Trung Hoa xuống phía Nam. Nguồn gốc sự sai lầm ấy là, cách đây mấy chục năm, chỉ có giống người anglo saxon là thích khảo cổ, mà Mã-lai trước đây là thuộc địa của Anh. Các nhà khảo cổ Anh rất dễ đào xới cổ tích ở Mã-lai cũng như đào xới cổ tích ở Ai-cập. Còn người Pháp, ngoại trừ những nhà bác học họa hoằn như Champollion (Ai-cập), rất ít người Pháp, hiểu động, thích thú môn học này. Người Anh, vì thế, tìm thấy di tích cổ xưa dân tộc Mã. Trong khi đó, ở Việt Nam, ngoài những vụ đào sông, đắp đê tìm thấy cổ vật (như ở Đông-sơn), anh Binh-Nguyên Lộc có thể kể bao nhiêu vụ tìm kiếm có phương pháp, căn cứ theo tài liệu lịch sử ở Việt Nam?

Người Pháp viết sử hộ, người Việt, đã làm một công việc dễ dãi là truy cứu trong một vài cuốn cổ thư của Tàu, thấy nói đến một nước Việt lui dần về phía Nam, bèn kết luận rằng đó chính là tổ tiên người Việt.

Tôi phản đối điều đó. Vì nói như vậy là nói rằng trên đất Việt, trước cuộc di cư, không có người ở. Đó là điều không chấp nhận được. Vì sao? — Vì :

Chính anh Binh-Nguyên Lộc đã đồng ý rằng loài người được hình thành

đầu tiên tại vùng Cao nguyên rừng Tuyết sơn (Himalaya), rồi từ đó di cư đi khắp nơi. BNL cho rằng dân tộc Mã đã di cư từ Tuyết sơn xuống phía Nam, nhưng anh không cho dân tộc ấy di cư một cách hợp lý và thích hợp với thiên nhiên, là đi theo dòng sông Cửu Long xuống vịnh Thái Lan, mà bắt họ đi theo 2 con sông Hoàng Hà, Dương Tử, ra đến bờ Thái Bình dương, rồi vượt bể mà đi xuôi.

Tôi không hiểu tại sao Binh-Nguyên Lộc không nghĩ rằng, sau khi tìm đến miền Đông dãy Tuyết sơn, các bộ lạc bán khai tùy vị trí thuận lợi mà di cư theo tất cả các dòng sông mà họ gặp. Nghi như thế thì, vào khoảng 20 nghìn năm trước, các lãnh thổ Trung-hoa, Bắc Việt, Nam Việt, Thái-lan, Miến-diên đã được thổ dân khai thác. Sự tranh giành, hoặc chí mao hiểm đã khiến cho nhiều cá nhân, rồi nhiều bộ lạc di cư ra các đảo lúc đó còn gần gụi lẫn nhau (?) — di cư đi, rồi lại trở về, đem nếp sống biến cả ảnh hưởng vào gốc tích.

Nói riêng về Bắc Việt, dù cho các tỉnh Thái-bình, Nam-định, Hưng-yên mới có sau này, Bắc Việt cũng đã có cả một vùng trung du rộng lớn, đủ dung dưỡng năm bảy trăm ngàn người thời tiền sử. Có thể rằng đến đời Hùng Vương dân-tộc-ở-Bắc-Việt vẫn còn giữ nguyên gốc cũ, mà những nhóm người ít bị lai giống vẫn giữ tên gọi cũ : dân tộc Thái.

Cho đến khoảng 3000 năm trở về sau, dân tộc Thái ở Bắc Việt phải chịu đựng 2 mũi tấn công từ : phía Bắc xuống, từ ngoài biển vào. Dân tộc Thái tính ưa

nhân, hưởng lạc ; dân ngoài biên vào không thạo việc trồng trọt, săn bắn (mà chỉ giỏi đánh cá) nên cả hai cùng bị lẩn khuất, bị lai giống, rồi bị đồng hóa với dân tộc Việt, chắc hẳn từ miền Bắc xuống nên vẫn minh hơn. Truyền thần thoại "vua Rồng lấy vợ Tiên", người trên núi người dưới bể phối hợp với nhau, mà đến phải chia con mà xa nhau, có phải chăng là điển tích của sự rút lui của hai giống người Thái, Mã, trước sức sống mãnh liệt của giống người phương Bắc ?

Xin mời anh Bình-nguyên Lộc phân xét, tôi thú thực không có vốn liếng gì về ngữ học, về khoa đo sọ người, và, nói chung, về khoa cổ sử. Ý kiến của tôi chẳng qua là sự mơ màng trước tấm bản đồ thế giới... Người Việt chúng ta đi đến nước nào cũng được công nhận có 2 đức tính bao trùm lên mọi đức tính khác, là sự tế nhị và óc phán đoán mau lẹ, xác thực. Tôi tin tưởng rằng một dân tộc muốn có được hai đức tính đó, không phải là một dân tộc được hình thành sau các dân tộc Hoa, Mã.. đến mấy nghìn năm.

Tôi nghĩ rằng dân tộc Việt gốc Thái, vốn cùng hiện hữu với dân tộc

Trung-hoa. Nhưng đất nghèo, dân thưa, khí hậu xấu, khiến cho tổ tiên chúng ta chậm tiến vì lao động chóng mệt mỏi và dân số cũng không tăng nhanh. Kịp đến khi hoàn cảnh tạo thành sự hòa đồng của ba nếp sống — Thái thì núi rừng, Mã thì châu lười, Việt thì canh nông lập ấp — khiến cho dân tộc Việt (ngày nay) có nhiều đức tính trái ngược : thông minh, ưa giao hảo, mà lại thích phản. Rồi sau đó, liên tiếp phải chịu đựng ngót nghìn năm chế độ Bắc thuộc, tổ tiên ta lại phải tập quen tính nhẫn nại, chịu đựng, mà gan góc không chấp nhận hòa đồng với nòi Hán.

Thông minh, càng ngày càng thông minh, là lợi khí và nhu cầu của kẻ yếu, yếu mà vẫn cố sống cho bằng người. Muốn được thế phải chịu học. Phải suy nghĩ luôn về mình và kẻ khác... Đó là nguồn gốc của đức tính tinh tế của dân tộc ta, mà, tôi dám chắc như vậy, không dân tộc nào trên thế giới bì kịp.

Anh Bình-Nguyên Lộc nghĩ sao, thưa anh ?

NGUYỄN MẠNH-CÔN

(2 tháng 8-1972)



NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỐI

Lô O số 121 Chung cư Minh Mạng Sài Gòn-10

Giám đốc sáng lập : Nhất Hạnh

Mời đọc những tác phẩm mới :

① NÈO VÀO THIỀN HỌC

của Nhất Hạnh

② 10 KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ HÔM NAY

của Tạ Tỵ

③ VÔ MÔN QUAN

của Thiền sư Vô Môn, Trần Tuấn Mẫn dịch

④ ĐỨC PHẬT GIỮA CHÚNG TA

của Bác sĩ Trần Ngọc Ninh

⑤ NÓI VỚI TUỔI HAI MƯƠI

của Nhất Hạnh (tái bản lần VI)

⑥ CHINH PHỤ NGÂM DIỄN ÂM TÂN KHÚC

của Phan Huy Ích - Nguyễn Văn Xuân phát giác

Mua sách tại LÁ BỐI được trừ hoa hồng. Luôn luôn bán các sách của các nhà xuất bản uy tín. Nhận gởi sách cho bạn đọc qua bưu điện. Xin hỏi thư mục, nhớ kèm tem. Thư đề Ông Võ Thắng Tiết.

giải đáp thắc mắc

Trong nhiều năm qua, chúng tôi đã làm quen với bạn đọc trên Tập san Văn, Tân Văn. Gần đây hơn, trên Tập san Giao Điểm. Vì anh Trần Phong-Giao bị đau bệnh, tờ Giao Điểm tạm ngưng xuất bản, chúng tôi còn giữ lại một số thư của bạn đọc. Nay xin đề Chính Văn đăng tải bài trả lời những thư còn đọng lại từ trước, khá nhiều.

Bạn đọc Chính Văn muốn nêu những thắc mắc, xin tạm thời giới hạn một câu hỏi trong mỗi thư và xin chỉ hỏi trong lãnh vực văn học tổng quát.

Chúng tôi sẽ cố gắng giải đáp giúp những thắc mắc của quý bạn. Vì đó cũng là dịp để chúng tôi tự học, trau dồi thêm kiến văn và học thức vốn nông cạn của mình.

THƯ-TRUNG

(với sự giúp đỡ của Một nhóm Học giả)

● Cúc Huyền. Tây-ninh. hỏi :

Xin ông cho biết tiểu sử nhà thơ tiền chiến Huyền Kiều ?

— Trả lời :

Huyền Kiều tên thật là Bùi Lão Kiều, sinh năm 1916 tại làng Liên-bạc, Bắc Việt. (Theo cổ thi sĩ Đinh Hùng. vì HK dề rơi tại Cầu Lão nên có tên là Lão Kiều, HK gọi ông Bùi Bằng Đoàn là bác).

Thuở nhỏ, HK học ở trường Bưởi, Hà-nội. Những sáng tác đầu đăng trên tờ Nội san của trường là tờ « Chàng học sinh Bưởi ». Sau, ông cộng tác với các báo « Ngày Nay », « Hà nội Tân Văn »...

Ông nổi tiếng về thơ và có biệt tài viết truyện trào phúng.

● Trần Dzu Tử, Quảng-trị. hỏi :

Trong tác phẩm « Đoàn trường Tân thanh » của Nguyễn Du, có câu : (...) « vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề » ; tôi đã hiểu nghĩa 7 chữ, còn tám nghề là nghề gì, xin quý báo cho biết ?

— Trả lời :

Tám nghề cũng là những « ngón » của gái buôn hương, dưng công mé hoặc khách tâm hoa. Muốn hiểu rõ, đề nghị bạn tìm xem trong cuốn « Kim Vân Kiều », do Bùi Khánh Diễm chú thích, Sống Mới xuất bản, Sài-gòn, 1960, nơi tr-tr. 128-129.

● **Phạm Như Trang, Đà-nẵng, hỏi :**

Xin ông vui lòng cho biết trọn bài thơ của Lý Thương Ẩn có hai câu sau đây :

« Xuân tâm đáo tử ty phương tận
Lập thụ thành khô lệ vị can... »

— **Trả lời :**

Đó là hai câu 3 và 4 trong bài « Vô đề ». Sau đây là nguyên tác và bản dịch :

VÔ ĐỀ

Tương kiến thi nan, biệt diệp nan
Đông phong vô lực, bách hoa tàn
Xuân tâm đáo tử ty phương tận
Lập thụ thành khô lệ thủy can
Hiếu kính dân sâu văn mẫn cải
Dạ ngâm ưng giác nguyệt quang hàn
Bồng lai thử khứ vô đa lộ
Thanh điều ân cần vị thám khan.

LÝ THƯƠNG ẦN

BẢN DỊCH

Khó gặp nhau, càng khó biệt nhau
Gió đông nở rộ cánh hoa rầu
Thân tâm đến tử ty còn vương
Ngọn nến thành than, lệ mới lau
Đêm hương thơ ngậm buồn nguyệt lạnh
Ngày thương tóc đã tái gương sâu
Bồng Lai đường có xa chỉ mấy
Thanh điều nhờ thăm đã khần cầu.

BUI KHÁNH ĐÀN

● **Nguyễn Văn Năm, Mỹ-tho, hỏi :**

Xin chú cho biết kết quả cuộc thi văn chương năm 1943 do Hội Alexandre de

Rhodes tổ chức. Chú đã tìm trong nhiều báo chí Việt ngữ xưa và nay mà không thấy...

— **Trả lời :**

Bạn tìm không ra là phải. Ngay hồi 1943, các nhật báo, tuần báo, tạp chí bằng quốc ngữ xuất bản trong nước, chẳng có tờ nào loan báo kết quả cuộc thi văn chương do Hội Alexandre de Rhodes tổ chức cả. Không rõ vì sao ?

Theo tạp chí *Indochine* số 176, ngày 13-1-1944 :

Có tất cả 133 bản thảo gửi đến dự thi (79 bản thuộc loại trước tác : tiểu thuyết, khảo cứu, phóng sự..., và 49 bản thuộc loại dịch thuật) (1). Rốt cuộc, 9 bản được giải thưởng :

A) Giải Gia Long (loại trước tác) :

— Giải ba (nhứt, nhì không có) :
« Bông tre xanh », tiểu thuyết phong tục của ông Đỗ-thứ-Vĩnh, sinh viên trường Canh-nông, 25 tuổi, chưa viết sách báo nào.

— 2 Giải khuyến khích :

a) « Tinh thần Khoa học » của ông Nguyễn-văn Tài, Hà-nội.

b) « Đào Duy Từ » của ông Nguyễn đồng Chi, Hà-tĩnh, tác giả « Việt nam Cổ văn học sử ».

B) Giải Alexandre de Rhodes (loại dịch) :

— 6 giải khuyến khích :

1) Bản dịch 100 bài thơ ngụ ngôn của La Fontaine : ông Nguyễn-trịnh Vực, Thanh-hóa.

2) Bản dịch quyền « *Vers un confucianisme nouveau* » của M.G. Bois : ông Lê-doãn Vỹ, Bắc-ninh.

3) Bản dịch *Cent pensées de Napoléon* : ông Dương-phụng Dực, Hà-nội.

4) Bản dịch quyền *Grands Coeurs* của de Amicis : ông Hà-mai Anh, Nam-dịnh. (2)

5) Bản dịch quyền *Fais ta vie* của Charles Richet : ông Trần-doãn Ngươn, Biên-hòa.

6) Bản dịch quyền *Bizarreau* của André Theuriot : ông Trần-văn Nghị, Paksé, (Lào).

Cũng trên báo *Indochine*, số 178, ngày 27-1-1944, ông Nguyễn-văn Tố có viết bài, nhan đề : « *Quelques remarques sur les derniers concours littéraires de l'Association Alexandre de Rhodes* ». Nếu bạn muốn biết những ý kiến của Hội đồng Giám khảo, bạn có thể tìm đọc lại bài báo dẫn trên. (Ban Giám khảo gồm có : Ô Ô. Phạm Quỳnh, Nguyễn-văn Tố, có chân trong Trường Viễn-dông Bắc-cử, Vũ đình Hoè, chủ nhiệm báo « *Thonh Nghi* », và Pisier, thay mặt hội A. de Rhodes).

● Tôn nữ Thoại Nhy, Hué, hỏi :

Xin bác vui lòng cho biết hai câu thơ sau đây nằm trong bài nào ? của ai ? Nếu được, xin bác cho đăng nguyên văn cùng với bản dịch...

— Trả lời :

Hai câu thơ cô hỏi tìm thấy trong bài « *Tương Tiến Tù* » của Lý Bạch.

Sau đây là nguyên văn, cùng bản dịch của Ngô Tất Tố.

TƯƠNG TIẾN TÙ

Quân bất kiến Hoàng-hà chi thủy
thiên thượng lai

Bôn lưu đảo hải bất phục hồi.

Hựu bất kiến cạc đường minh kính

bì bạch phất,

Triều như thanh ti, mộ như tuyết ?

Nhân sinh đắc ý, tu tận hoan,

Mạc xử kim tôn không đối nguyệt !

Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng

Thiên kim tán tận hoàn phục lai.

Phanh dương, tề ngư, thả vĩ lạc,

Hội tu nhất ẩm tam bách bôi !

Sâm phu tử, Đan khấu sinh !

Tiến tử, quân mạch đình !

Dữ quân ca nhất khúc,

Thỉnh quân vị ngã trắc nhi thỉnh :

Chung cổ soạn ngọc bất tức quý,

Đãn nguyện trường tủy, bất nguyện

tinh.

Cố lai thánh hiền giai tịch mịch.

Duy hữu âm giả lưu kỷ danh,

Trần vương tịch thi yến Bình lạc,

Đầu tửu thập thiên tứ hoan húc.

Chủ nhân hà sự ngôn thiên tiến ?

Kính tu cô tửu đối quân chúc !

Ngũ hoa mã, thiên kim cừ !

Hô nhi tương xuất hoá mĩ tửu,

Dữ nhi đồng tiêu vận cô sầu !

LÝ BẠCH

(1) $7 + 49 = 128$. Như vậy, còn 5 bản thảo nữa đâu ? cho đủ số 133 ?

(2) Bản dịch, nhan đề *Tâm hồn Cao thượng*, nay đã được tái bản tới lần thứ 15.

SẮP KÈO RƯỢU

Con sông Hoàng lưng trời tuôn nước
 Xuống biển rồi có ngược lên đâu !
 Nhò cao gương xốt mái đầu,
 Sớm còn tơ biếc, tối hầu tuyết pha.
 Vui cho đây, khi ta đắc ý !
 Dưới vầng trăng, đừng đề chén
 không.

Sinh ta, trời có chỗ dùng.
 Nghìn vàng tiêu hết, lại trông
 thấy vẽ.

Chén đi đâu, trâu, dê cứ giết,
 Ba trăm ly, phải hết một lần.
 Khẩu, Săm hai bác bạn thân,
 Rượu kéo xin chờ ngại ngần ngừng
 thôi !

Ta vì bác, hát chơi một khúc !
 Bác vì ta, hãy chúc bên tai :
 Ngọc, tiền, chuông, trống mặc ai.
 Tình chi ? chỉ muốn cho dài cuộc say.
 Bao hiền thánh đến nay ai rõ ?
 Phưởng rượu ta tên họ rành rành :
 Trần vương bữa tiệc quán Bình,
 Mười nghìn đấu rượu thỏa tình đùa
 vui.

Chủ nhân chó ngậm ngùi tiền ít.
 Mua rượu ta chén tít cùng nhau.
 Áo cừu, ngựa gấm, đề đâu ?
 Gọi con đem đổi vài bầu rượu ngon.
 Uống cho muôn thừa tan buồn !

NGÔ TẮT TỐ

Đã phát hành

SA ĐOẠ

truyện kể ALBERT CAMUS

TRẦN THIÊN-ĐẠO phiên dịch và chú giải

GIAO-ĐIỂM xuất bản

Đời Mới tổng phát hành

232 trang — giá 300 đồng

Một tác phẩm nền tảng của triết thuyết hiện sinh mà văn giới
 và học giới không thể bỏ qua..

HỘP THƯ BẠN ĐỌC

THÂN GỬI BẠN ĐỌC

Thư từ gửi cho tôi, mong anh em bằng hữu khắp nơi cứ gửi về địa chỉ cũ :
số 473/2 đường Hai bà Trưng, Sài Gòn-3.

Liên lạc trực tiếp, xin mời anh em ghé vào buổi chiều vì buổi sáng tôi bận đi làm. Gọi dây nói, xin kêu số 99-751.

Trần PHONG-GIAO



SÁCH
BÀO
MỒI

Tòa soạn CHÍNH VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc:

☆ ANH EM NHÀ KARAMAZOV, Dostoievski, Trương Đình Cử dịch, An Tiêm xuất bản. Sách dày 756 trang, không ghi giá bán.

Bản dịch tác phẩm lớn của nhà văn hào Nga-la-tư, thế kỷ thứ XIX. Đây là quyền đầu của bộ trường thiên tiểu thuyết mà bản Việt dịch sẽ gồm hai cuốn.

○ TÂM TÌNH HIỂN DẰNG, Rabin-drath Tagore, Đỗ Khánh Hoan dịch, An Tiêm xuất bản. Sách dày 120 trang, giá 350 đồng.

Bản dịch "The Gardeners", thi phẩm nổi danh của thi hào Ấn-độ, giải Nobel về Văn chương năm 1913.

☆ THỪ HÒA ĐIỀU SỐNG, Võ Đình Cường, An Tiêm xuất bản. Sách dày 112 trang, giá 280 đồng.

Sách gồm 10 bài tâm bút viết cho lứa tuổi đôi mươi, bản in lần thứ 8.

○ LÀ LOẠI CHIM KHÓC AI, Thanh Quang, Văn hóa Đại đạo Hồng môn ấn hành. Sách dày 130 trang, giá 300 đồng

Thi phẩm gồm gần trăm bài thơ, phụ bản hai bức tranh cổ. Sách được ấn hành như một nén tâm hương tưởng niệm nhà văn Lê Văn Trương.

★ THUẬT VIẾT VĂN, Nguyễn Văn Hầu, Hương Sen xuất bản. Sách dày 286 trang, giá 340 đồng.

Tái bản cuốn "Những lỗi thông thường trong thuật viết văn", có tăng bổ. Biên soạn công phu và giản minh, sách là tài liệu tham khảo cần thiết không những cho các bạn học sinh mà còn cho những bạn muốn tập làm văn, viết báo.

○ NHỮNG TẬT BỆNH THÔNG THƯỜNG TRONG LỬA TUỔI HỌC

TRÒ, Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc, La Ngà xuất bản. Sách dày 272 trang, bản đặc biệt không ghi giá.

Sách là một cẩm nang y học, cần thiết cho lứa tuổi học trò. Tác giả được học giả Nguyễn Hiến Lê giới thiệu như một y sĩ có tài, lại là một thi sĩ, nên tuy sách có tính cách chuyên môn mà đọc lại nhẹ nhàng, thú vị...

☆ TUYỆT HUYẾT CA, Đặng Tấn Tới, Văn Động xuất bản. Sách dày 16 trang, bản đặc biệt không ghi giá.

Thi phẩm thứ ba của Đặng Tấn Tới là một bài thơ dài. Bìa và ruột do chính tác giả vẽ và trình bày.



★ Tôn-nữ Thọai-Nhỹ, Huế :

1) M-M hiện ở Huế. Cô có thể viết thư gửi : th/u Trần văn Quảng, Phòng Báo chí, KBC 48.95 2) Nhắm thứ bảy 4 tháng 2 năm 1950.

○ Quý bạn : Phạm Ngọc Cảnh, Phạm Ngọc Lư.

Chân thành cảm ơn chung quý bạn.

★ Lê Miên Tường, Biao.

Sẽ đăng truyện "Thối, ngủ đi khuya rồi" nếu CV còn có cơ duyên ra tiếp, sau số này. Sẽ liên lạc với bạn sau, Chúc lành. Tình thân.

CÁO LỖI

Vì lâm trọng bệnh bất ngờ, bản chỉ chủ nhiệm đã không thể viết tiếp được đoạn kết tiểu luận « Kinh tế và Cách mạng ».

Xin được chân thành cáo lỗi cùng toàn thể bạn đọc.

Tòa soạn CHÍNH VĂN

Chúng tôi đang đọc những bài của quý bạn có tên sau đây. Những bài được chọn đăng sẽ có tin nhắn riêng. Mong quý bạn tiếp tục gửi sáng tác mới khác cho Chính Văn. Đa tạ.

BÀI LAI CÀO



○ VĂN :

Quý bạn : Nguyễn Phước Định-Linh Tri. Linh mũ nâu. HVD. Xuyên Việt H K. Đàm Trường. Việt Phong.

○ THƠ :

Quý bạn : Trần Hoàng Vy. Huỳnh Kim Sơn. Huỳnh Hữu Thư. Hoài Viễn Phương. Tô Châu. Việt Hoài. Thy Tân. Nguyễn Đức Sơn, Huế. Linh Tri. Hải Sơn. Lynch Tử. Nguyễn Kiên Nhân. Hoàng Nam Phương. Týnh. YEMT.

CỬU LONG BẢO HIỂM CÔNG TY

Mekong Insurance & Reinsurance Company

Công - Ty Nặc Danh với số vốn 25.000.000đ.



Phục vụ tận tâm — bồi thường mau lẹ

Dùng hòa quyền lợi của khách hàng và quyền lợi của

Công ty để mang lại thịnh vượng chung cho toàn thể

bảo hiểm mọi ngành :

— VẬN TẢI — XE TỰ ĐỘNG

— HỎA HOẠN — TAI NẠN

TRỤ SỞ : 9 CÔNG TRƯỜNG LAM SƠN — SAIGON

Điện thoại : 99.291, 96.931